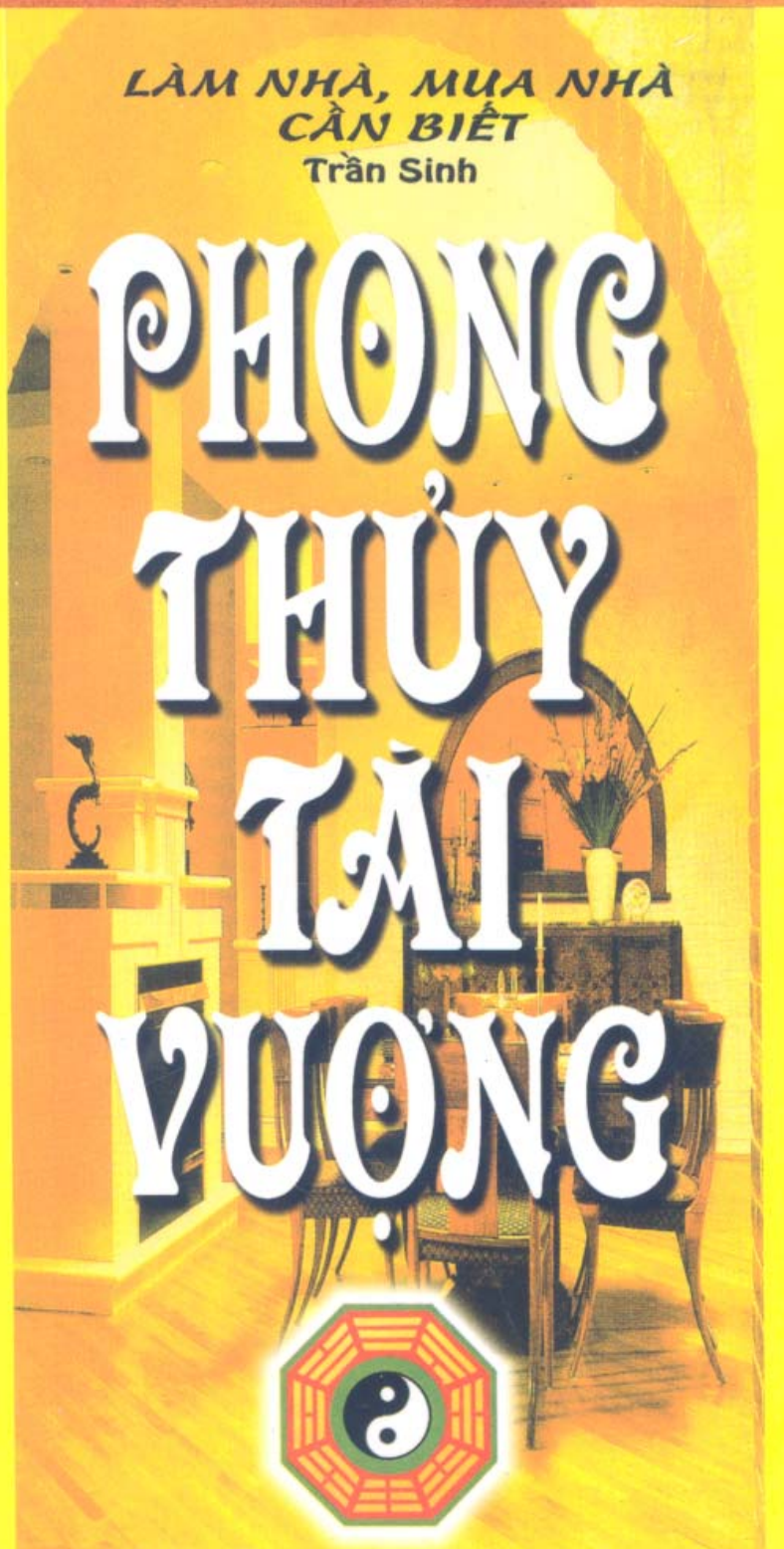
LÀM NHÀ, MUA NHÀ CẦN BIẾT

Trần Sinh

PHONG THỦY TÀI VƯỢNG



PHONG THỦY TÀI VƯỢNG
Làm nhà, mua nhà cần biết

Anh chị có thể xem thêm nhiều tài liệu phong thủy hay về nhà ở tại Blog On Home Asia: https://blog.onhome.asia/phong-thuy-nha-o

PHONG THỦY TÀI VƯỢNG

Làm nhà, mua nhà
cần biết

Biên soạn: Trần Sinh - Minh Châu



NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

Cty VĂN HÓA ĐÔNG SƠN
Liên kết xuất bản & phát hành
Tel: (04) 987.1837

Lời nói đầu

Người Việt Nam rất coi trọng việc chọn phương hướng, địa hình, thế đất để dựng nhà, đặt mộ và các công trình xây dựng khác. Đất lập nhà cửa gọi là Dương cơ, *đất để mả gọi là* Âm phần. *Chú trọng âm phần, dân gian thường dựa vào thầy địa lý đặt mộ. Phép địa lý dựa vào hình thế đất: Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ và long mạch để tìm huyệt trường. Nhiều người cho rằng: nếu được thế đất tốt để đặt mộ thì dòng họ sau này sẽ thịnh vượng.*

Từ xưa, thuật phong thủy được áp dụng phổ biến ở dân ta trong việc xây đình, chùa, đền, miếu, trong việc dựng mồ mả. Thời Lê sơ có ông Nguyễn Hữu Huyên người làng Tả Ao, Hà Tĩnh nổi tiếng về thuật phong thủy, thường gọi là thầy địa lý Tả Ao. Viện Hán Nôm hiện lưu giữ 70 cuốn sách viết về thuật phong thủy. Càng là tầng lớp vua quan, thuật phong thủy càng được tôn trọng và áp dụng triệt để. Trong chiếu dời đô của vua Lý Thái Tổ từ Hoa Lư ra Thăng Long có đoạn viết: "Nơi trung tâm của trời đất, được cái thế rồng cuộn, hổ ngồi, đúng ngôi Nam - Bắc - Tây - Đông...".

Nhiều nơi một thời người ta gọi "phong thủy" là địa lý, dùng vào việc xem hướng nhà cho người sống, hướng đặt mồ mả cho người chết... nhằm mang phúc mang lộc cho con cháu mai sau.

Thời hiện đại ngày nay, khái niệm phong thủy (hay địa lý) đã có cách nhìn mới, song về cơ bản vẫn còn đậm tính kế thừa tinh hoa truyền thống của người xưa.

Nội dung sách được chia làm 4 phần:

1. Khái quát: Giới thiệu vài nét về lý luận về phong thủy, nguyên lý Ngũ hành, Bát quái, Mệnh trạch gia chủ và các bước lựa chọn phương vị nhà ở.

2. Ảnh hưởng của ngoại cảnh đến tài vận và một số biện pháp thúc đẩy tài vận.

3. Bố trí nội thất ảnh hưởng đến tài vận.

4. Giới thiệu một số mô hình nhà ở ứng dụng theo "Bát trạch và 24 Sơn hướng".

Phụ lục: Một số bảng tra cứu tuổi mệnh Trạch, nguyên lý chọn ngày, giờ tốt dựng nhà

Cuốn sách này, tập trung trình bày về hướng nhà (phần Dương trạch), bố trí bài trí - những điều kiêng kị cần biết khi mua hay xây dựng một ngôi nhà, điều chỉnh nội thất sao cho có được sự hợp lý nhất về tài vượng và sức khoẻ chủ nhân hòa hợp với môi trường theo quan niệm mới.

Do trình độ có hạn, không sao tránh được thiếu sót. Kính mong bạn đọc chỉ giáo để lần xuất bản sau, nội dung phong phú hơn.

Nhóm soạn giả

Chương I

KHÁI QUÁT

I. PHONG THỦY LÀ GÌ

Thuật ngữ phong thủy nằm trong cụm từ "Thuật phong thủy" (hay Thuyết phong thủy), một hình thức tôn giáo cổ xưa ở các nước phương Đông trong đó có Việt Nam. Thuật phong thủy được đề cập khi người ta tìm đất để chôn người chết (Âm trạch) hoặc tìm đất làm nhà ở (Dương trạch). Phong thủy đã có hàng ngàn năm lịch sử ở nước ta.

Thuật phong thủy (còn gọi là *thuyết phong thủy* hay *phong thủy*...) là một hình thức tín ngưỡng Trung Hoa cổ, gắn liền với việc chọn đất (mai táng hoặc làm nhà), là lý thuyết về *tàng phong* (giữ gió), *đắc thủy* (đất được nước), *tụ khí* (hội tụ sinh khí) với hai yếu tố quan trọng nhất là Phong (gió) và Thủy (nước). Những người am hiểu lý thuyết phong thủy, biết thực hành những nghi lễ thủ tục, những hoạt động mang tính chất huyền bí (tìm long mạch, xác định phương hướng...) được gọi là *thầy địa lý, phong thủy tiên sinh, phong thủy gia*...

Từ những cuộc tìm kiếm đất làm nhà cho một gia đình, đến việc chọn đất định cư cho một tộc người, một kinh đô cho vua chúa.... người ta dần dần nhận thấy rằng: Nơi nào giữ được gió (Tàng phong),

đất được tưới ẩm (Đắc thủy), hai yếu tố quan trọng nhất, vùng đất ấy sẽ có sinh khí (Tụ khí), sẽ được coi là nơi "Đất tốt".

Từ kinh nghiệm sống, từ thực tiễn sản xuất và nhất là sau khi hòa nhập với thuyết Âm Dương, Ngũ hành, thuyết Phong thủy (Phong thủy luận) dần đi đến hoàn chỉnh với cơ sở lý luận chặt chẽ, ổn định phát triển và tồn tại trong tri thức dân gian tới ngày nay.

Phong thủy học bao gồm ba yếu tố quan trọng:

- Một là Khí trường Vũ trụ và Từ trường địa cầu ngoại tại tức là *Đại hoàn cảnh* (Đại chu thiên).

- Hai là Tuyến khí động của con người giao hòa giữa Thiên - Địa - Nhân, tức là *Tiểu hoàn cảnh* (Tiểu chu thiên).

- Ba là Tâm tính cá nhân nội tại, tức là *Đức tính.*

a) Địa khí là gì?

"Khí" tựa như vô hình nhưng lại có hình. Khí thuộc về Trái đất gọi là "địa khí". Trong từ điển có ghi "địa khí là tinh khí của quả đất". Trong "Địa lý phong thủy", người ta quan niệm "khí tạo ra hình thế, hình thế lại dẫn khí chảy theo". Tức là nói, địa hình được hình thành do khí tự nhiên, đến lượt khí tự nhiên lại theo địa hình đó mà lưu động. Do đó, muốn biết "xem khí" cần phải biết "xem địa hình".

"Khí" trong Phong thủy, là một khái niệm triết học cổ, một loại cảm giác vô hình. Đối lập "khí" là "hình". Vô hình trung cũng là "khí"; Thiên có "Thiên khí"; Địa có "Địa khí"; nhà ở có "Ốc khí"; người có

"Nhân khí". Vạn vật đều có "khí" của nó, điều này được các giáo trình triết học phương Đông đề cập.

"Khí" của nhà ở (Dương Trạch) có hai luồng học thuyết, một gọi là "Nạp khí", một gọi là "Khí sắc".

"Nạp khí" gồm hai loại "Địa khí" và "Môn khí", tất phải có hai thứ tương phối mới đúng, cũng có thể nói hai thứ này đều vượng; mới tốt; nếu có một phía nào đó yếu thì không tốt. "Địa khí" rất quan trọng, liên quan chặt chẽ tới "cát" hay "hung". Cát theo quan niệm mới diễn đạt về người biết vận dụng sức mạnh năng lượng của "địa khí". Hung hàm chỉ những người không biết vận dụng địa khí mà còn để địa khí lưu tán dần mất.

"Khí sắc" lại chia hung cát, liên quan đến nhà cũ nhà mới. Có nhà trông vào tuy thấy cũ nát nhưng lại sáng sủa, vào nhà cảm giác ấm áp dễ chịu, ngôi nhà này làm ăn sẽ phát đạt. Ngược lại, nhà trông thì thấy mới mẻ, sáng sủa, nhưng khí sắc đạm nhạt, khách vào cảm giác lạnh lẽo, khó chịu bất an. Ngôi nhà như vậy, ở lâu dễ ốm đau, làm ăn thường lụn bại.

Bình thường khó cảm nhận được "khí" của ngôi nhà, chỉ có người ngoại cảm, hoặc người tu luyện khí công mới có thể thấy được. Nói chung, hồng sắc là biểu hiện cự phú, nhưng hiện ra khí của ngọn lửa, thì lại là hỏa tai.

Trong "Khí" lại phân ra "Khí tốt", "Khí xấu". Khí tốt là "Chính khí", là "Thanh khí" thứ cần thiết cho sức khỏe con người; "Khí xấu" là "Tà khí", là "Trọc khí", báo hiệu cơ thể nhiễm tật bệnh.

Địa khí có ảnh hưởng rất lớn đến mệnh vận đời

sống con người sống trên vị trí đó. Kết luận đó hiện khoa học nay nay chưa có cách gì giải thích được nhưng được thực tế khẳng định. Nếu biết xây nhà, cất mộ ở những vị trí địa huyệt thích hợp thì sẽ được vận khí rất tốt, dễ dàng phát triển giàu sang phú quý.

b) Ngũ hành và Bát quái

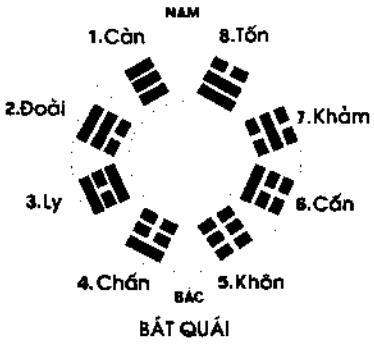
Thuyết Ngũ hành là trung tâm tư tưởng thuật phong thủy. Người xưa cho rằng vạn vật đều do năm loại năng lượng lớn tạo ra và có mặt ở trong mọi thành phần Vũ Trụ: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Chúng chi phối điều hòa lẫn nhau theo quy luật tương sinh và chế khắc.

Tương sinh: Mộc sinh Hoả, Hoả sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy.

Tương khắc là: Thổ khắc Thủy, Thuỷ khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc.

Ngũ hành cũng có "Ngũ hành khí", mầu sắc của "Mộc khí" là mầu xanh lục, có vị chua, vào cơ thể thì tới gan; "Hỏa khí" là màu đỏ, vị đắng vào cơ thể thì tới tim; "Thổ khí" là màu vàng, vị ngọt, vào cơ thể thì dẫn tới phế; "Kim khí" là màu trắng, vị cay, vào cơ thể được dẫn tới tạng tỳ; "Thủy khí" màu lam nhạt, vị đậm vào cơ thể dẫn tới thận.

Cách đây 2500 năm, từ những hiện tượng tự nhiên cuộc sống, các nhà hiền triết cổ Trung Quốc chọn ra 8 đại diện: Thiên, Địa, Lôi, Phong, Thủy, Hỏa, Sơn, Trạch và dùng hào biểu thị Âm, Dương chồng lên nhau tạo ra Bát Quái (tám quẻ) tượng trưng cho 8 loại hiện tượng trên. Tám loại tượng này



BÁT QUÁI

Hình vẽ bên gọi là *Tiên thiên Bát quái*. Nó biểu tượng cuộc tái tạo ra muôn loài, muôn vật đã hoàn thành do sự biến đổi của Dịch lý và Âm - Dương giao thác, giao hòa, tiêu trưởng, thăng giáng hỗ tương cho nhau. Trong đó mỗi quẻ là sự chồng ghép

chính là tượng của Bát quái nhằm mô tả và tượng trưng cho Vũ trụ khi mới hình thành: Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Trong đó mỗi quẻ mang ý nghĩa nhất định:

Càn: là Trời, kiện, là cha, là đầu, là ngựa, là ngọc, là kim, là băng hàn, là màu đỏ...

Khôn: là thuận, là đất, là mẹ, là bụng, là bò, là vải, là keo kiệt, là số đông...

Chấn: là động, là sấm, là rồng, là chân, là trưởng nam...

Tốn: là nhập, là gió, là hông, là trưởng nữ, là gà, là màu trắng, là cao...

Khảm: là hãm, là nước, là tai, là trung nam, là vòng cung...

Ly: là sáng, là hỏa, là ngày, là chim trĩ, là mắt, là trung nữ, là điện...

Cấn: là dừng, là núi, là chó, là tay, là thiếu nam, là đá nhỏ...

Đoài: là vui, là đầm, hồ, là dê, là miệng, là thiếu nữ, là phủ quyết...

Ngay từ khi ra đời Bát quái được sắp xếp theo thứ tự thành Bát quái biểu thị phương vị, khí tượng, thời tiết và dự báo Cát hung của quá khứ, tương lai của sự vật, con người. Vì thế Bát quái tuy thô sơ nhưng mang ý nghĩa rất rộng. Nếu như lồng ghép các *quẻ đơn* trong Bát quái với nhau ta sẽ có vô số các *quẻ kép* để dự báo nhiều sự kiện phức tạp (*Xem bảng tượng Bát quái*).

Bát quái dưới góc độ Ngũ hành:

Càn, Đoài thuộc Kim.

Khôn, Cấn thuộc Thổ.

Chấn Tốn thuộc Mộc.

Khảm thuộc Thủy.

Ly thuộc Hỏa.

c) Khảo sát địa hình (phong)

Khoa học địa lý phong thủy về cơ bản chính là quan sát, phán đoán vị trí trên mặt đất nơi mà địa khí có tụ khí hay không? Ngược lại xác định vùng đất hung tướng tức địa khí ở đó không ngưng tụ mà lưu tán. Những nơi ở nào con người luôn không gặp may mắn, tai hoạ triền miên thường coi là đất hung tướng. Những nơi thuận lợi cho việc làm ăn, sức khoẻ dồi dào thì nơi đó coi là cát tường. Từ đó cho thấy ai cũng có ít nhiều khả năng dự báo cát hung cho vùng đất toạ lạc. Từ kinh nghiệm dân gian chúng ta đã có một số tổng kết nhất định.

BẢNG TƯỢNG BÁT QUÁI

Phương vị	Tây bắc	Tây	Tây nam	Nam	Đông nam	Đông	Đông bắc	Bắc
Bát quái	Càn	Đoài	Khôn	Ly	Tốn		Chấn	Cấn Khảm
Tự nhiên	Trời	Ao đầm	Đất	Lửa	Gió	Sấm	Núi	Nước
Xã hội	Cha	Thiếu nữ	Mẹ	Trung nư	Trưởng nữ	Trưởng nam	Thiếu nam	Trung nam
Thuộc tính	Mạnh	Vui	Thuận	Che	Vào chở	Động	Dừng	Trung
Động vật	Ngựa	Dê	Trâu	Chim công	Gà	Rồng	Chó	Lợn
Cơ thể	Đầu, phổi xương	Ruột già, miệng	Lá lách, bụng	Tim, ruột non, mắt	Mật, đùi	Gan, chân	Dạ dày, thắt lưng	Thận, Bàng quang Tai

- Địa hình tụ khí dễ dàng thường coi là khu vực tượng cát và dân cư làm ăn đông đúc tấp nập.

- Khu vực có đường đi quanh co, dòng khí không ổn định dễ phát sinh tai họa, sự cố gọi là tượng hung(khu vực điểm đen giao thông).

- Hình dạng mảnh đất dựng nhà tốt nhất là vuông vắn, Hình tròn hay tam giác thường thường gây tai họa cho gia chủ

Từ kinh nghiệm đó cho thấy, nơi nào có điều kiện "Tàng phong đắc thủy", thì "Sinh khí" mới được tích tụ, mới được lâu bền. Theo Tưởng Bình Giai nhà Phong thủy lỗi lạc thời Minh (Trung Hoa): "Sinh khí, tụ khí không chỉ tạo diện mạo cho núi sông, cho cảnh quan môi trường sống của con người, mà còn tạo nên con người (kể cả những người đã khuất)". Dựa vào quan niệm này, các nhà Phong thủy cho rằng: Sở dĩ trời đất, núi sông... "có hồn" là do được tụ khí, được thổi vào một lượng "sinh khí" dồi dào và mai táng là "đưa sinh khí" trở về với hài cốt. Đó cũng chính là vùng đất "Địa linh nhân kiệt".

Khi xem Phong thủy cho một đơn vị đất, phải tìm hiểu chỉ tiêu "tụ khí, hòa khí, sinh khí" (cát địa, phú địa) của nơi đó. Công việc đầu tiên của người xem phong thủy là tìm Long mạch (Mịch long) tức tìm những địa khí lớn chảy thành luồng gọi là *Long* hay *Địa long* dựa và hướng của hình thế, hướng núi. Nơi dừng khí (tụ khí) được chú ý hơn cả. Đó chính là *huyệt*, điểm hội tụ năng lượng Trái đất. Nếu đất đó có địa thế rộng rãi, bằng phẳng, có nước chảy quanh, được coi là đất tụ khí (Huyệt), đất có long mạch. Tiếp theo là xem xét những ngọn núi xung quanh

(Sát sa). Nếu đất dựa vào nhiều núi (hình thế Tứ sa, Tứ linh) tức là đất có đủ điều kiện về *tàng phong tụ khí*.

d) Khảo sát nguồn nước (quan thủy)

Yếu tố Thủy, là "khí hữu hình" (khi có hình dáng, chiều hướng cụ thể). Đây là điểm mấu chốt của phép Phong thủy: "Phong thủy chi pháp, đắc thủy vi thượng, tàng phong vi thứ" (Phép phong thủy lấy Thủy làm chỉ tiêu đầu tiên, Phong là thứ hai) do vậy phải chú ý đến các dòng chảy, hồ ao, giếng nước xung quanh.

Dòng chảy sâu kéo dài thì khí vượng, dòng chảy ngắn mà nông thì khí tụ không nhiều; nước chảy quanh co, êm đềm là cát, chảy xói thẳng, mạnh mẽ là hung.... Ngày nay, khái niệm "dòng chảy" ở các đô thị được thay thế bằng "đường xá". Tuyến đường nào rộng rãi, nhiều xe cộ, nhiều người qua lại, thì khí vượng; ngược lại đường ngắn, đường cụt ngõ hẻm, thưa người qua lại thì khí tụ không nhiều.

Sau khi tìm được "mịch long" (long mạch), "sát sa", "quan thủy", mới quyết định "điểm huyệt" và xác định "minh đường" (khoảng đất xung quanh nhà hay quanh huyệt mộ), từ đấy mà chọn lựa, hay điều chỉnh để có vùng đất vượng khí để "Dương trạch" (xây cất công trình kiến trúc, nhà ở, đền chùa...) hay "Âm trạch" (mai táng), nhằm mang lại sự an lành, phúc lộc cho cuộc sống hiện tại và cho đời sau.

Xem Phong thủy là cả một chuỗi những công việc khó hiểu với các thuật ngữ thần bí. Song, với "Ba yếu tố quan trọng" của Thuyết Phong thủy, ta

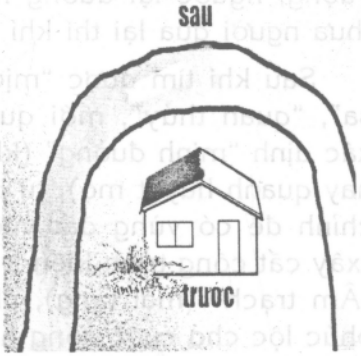
thấy nổi lên yếu tố tích cực, đó là đức tính, hoàn cảnh "Nhân định thắng thiên". Đối với chỗ ở, dựa theo những quy tắc trong thuyết Phong thủy, ứng dụng những kinh nghiệm dân gian truyền thống hoàn toàn có thể điều chỉnh lại được, cố gắng đạt tới mục đích "Giành cát tránh hung", giảm tới mức tối đa những hậu quả xấu. Nhiều người nghiên cứu Phong thủy chấp nhận những thủ pháp (áp đặt) mà thuyết Phong thủy đề ra để thực hiện chỉnh đổi nội thất trong nhà, cảnh quan bên ngoài theo cơ chế sinh khắc, chế hãm vẫn có được ngôi nhà gần như hợp với Mệnh trạch của mình. Đây cũng là mục đích chính của nhóm tác giả biên soạn cuốn sách này.

II. MỘT SỐ ĐỊA THẾ ĐIỂN HÌNH

Dưới đây là một số địa thế theo địa lý phong thủy điển hình biến được dân gian truyền lại có kết hợp với cách nhìn mới của xã hội hiện đại.

a) Địa thế cát phú

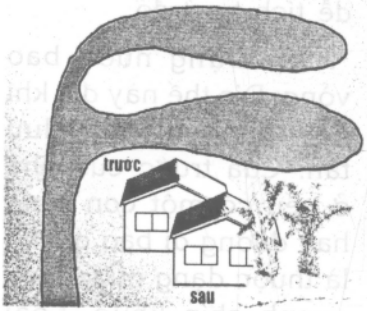
1. Dạng "Cự môn thổ tinh": Loại địa hình này có thể giữ được tiền của, tức là khi quanh nhà ở có đường đi hay dòng sông bao bọc. Cự môn là tên của thần tài vận, sống lâu ở chỗ đất



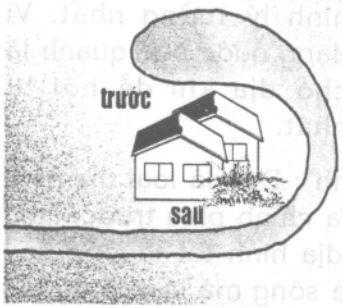
Dạng "Cự môn thổ tinh"



Dạng nước cong chín khúc



Nước bao kép ở phía trước



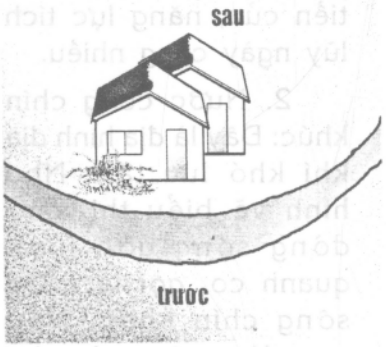
Dạng nước bao đơn phía trước

này địa khí sẽ giữ được tiền của, năng lực tích lũy ngày càng nhiều.

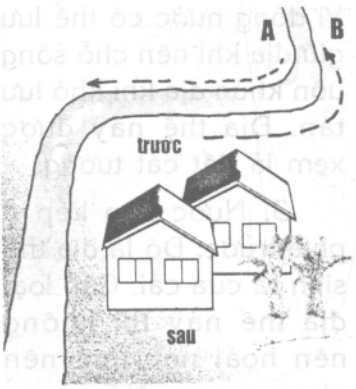
2. Nước cong chín khúc: Đây là địa hình địa khí khó lưu tán. Như hình vẽ biểu thị, chỗ dòng sông uốn lượn quanh co, gọi là nước sông chín khúc. Nếu xem dòng sông này như thể đường đi cũng được. Vì dòng nước có thể lưu giữ địa khí nên chỗ sông uốn khúc địa khí khó lưu tán. Địa thế này được xem là đất cát tướng.

3. Nước bao kép ở phía trước: Đó là địa thể sinh ra của cải. Gặp loại địa thế này thì không nên hoài nghi mà nên chọn ngay. Nếu xem đường đi như là các dòng sông cũng không có gì khác biệt mấy. Hai dạng địa hình như vậy đều là dạng hình tốt.

4. Dạng nước bao đơn phía trước: Địa hình này dễ tụ địa khí. Nghĩa



Dạng nước bao vòng



Dạng "Văn khúc thổ tinh"

của dạng nước bao đơn phía trước là một dòng sông bao một phía quanh nhà. Loại địa hình này cũng có thể xem dòng sông như là đường đi, hoặc xem chỗ đất lưu không hướng về đường đi. Vì chỉ có một cái ao, hoặc chỉ có một khoảng đất không nên địa khí rất dễ tích tụ ở đó.

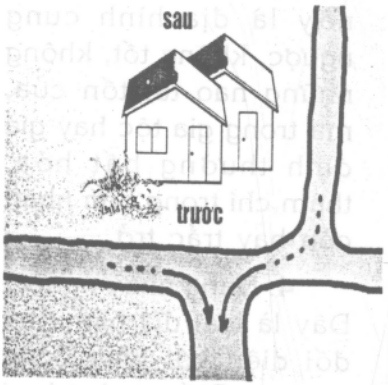
5. Dạng nước bao vòng: Địa thế này địa khí dễ ngưng tụ, khó lưu tán. Cửa trước của nhà ở nếu có một con sông hay đường đi bao quanh là thuộc dạng nước lượn quanh chín khúc. Loại địa hình này trong địa lý phong thủy là loại địa hình lý tưởng nhất. Vì dạng nước bao quanh là chỗ địa khí dễ hội tụ nhất.

6. Dạng "Văn khúc thổ tinh": Đây là loại địa hình mà khí tốt sẽ chảy vào từ cửa chính phía trước. Như hình vẽ biểu thị, đây là loại địa hình tốt thường hay gặp. Nhưng nếu không phải là sông mà là con đường thì phải lấy hướng chảy của nước khi trời mưa để

phán đoán. Vì nước mưa là sản vật biến hóa của khí trời nên phán đoán theo hướng chảy của nước mưa cũng rất quan trọng. Hướng chảy theo đường A là thủy khí đi vào nhà từ phía cửa trước.

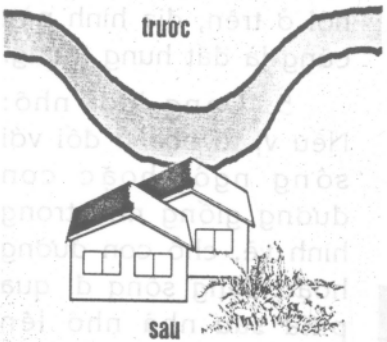
b) Địa thế hung (kiêng kị)

1. Dạng "dắt trâu": Dạng địa hình này tán tài, tán khí. Nước sông hoặc đường đi từ hai bên nhà ở hợp tụ lại phía trước cửa rồi sau đó chảy đi, loại địa hình này gọi là dạng "dắt trâu", thuộc địa hình ác tướng.

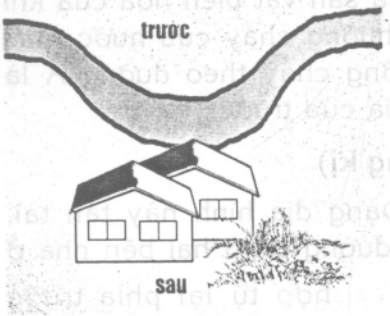


Dạng "dắt trâu"

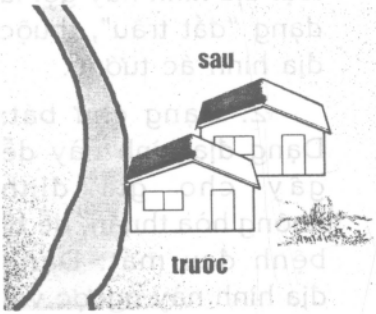
2. Dạng chữ bát: Dạng địa hình này dễ gây cho gia đình không hòa thuận, dễ bị bệnh đau mắt. Dạng địa hình này ngược với dạng "dắt trâu". Nếu có một dòng sông hay đường đi chọc thẳng vào cửa chính, sau đó phân làm hai nhánh đi sang hai bên thì đó gọi là dạng chữ bát. Nhà ở trong địa hình này thường có sự bất hòa hoặc hay bị bệnh đau mắt.



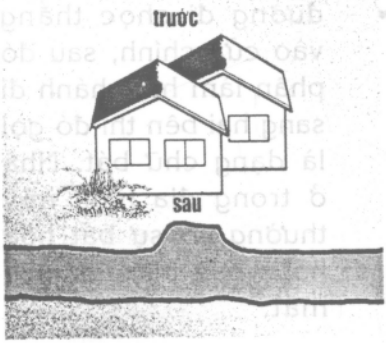
Dạng chữ bát



Dạng cung ngược:



Dạng nhảy ngược

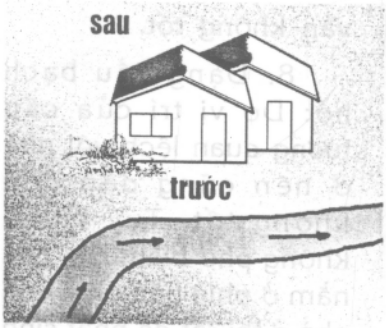


Dạng lưỡi nhô

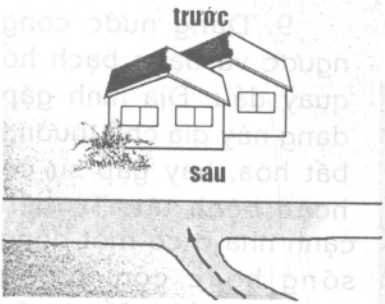
3. Dạng cung ngược: Dạng địa hình này hao tổn tài và trong hôn nhân hay có sự thay đổi. Lưng hình cung của con sông hoặc đường đi nằm ở phía trước nhà, trong phong thủy gọi địa hình này là địa hình cung ngược, không tốt, không những hao tài tốn của, mà trong gia tộc hay gia đình thường bất hòa, thậm chí trong hôn nhân còn hay trắc trở.

4. Dạng nhảy ngược: Đây là loại địa hình nhà đối diện với hình cung ngược. Giống như loại địa hình cung ngược đã nói ở trên, địa hình này cũng là đất hung tướng.

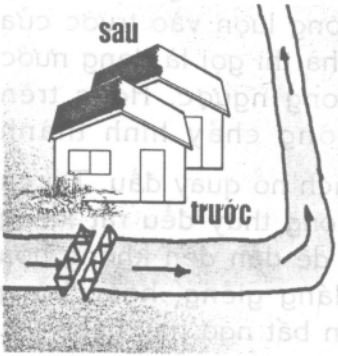
5. Dạng lưỡi nhô: Nếu vị trí nhà ở đối với sông ngòi hoặc con đường giống như trong hình vẽ, chỗ con đường hoặc dòng sông đi qua phía sau nhà nhô lên hình lưỡi thì chủ nhân dễ chuốc lấy điều thị phi



Dạng bị xói:



Dạng "chữ đinh" ngược:

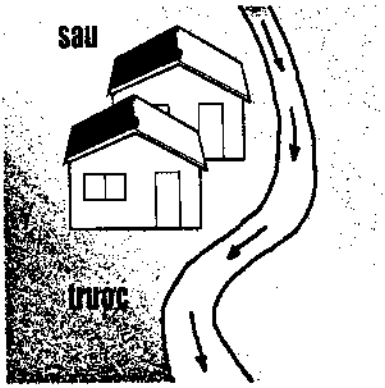


Dạng cầu bạch hổ

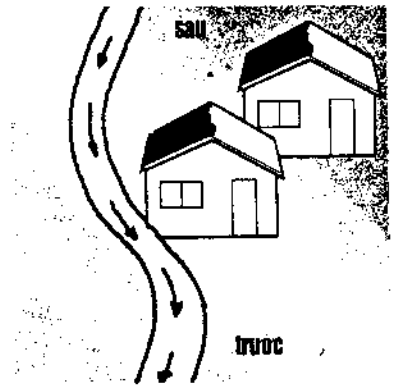
hoặc bị lôi cuốn vào những cuộc tranh chấp.

6. Dạng bị xói: Địa hình này chủ nhân dễ bị hại. Phía sau nhà ở nếu có một con đường (hoặc dòng sông) chảy thẳng vào nhà, hoặc như hình vẽ biểu diễn dòng sông sau khi chảy đến gần nhà thì uốn cong chảy về hướng khác, dạng địa hình như thế gọi là dạng bị nước xói. Thủy khí của nó đâm thẳng vào sau nhà giống như người bị sự cố làm hại bất ngờ. Con đường hoặc dòng sông càng hẹp thì "sát khí" càng mạnh.

7. Dạng "chữ đinh" ngược: Đường cái hoặc dòng sông cong ngược và đâm vào sau nhà cũng gọi là đất hung tướng. Giống như dạng bị nước xung là dạng chính xung, còn dạng chữ đinh ngược thì độ lượn cong không gấp bằng nên sát khí nhẹ hơn. Nhưng nói chung



Dạng nước cong ngược và dạng bạch hổ quay đầu:



Dạng bạch hổ quay đầu

vẫn không tốt.

8. Dạng cầu bạch hổ: Do vị trí của cầu tương quan lệch với nhà ở nên cũng dẫn đến không tốt. Tuy nhiên không phổ biến. Khi cầu nằm ở phía bên phải của nhà ở thì rất dễ phát sinh tai nạn giao thông.

9. Dạng nước cong ngược và dạng bạch hổ quay đầu: Địa hình gặp dạng này gia chủ thường bất hòa, hay gặp sự cố hoặc bệnh tật. Từ bên cạnh nhà ở có một dòng sông hoặc con đường chạy qua, khi đến trước cửa nhà bỗng nhiên dòng sông lượn vào trước cửa nhà thì gọi là dạng nước cong ngược. Hoặc trên dòng chảy hình thành một cung lượn gọi là dạng bạch hổ quay đầu. Tất cả những địa hình này trong phong thủy đều rất kiêng kỵ. Cả hai dạng này đều rất dễ dẫn đến không hòa thuận trong gia đình hoặc láng giềng, hoặc bỗng nhiên phát sinh những tai nạn bất ngờ hay bệnh tật.

III. PHƯƠNG VỊ NGÔI NHÀ

1. Hai mươi bốn phương vị

Bên cạnh yếu tố địa hình vị trí tọa lạc ngôi nhà, thuật phong thủy nhấn mạnh vai trò của hướng nhà tức phương vị ngôi nhà được xây dựng. Phương vị là yếu tố quan trọng nhất của địa lý phong thủy, bởi dù có chọn được vị trí tốt nhưng hướng (phương vị) ngôi nhà đặt sai thì không có hiệu quả. Từ rất xưa, con người đã biết sử dụng la bàn để xác định phương vị.

2. Ý nghĩa của tám phương vị

Phương vị chỉ phương Đông, Tây, Nam, Bắc nhưng phong thủy chia nó thành 24 phương. Trong đó tám phương chính làm cơ bản và vị mỗi phương vị này đều mang ý nghĩa riêng (*xem bảng tượng Bát quái* và *hình Bát quái tượng đồ*).

- Phương Tây Bắc tương ứng quẻ "càn", trong tự nhiên đó là "trời", trong xã hội đó là "cha", thuộc tính là "khỏe", trong hoạt động vật đó là "ngựa", trong cơ thể đó đều là "đầu", "phổi", "xương".

- Phương Tây tương ứng quẻ "đoài", trong tự nhiên nó đại biểu cho "ao", "đầm", trong xã hội là "thiếu nữ", thuộc tính "vui vẻ", trong cơ thể là "ruột già", "miệng".

- Phương Tây Nam là quẻ "khôn", trong tự nhiên nó đại biểu cho "đất", trong xã hội đại biểu cho "mẹ", thuộc tính là "thuận", trong động vật "trâu", trong thân thể là "lá lách", "bụng".

- Phương Nam ứng quẻ "ly", trong tự nhiên nó là "lửa", trong xã hội là "trung nữ", thuộc tính "che

chở", trong động vật là "chim công", trong thân thể là "tim", "ruột non", "mắt".

- Phương Đông Nam ứng quẻ "tốn", trong tự nhiên đại biểu cho "gió", trong xã hội là "trưởng nữ", thuộc tính là "nhập", trong động vật là "gà", trên cơ thể là cho "mật", "đùi".

- Phương Đông ứng quẻ "chấn", trong tự nhiên là "sấm", trong xã hội là là "trưởng nam", thuộc tính "động", trong động vật là "rồng", trên cơ thể là "gan", "chân".

- Phương Đông Bắc ứng quẻ "cấn", trong tự nhiên là "núi", trong xã hội là "trung nam", thuộc tính là "dừng", trong động vật là "chó", trên cơ thể là "dạ dày", "thắt lưng", "tay".

- Phương Bắc vốn ứng quẻ "khảm", trong tự nhiên là "nước", trong xã hội là "thứ nam", thuộc tính là "trùng", trong động vật là "lợn", trên cơ thể là "thận", "bàng quang", "tai".

3. Tính chất cát - hung trong 24 phương vị

Khi chia ba phần đều nhau mỗi phương vị cơ bản ta có 24 phương vị và khảo sát tính chất của nó khi phối với Ngũ hành.

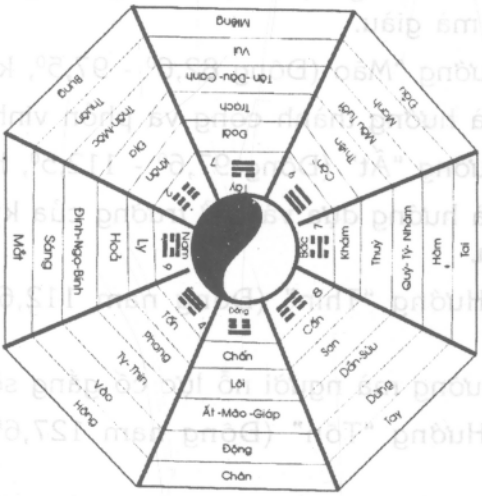
1. Hướng "Nhâm" (Bắc 337^{0}6 - 352,5^0, thủy)

Hướng này là hướng quyền thế và phú quý

2. Hướng "Tý" (Bắc 352,6^0 - 7,5^0, hỏa)

Đây là phương vị cao quý và thường không bỏ lỡ những cơ hội tốt trong cuộc đời.

3. Hướng "Quý" (Bắc 7,6^0 - 22,5^0, mộc)



Hình Bát quái Tượng đồ

Đó là hướng dũng cảm, táo bạo và những nhà doanh nghiệp thành công.

4. Hướng "Sửu" (Bắc 22,6^0 - 37,5^0, thổ)

Đây là hướng giàu lòng tín ngưỡng và thường gặp thành công.

5. Hướng "Cấn" (Đông bắc 37,6^0 - 52,5^0, mộc)

Hướng này thích hợp với những người làm nghề buôn bán tự do hoặc làm nghề tự do.

6. Hướng "Dần" (Đông bắc 52,6^0 - 67,5^0, hỏa)

Hướng xấu, để chọn hướng này nhất định phải có lực của địa long.

7. Hướng "Giáp" (Đông 67,6^0 - 82,5^0, mộc)

Đây là hướng bệnh tật nhưng cũng có lúc nhờ địa long mà giàu.

8. Hướng "Mão (Đông 82,6° - 97,5°, kim)

Đó là hướng thành công và phồn vinh.

9. Hướng "Ất" (Đông 97,6° - 112,5°, hỏa)

Đó là hướng dựa vào sở trường của kỹ thuật mà làm giàu.

10. Hướng "Thìn" (Đông nam 112,6° - 127,5°, hỏa)

Là hướng mà người nỗ lực cố gắng sẽ giàu có.

11. Hướng "Tốn" (Đông nam 127,6° - 142,5°, hỏa)

Đây là hướng đến năm 2003 thì vận khí yếu dần. Song từ năm 1984 đến năm 2003 hướng này thường không được dùng nữa vì dòng khí của hướng này dần dần giảm yếu (*Xem bảng Tam Nguyên*).

12. Hướng "Tỵ" (Đông nam 142,6° - 157,5°, hỏa)

Hướng này thích hợp với những người làm nghề đầu bếp.

13. Hướng "Bính" (Nam 157,6° - 172,5°, hỏa)

Đây là hướng đưa lại tiếng tăm tên tuổi, cũng là hướng linh khí rất mạnh, nó tượng trưng cho chữ quý làm đầu, nghĩa của quý là cao sang, danh tiếng, đặc biệt chỉ những người công hầu bá tước cạnh hoàng đế hoặc người nắm quyền chính trị.

14. Hướng "Ngọ" (Nam 172,6° - 187,5°, kim)

Đây là hướng tượng trưng cho sự biến động, nếu không tốt nhất thì là xấu nhất.

15. Hướng "Đinh" (Nam 187,6° - 202,5°, kim)

Đây là hướng chủ nhân được nhiều người ủng hộ, ngưỡng mộ. Trong sách cổ ghi đây là hướng: "Nếu long mạch chính, nếu địa khí không thì tuổi thọ trăm năm".

16. Hướng "Mùi" (Tây nam 202,6° - 217,5°, thổ)

Hướng này tài sản hùng hậu, hoặc lộc dồi dào.

Hướng này có hàm nghĩa kho đụn đầy nhà giống hướng thì, hướng sửu. Nếu chọn hướng này tuy thanh danh không lừng lẫy bốn phương nhưng ngược lại tài sản hùng hậu.

17. Hướng "Khôn" (Tây nam 217,6° - 232,5°, kim)

Hướng xuất hiện hào kiệt cuối đời. Đây là hướng ngược với hướng "Cấn" - hướng quỷ môn, nên còn gọi là "bao quỷ môn".

18. Hướng "Thân" (Tây nam 232,6° - 247,5°, thủy)

Đây là hướng tất yếu phải kết hợp với điều kiện địa khí.

19. Hướng "Canh" (Tây 247,6° - 262,5°, thổ)

Đây là hướng sáng suốt, minh mẫn và giàu sức quyết đoán.

20. Hướng "Dậu" (Tây 262,6° - 277,5°, hỏa)

Đây là hướng phần lớn dành cho tập thể, công sở, cơ quan và đền đài, bàn thờ. Hướng này còn có nghĩa là danh tiếng, quan chức cao quý, đối với công nhân viên chức mà nói đây cũng là hướng cũng có thể phát huy được khả năng của mình.

21. Hướng "Tân" (Tây 277,6^0 - 292,5^0, hỏa)

Đây là hướng của học giả, nhà nghiên cứu thành đạt. Hướng này có hàm ý là "tú tài", lý trí sáng suốt và cũng có tên là cung "văn chương" giống như hướng Tốn.

22. Hướng "Tuất" (Tây 292,6^0 - 307,5^0, thổ)

Hướng thu được tiền nhiều nhờ bất động sản. Giống như hướng Mùi, đây cũng là hướng mộ kho.

23. Hướng "Càn" (Tây bắc 307,6^0 - 322,5^0, kim)

Đây là hướng lý tưởng cho nhà ở và lăng mộ.

24. Hướng "Hợi" (Tây bắc 322,6^0 - 337,5^0, mộc)

Đây là hướng "thiên tử", chi phối cả 24 hướng.

IV. LÀM NHÀ THEO MỆNH TRẠCH

1. Mệnh trạch là gì?

Các trường phái phong thủy chủ yếu ở Việt Nam, Trung Quốc khi khảo sát phương vị dùng để xác định nơi tọa lạc và hướng ngôi nhà, vị trí ngồi làm việc cơ quan thường rất chú trọng đến yếu tố "Nhân tinh", tức xét đến "Mệnh trạch" của chủ nhân có phù hợp không. Điều đó cho thấy không phải phương vị nào cũng thích hợp với mọi người có tuổi khác nhau.

Vậy mệnh trạch là gì ? Tại sao hướng nhà lại liên quan đến mệnh trạch? Tại sao phương vị này mang tài lộc, sức khoẻ đến cho người tuổi này mà lại mang tai họa đến cho chủ nhà ở tuổi khác. Để tìm hiểu vấn đề này ta phải tìm hiểu thêm quan hệ giữa con người với Vũ trụ theo thuyết nguồn gốc muôn loài:

Thời cổ xưa, khi Trời đất chưa hình thành, Vũ trụ ở trong một thể nguyên khí (Thái cực) khong ranh giới nhất định, vạn vật trong đó đều do nó biến thành. Sự biến đổi của Thái cực dẫn đến sự phân chia nguyên khí, nặng rơi xuống, nhẹ bay lên. Trước hết "Thái cực" sinh ra Lưỡng Nghi là Âm Nghi và Dương Nghi, gọi tắt là Âm (--) và Dương (-). Lưỡng Nghi lại sinh ra Tứ tượng đó là: Phần Dương có Dương cũng có Âm gọi là Thái Dương và Thiếu Âm. Phần Âm cũng có Âm có Dương gọi là Thái Âm và Thiếu Dương.

Tứ Tượng lại sinh ra Bát Quái đó là: Phần Thái Dương có Dương - "Càn" và Âm - "Đoài". Phần Thiếu Âm có Dương - "Chấn" và Âm - "Ly". Phần Thiếu Dương có Dương - "Khảm" và Âm - "Tốn". Phần Thái - Âm có Dương - "Càn" và Âm - "Khôn".

Hậu Thiên Bát Quái: Càn vi Phụ (Cha), Khôn vi Mẫu (mẹ), Chấn trưởng Nam, Tốn trưởng Nữ, Khảm - trung nam, Ly - trung nữ, Cấn - út nam, Đoài - út nữ.

Khi nhập vào ngũ hành: Càn thuộc Kim, Khảm thuộc Thủy, Cấn thuộc Thổ, Chấn thuộc Mộc, Tốn thuộc Mộc, Ly thuộc Hỏa, Khôn thuộc...., Đoài thuộc Kim. Càn - Khảm - Cấn - Chấn = vi dương. Tốn - Ly - Không - Đoài = vi âm.

Trở lại với thuyết Ngũ hành: Có sinh có khắc:

"Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh thổ

Thổ sinh Kim, Kim sinh thủy

Thủy sinh Mộc"

Từng cặp chống lại nhau, đào thải nhau là:

Thủy khắc Hỏa, chế ngự Hỏa

Hỏa khắc Kim, chế ngự Kim

Kim khắc Mộc, chế ngự Mộc

Mộc khắc Thổ, chế ngự Thổ

Thổ lại khắc Thủy, chế ngự Thủy.

"Cổ học phương Đông" coi quy luật sinh khắc trong Ngũ hành là động lực thúc đẩy sự phát triển của vạn vật trong Vũ trụ.

Mộc là cây cỏ, bị Hỏa thiêu đốt thành tro bụi thành Thổ, Thổ qua năm tháng lại hóa Kim. Kim tụ khí sinh Thủy, trở lại nuôi Mộc (Cây cỏ) cứ thế luân hồi vạn vật cân bằng được là nhờ có quy luật sinh khắc điều tiết. Nếu chỉ sinh vạn vật cứ lớn mãi rồi nổ tung. Nếu chỉ khắc, vạn vật sẽ biến dần làm mất sinh thái.

Không phải cứ sinh là hay và cứ khắc là xấu, mà phải vận hành điều tiết khéo léo quan hệ sinh khắc.

Căn cứ vào lý luận về Bát quái và Ngũ hành. Xét thấy những yếu tố thuận nghịch (hoà hợp và xung khắc) của từng người với môi trường sống, các nhà phong thủy thời xưa đã định ra Cung mệnh (theo năm sinh), từ cung mệnh đó xây dựng sơ đồ Mệnh trạch của từng độ tuổi (Âm lịch), có mệnh trạch cho nam và nữ. Sơ đồ mệnh trạch thực chất là *Đồ hình Bát quái* của 8 vị du thần đóng giữ, từ đấy tìm ra vị trí *cát hung* (tốt xấu). Cũng từ sơ đồ mệnh trạch này chúng dễ dàng giải đáp được mối quan hệ giữa "Nhân tính" của chủ nhà với "Địa khí" của mặt bằng tọa lạc. (*Xem bảng cung mệnh ở Phụ lục cuối sách*)

Quẻ trạch của nhà chia làm 2 nhóm dựa vào phương vị của nó (*Xem Bát quái lượng đồ trang 25*).

Nhà có hướng Đông, Đông Nam, Nam và Bắc thuộc Đông Tứ trạch dành cho những người có mệnh trạch Chấn, Tốn, Khảm, Ly.

Nhà có hướng Tây, Tây Bắc, Đông Bắc và Tây Nam dành cho thuộc Tây Tứ trạch dành cho người có mệnh trạch Càn, Đoài, Cấn, Khôn.

Thực tế ít người có nhà đúng mệnh trạch của mình có nghĩa là thuận với "địa khí". Còn phần lớn sinh hoạt và làm việc trong ngôi nhà không đúng mệnh trạch của mình. Vấn đề đặt ra là, người ta cần biết vận dụng học thuyết phong thủy như thế nào để phát huy lợi thế và hạn chế tối đa những bất lợi trên. Đó chính là nội dung ở phần Bố cục 24 sơn hướng sẽ trình bày ở Chương IV.

Sau đây là các bước cần biết khi bắt đầu lựa chọn mặt bằng nhà.

2. Tuổi làm nhà

Khi sắp làm chủ một ngôi nhà (chuẩn bị xây, định mua hay thừa kế), theo quan niệm cổ cần biết mình có được tuổi hay không.

Khái niệm "được" tuổi ở đây là năm đó (tính theo lịch Âm) có phạm tuổi "kim lâu" không?

"*Bốn nhăm, bốn bảy đi đâu* (45, 47 tuổi).

Để cho "bốn sáu" kim lâu làm nhà. (46 tuổi)

Tuổi kim lâu được tính theo "**cửu cung bát quái**"(thêm cung trung vào bát cung) bắt đầu từ Khôn - Đoài - Càn - Khảm - Cung trung - Cấn - Chấn - Tốn

Chỗ khởi đầu

Kim lâu lục súc	Tốn *3*	Ly *2*	Khôn *1*	*Kim lâu thân*
	Chấn 4	Trung 5	Đoài 9	
Kim lâu tử	Cấn *6*	Khảm *7*	Càn *8*	*Kim lâu thê*

và Ly.

"Được tuổi" (đẹp tuổi làm nhà) là tuổi năm đó nằm vào hai cung Đoài (2) và Ly (9), còn các cung Khảm (4) Cung trung (5), Chấn (7), thì bình thường.

Nếu phạm các cung Khôn (1), Càn (3), Cấn (6) và Tốn (8) là tuổi "Kim lâu".

Theo các sách cổ, Tứ kim lâu gồm:

1. Nhất kim lâu thân (KL1): Gia chủ gặp hạn.

2. Nhị kim lâu thê (KL2): Vợ gia chủ gặp hạn.

3. Tam kim lâu tử (KL3): Các con có hạn.

4. Tứ kim lâu lục súc (KL4): Chăn nuôi, làm ăn kém.

Thí dụ:

45 = 4 + 5 = 9: không phạm KL

47 = 4 + 7 = 11 lại lấy 1 + 1 = 3: không phạm KL

46 = 4 + 6 = 10 lấy 10 = 1 + 0 = 1: phạm KL

Để tiện tra cứu hãy xem *bảng Tuổi làm nhà*

Nếu làm nhà vào năm Kim lâu có thể mượn tuổi người khác để làm lễ, các phần khác giữ nguyên.

Người từ 70 tuổi trở đi có thể không kiêng. *Xem bảng tuổi làm nhà (Phụ lục cuối sách).*

3. Bố trí mặt bằng theo mệnh trạch

Trước hết xác định mệnh trạch của mình dựa vào bảng mệnh trạch (ở phụ lục). Khi biết mệnh trạch thì sẽ căn cứ vào sơ đồ "Bát trạch" và "Huyền không phi tinh" ta vẽ bản đồ Cửu cung vào bản vẽ mặt bằng lòng nhà, trên đó có 9 phần, ta sẽ biết được tình trạng Cát hung mỗi phương vị. Dựa vào tính cát hung và quan hệ khắc chế giữa các Du tinh ta xây dựng cấu trúc mặt bằng nhà theo nguyên tắc sau:

* Cửa đi chính mở theo cung mệnh (hướng Phục vị), hệ thống cấp thoát nước đối diện với cửa đi của căn nhà.

* Buồng ngủ chủ nhân.

* Nhà bếp, nhà vệ sinh cũng được bố trí theo sơ đồ "Bát trạch" và Huyền không phi tinh".

Thực tế việc chọn được hướng nhà đúng hoàn toàn theo mệnh trạch là rất khó bởi tính đô thị hóa cao. Tuy nhiên nếu mệnh trạch chủ nhà cùng nhóm Đông hoặc Tây tứ trạch với phương vị ngôi nhà ta có thì việc cải tạo bố trí nội thất sẽ thuận lợi.

* Hướng cửa chính: căn cứ vào việc xác định đúng dòng chảy (Luồng xe đi và độ dốc mặt đường) ở trước cửa nhà.

* Nơi cấp thoát nước. Theo nhiều tài liệu cổ "Sơn quản nhân, thủy quản tài" thì quan niệm "Sơn" là hướng mở cửa chính, quản lý và chi phối mọi hoạt động của chủ nhà. Đó chính là "hướng cửa cát tường vạn sự vinh xương". "Thủy" là nguồn tài vận của chủ nhà, nếu phương vị nhà đúng mệnh trạch thì ở phía đối xứng với cửa đi nên đặt hệ thống cấp thoát nước.

* Các vị trí quan trọng tiếp theo là phòng ngủ chủ nhân (ở cơ quan là bàn làm việc cấp trưởng) nên đặt ở hướng Sinh khí hoặc Diên niên.

* Nơi để tiền bạc và tủ hàng hóa cũng ở hướng Sinh khí.

* Nhà vệ sinh thường bố trí ở hướng xấu nhất.

Trường hợp nhà không đúng mệnh trạch của mình, cần điều chỉnh lại theo sơ đồ bố trí mặt bằng. Việc điều chỉnh này dựa trên cơ sở chế hãm giữa các Cát tinh và Hung tinh sẽ được ngôi nhà gần đúng với mệnh trạch của mình. (*Xem chương III*)

Thí dụ: người Càn trạch đến ở ngôi nhà Đoài trạch, cửa chính ở hướng Tây mặt đường, hình ống không thể thay hướng đổi cửa đi theo mệnh trạch của mình thì có thể thay đổi cấu trúc bố trí một số đồ vật hoặc đặt mới như Bồn hoa, cây cảnh, bể cá, lồng chim, bánh xe phong thủy vào các hướng xấu (hung).

Bàn thờ được đặt ở vị trí trang trọng theo truyền thống, không thể dùng thay cho hướng nhà

4. Bố trí nội thất

Bố cục trong nhà (Bao gồm cửa đi, cửa sổ, nhà bếp, nhà vệ sinh, phòng khách, buồng ngủ chủ nhà, buồng ngủ các con...) phải theo các vị trí du thần đóng giữ. (*Xem mệnh trạch và du thần đóng giữ*).

Trường hợp không thực hiện được (nhà không đúng mệnh trạch) thì căn cứ vào mệnh trạch của mình rồi đối chiếu với nhà hiện hữu mà điều chỉnh (chỗ tốt thì phát huy, chỗ xấu thì chế ngự).

5. Cách xác định hướng cho ngôi nhà

Muốn nắm vững kiến thức về phong thủy phải tìm hiểu phương vị. Bát quái lấy tên của 8 quẻ để đặt tên cho các phương Đông, Tây, Nam, Bắc.

Chấn là chính Đông; *Đoài* là chính Tây

Khảm là chính Bắc; *Ly* là chính Nam.

Tốn - Đông Nam; *Khôn* - Tây Nam

Càn - Tây Bắc ; *Cấn* - Đông Bắc

Thí dụ: Ngôi nhà số xxx "Toạ đoài hướng Chấn" là nói ngôi nhà này lưng quay về hướng Tây, mặt nhà (hướng cửa) quay về hướng Đông. Hay có thể nói ngôi nhà này thuộc "Chấn trạch" có nghĩa là cửa ở hướng Chấn (hướng Đông).

Để cụ thể hơn, người ta lại chia nhỏ thành 24 phương vị để suy đoán tốt xấu (cát hung). Mỗi phương vị 15^0 ($24 \times 15^0 = 360^0$) và đặt cho mỗi phương vị một tên, và mỗi phương vị lại phối với Ngũ hành, và bộ sao Cửu diệu để xét Cát hung.

TÊN GỌI 24 SƠN HƯỚNG

ĐÔNG	Giáp Mão Ất	Canh Dậu Tân	TÂY
Đông Nam	Thìn Tốn Tỵ	Tuất Càn Hợi	Tây Bắc
NAM	Bính Ngọ Đinh	Nhâm Tý Quí	BẮC
Tây Nam	Mùi Khôn Mão	Sửu Cấn Dần	Đông Bắc

Việc xác định hướng cho ngôi nhà phải có la bàn.(Thời xưa người ta gọi là Thước địa lý).

Thuật phong thủy (hay địa lý) xưa nay có nhiều môn phái như:

- Phái theo Tam nguyên
- Phái theo Cửu cung Phi trạch
- Phái theo Tam hợp
- Phái theo Bát trạch v.v...

Mỗi phái phong thủy lại có riêng cho mình một loại thước địa lý (La bàn). Thị trường hiện có nhiều loại thước địa lý. Nếu đã biết tên gọi của Bát trạch hay 24 Sơn hướng chỉ cần dùng chiếc La bàn thông dụng đủ. (Thấp nhất là địa bàn).

6. Tìm tâm điểm trong nhà

Khi dùng La bàn (Thước địa lý) xác định hướng nhà thì việc đầu tiên của các nhà địa lý là phải tìm tâm điểm trên một mặt bằng của ngôi nhà đó.

Thời xưa, những người làm nghề phong thủy (Thầy địa lý), phần lớn đều chọn cách tìm tâm điểm trong nhà theo "Dương đồ phong thủy học", vì đây là phương pháp mang tính thực dụng và ứng nghiệm cao. Tất cả các môn phái phong thủy đều phải tìm "TRUNG CUNG" theo một cách thống nhất, trong thư tịch cổ gọi là "LẬP CỰC". Thời xưa việc lập cực rất đơn giản, vì nhà cổ rất vuông vức chỉ cần kẻ các đường chéo góc nhà là tìm ra vị trí Lập cực Trung cung.

Theo các tài liệu cổ "Trung hỗ lập cực Lâm chế tứ phương" (Trung hỗ có nghĩa là Ngũ hoàng, trong Lạc thư thì cứ ở giữa, nói cho dễ hiểu là ở chính giữa). Vị trí của Trung Cung có tác động rất quan trọng về lý khí học mà từ Trung Cung có thể phân chia các khu vực du thần đóng giữ. Trung Cung còn đại diện cho hướng ngôi nhà đó. Lại nói thêm rằng, kiến trúc nhà ngày nay, có ít dạng hình chữ nhật hay hình vuông truyền thống, phần lớn là nhà tầng, bố trí sàn nhà nhiều hình dạng (*xem hình vẽ*).

Khi đã có tâm điểm, đặt địa bàn (La bàn) trên tâm điểm nhà, mắt hướng về phía cửa đi. Khi kim chỉ trên La Bàn ổn định, đọc chỉ số phương vị rồi đối chiếu với bảng 24 Sơn hướng ta biết được tên của hướng nhà.

Khi đã biết tọa - hướng, tra bảng "Huyền không Phi tinh" và "mệnh trạch đồ" sẽ biết được tình trạng cát hung của ngôi nhà đó.

Tìm tâm đất: Tâm đất chính là trọng tâm diện tích hình học của thửa đất. Trong một biển số nhà được đăng ký hợp pháp, khi tính tâm đất phải xét tới tâm của biển số nhà rồi mới tách ra khu vực của mình. Từ đấy mới biết được vị trí các du thần.

Trường hợp không thể đến thực địa để xác định hướng cho một căn hộ chung cư cao tầng (hoặc ở một nơi nào đó) mà chỉ dựa vào bản vẽ thiết kế mặt bằng, nhưng tốt nhất vẫn là đến thực địa.

Với cách làm này, ta có thể áp dụng để chọn được các vị trí giường ngủ, phòng đọc sách, nhà bếp, nhà vệ sinh, vị trí đặt bàn làm việc cho trưởng cấp đơn vị, tủ hàng hoá, két đựng tiền....

7. La bàn và thước địa lý

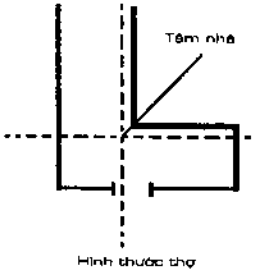
Như trên nói, trong xưa và nay thường có nhiều môn phái về thuật phong thủy. Mỗi môn phái lại có một loại thước đo riêng của mình để tìm Sơn hướng cho ngôi nhà, trên thước nhất thiết phải có tên 24 Sơn hướng và cung bát quái.

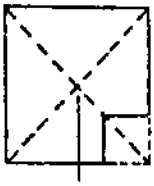
Thước của phái Bát trạch thì có vành chia độ 8 cung.

Phái Tam nguyên có vành chia độ 64 quẻ.

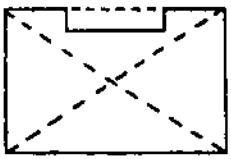
Phái Phi tinh có 24 Sơn và Khởi tinh.

Những loại thước này không có kích thước tiêu chuẩn, nhưng tất cả các thước nhất thiết phải có kim nam châm chỉ hướng.

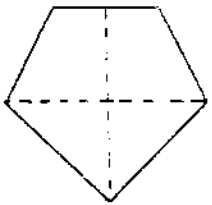




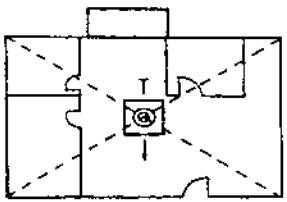
Khuyết góc

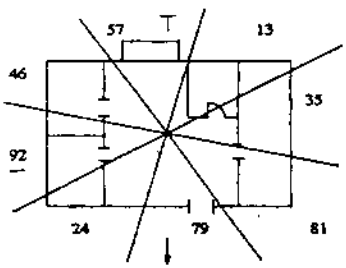


Khuyết mép giữa



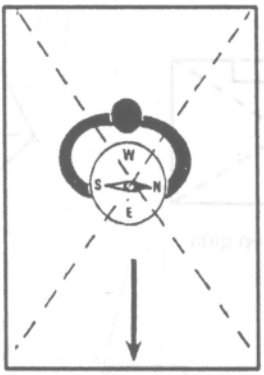
Hình thoi





Cách xác định tâm điểm trong nhà

La bàn: có các vành số, ghi rõ tên của 8 cung, các vành số chữ dành riêng cho từng môn phái. Nếu không có la bàn có thể dùng chiếc địa bàn thông thường, xem số độ tra bảng 24 Sơn hướng là có thể tìm ra tên gọi.



Cách sử dụng la bàn

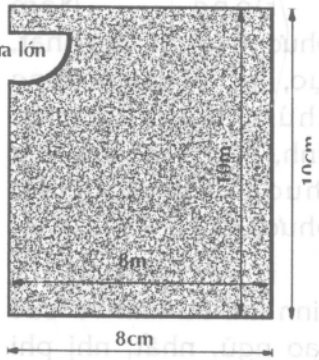


Thước địa lý thời nay

8. Sắp xếp du tinh và huyền không phi tinh

Khi cần biết phương hướng của một ngôi nhà hay một đơn vị trong ngôi nhà nhất thiết phải có bản vẽ mặt bằng, nếu không có thì tự vẽ lấy theo tỉ lệ 1/10 (1cm bản vẽ tính bằng 1m thước địa). Thí dụ ngôi nhà dài 10m, rộng 8m thì trên bản vẽ là 10cm x 8cm

Trường hợp khó xác định bản vẽ mặt bằng và kích thước, chỉ cần kẻ các đường chéo để tìm Trung cung sẽ tìm được quẻ tinh diệu trong Bát trạch Du tinh và Huyền không Phi tinh của ngôi nhà đó, thì cũng tìm ra điểm lập cực để lấy làm tâm điểm. Sau đó từ các điểm giới hạn 8 phương vị kéo dài ra, dùng com- pa hay thước địa lý. Với com - pa thì cứ 45^0 lấy 1 cung ta sẽ có 5 cực.



Nam

Diên niên	Sinh khí	Họa hại
Phục vị	Nhất	Tuyệt mệnh
Lục sát	Thiên Y	Ngũ quỷ

Đông — Tây

Bắc

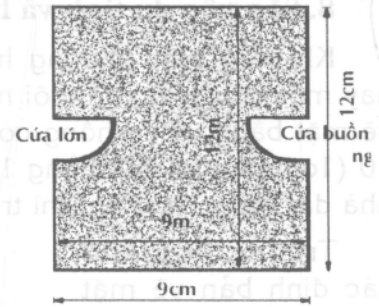
Sau khi đã tìm ra 8 phương vị của ngôi nhà sẽ dễ dàng sắp xếp các tinh (sao). Từ hình vẽ trang 18 ta thấy: ngôi nhà này tọa

Đông hướng Tây (Tọa Mão hướng Dậu) đối chiếu với "du tinh bàn" và phi tinh bàn và các sao nhị thất ngũ phi tinh ta cho vào khu vực thuộc Đông phương.

Đông Nam phương là các sao nhất, lục, lục phi tinh trong chùm diên niên du tinh, cho vào khu vực thuộc Đông Nam phương.

Nam phương là sinh khí du tinh và các sao ngũ, nhất, nhị phi tinh, ta cho vào khu vực thuộc Nam phương.

Các phương vị còn lại cứ thế mà suy. Khi đã thành thạo phương pháp này thì bất cứ ngôi nhà nào cũng xem được phương hướng rồi từng bước mà tính toán và sắp xếp. (*Xem hình vẽ*).

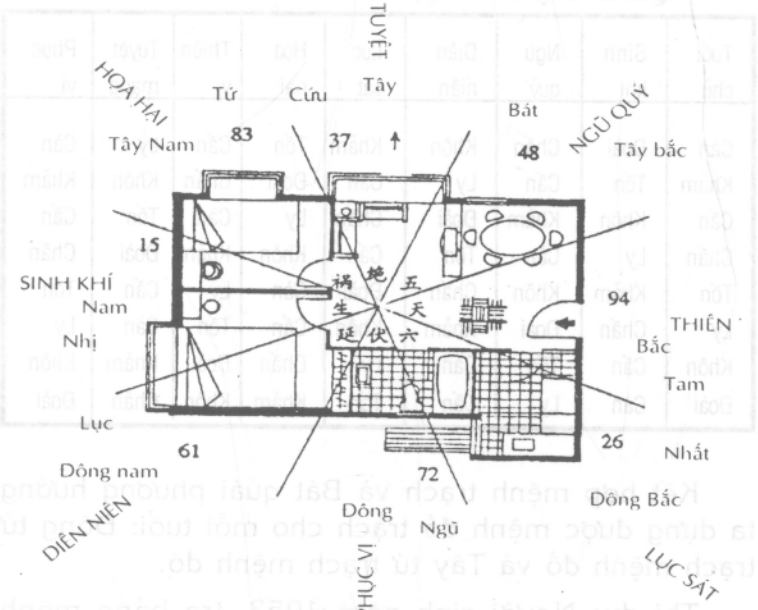


Nam

	6 1 Lục	1 5 Nhị	8 3 Tứ
Đông	7 2 Ngũ	5 9 Thất	3 7 Cửu
	2 6 Nhất	9 4 Tam	4 8 Bát

Tâ

Bắc



9. Đông và Tây tứ trạch

Bát quái phân Đông tứ và Tây tứ trạch.

Đông tứ trạch gồm: **Khảm, ly, Chấn, Tốn.**

Tây tứ trạch gồm: **Càn, Khôn, Cấn, Đoài.**

Từ nguyên lý sinh khắc của Âm Dương cho thấy, bốn tuổi thuộc Đông tứ trạch là khảm, Ly, Chấn Tốn nên phối hợp với nhau. Tương tự như vậy với bốn tuổi thuộc Tây tứ trạch. Việc kết hợp như vậy sẽ sinh ra 8 kết cục sau: *Bảng tài vận và phương hướng.*

QUAN HỆ TÀI VẬN VỚI PHƯƠNG HƯỚNG

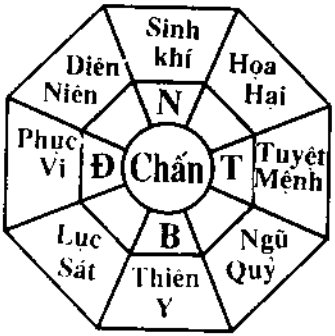
Tuổi chủ	Sinh khí	Ngũ quỷ	Diên niên	Lục sát	Họa hại	Thiên y	Tuyệt mạng	Phục vị
Càn	Đoài	Chấn	Khôn	Khảm	Tốn	Cấn	Ly	Càn
Khảm	Tốn	Cấn	Ly	Càn	Đoài	Chấn	Khôn	Khảm
Cấn	Khôn	Khảm	Đoài	Chấn	Ly	Càn	Tốn	Cấn
Chấn	Ly	Càn	Tốn	Cấn	Khôn	Khảm	Đoài	Chấn
Tốn	Khảm	Khôn	Chấn	Đoài	Càn	Ly	Cấn	Tốn
Ly	Chấn	Đoài	Khảm	Khôn	Cấn	Tốn	Càn	Ly
Khôn	Cấn	Tốn	Càn	Ly	Chấn	Đoài	Khảm	Khôn
Đoài	Càn	Ly	Cấn	Tốn	Khảm	Khôn	Chấn	Đoài

Kết hợp mệnh trạch và Bát quái phương hướng ta dựng được mệnh đồ trạch cho mỗi tuổi: Đông tứ trạch mệnh đồ và Tây tứ trạch mệnh đồ.

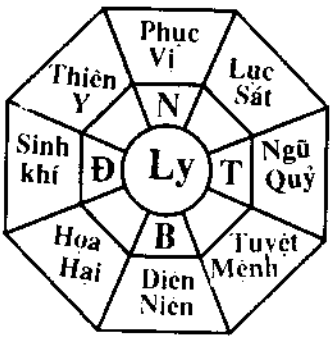
Thí dụ: Người sinh năm 1953, tra bảng mệnh trạch (phụ lục) biết trạch Khôn thuộc Tây Tứ trạch. Tra hình Tây tứ trạch mệnh đồ biết mệnh trạch của người đó là: Tọa Tây Nam hướng Đông Bắc. Từ đó có thể lựa chọn hướng nhà phù hợp là lưng nhà tọa Tây Nam (Phục vì), phía trước (hướng nhà) là Đông Bắc (Sinh khí).

Nhà thuộc nhóm Tây Tứ trạch có Cát phương ở: Chính Tây, Tây Bắc, Tây Nam, Đông Bắc. Hung phương là: Chính nam, chính Bắc, chính Đông, Đông Nam.

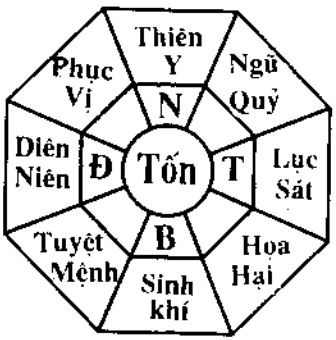
Nhà thuộc Đông tứ trạch có Cát phương ở: Bắc, Đông, Đông Nam. Hung phương: Nam, Tây Bắc, Tây Nam, Đông Bắc.



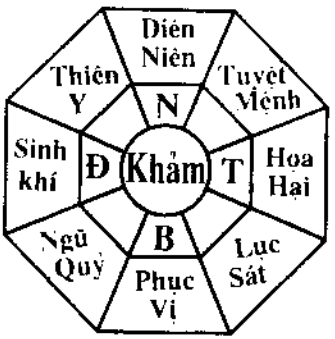
Tọa Đông, hướng Tây



Tọa Nam hướng Bắc



Tọa Đông Nam hướng Tây Bắc

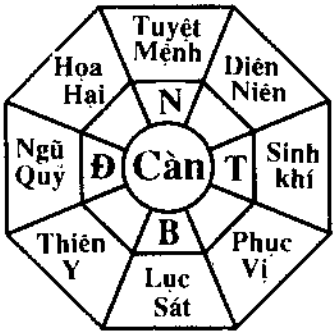


Tọa Bắc hướng Nam

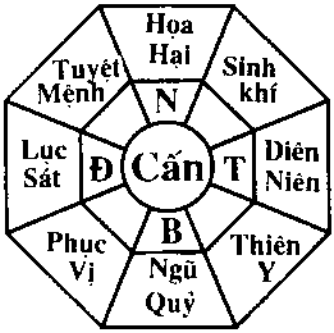
Chú ý: Trong Bát trạch đồ, sơn (lưng nhà) thường là cát phương (Phục vị - hướng tốt), còn hướng thì đa số là Hung phương (xấu), có nghĩa là cửa chính thường ở vị trí xấu. Để khắc phục, phái Bát trạch dựa vào "sơ đồ Du thần", dùng "quan hệ chế khắc" điều chỉnh giảm hung. Tuy nhiên nếu biết kết hợp thuyết "Đương vận" của phái Lý khí. coi trọng "Huyền không đại quái" dùng Hà đồ Lạc thư, có thể tìm ra hướng đặt cửa chính tốt nhất.

Ví dụ: Người sinh năm 1978, trạch Tốn (tra bảng mệnh đồ trạch)biết mình thuộc Đông trạch, nhà Tọa Đông Nam hướng Tây Bắc, không thể mở cửa

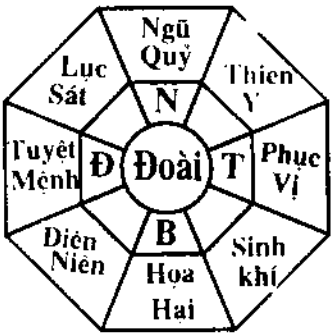
TÂY TỨ TRẠCH MỆNH ĐỒ



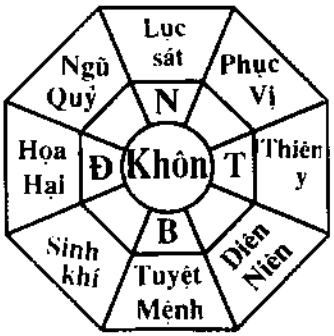
Tọa Tây Bắc hướng Đông Nam



Tọa Đông Bắc hướng Tây Na



Tọa Tây hướng Đông



Tọa Tây Nam hướng Đông Bắc

hướng Tây Bắc (Họa hại), chỉ có thể chọn hướng Bắc (Sinh khí).

Những trường hợp khác như trạch Ly phải dùng nguyên lý chế khắc để giảm hung.

Tuy nhiên hướng mở cửa chính cần lưu ý đến thời gian dựng nhà theo Thất vận hay Bát vận để đón chính thần. Đó là chính là nguyên lý đặt hướng cửa theo phái Tam Nguyên ở mục sau (xem trang 77).

BẢNG HUYỀN KHÔNG PHI TINH THẤT VẬN
(1984-2003)

9 5 Lục	5 9 Nhị	7 7 Tứ
8 6 Ngũ	1 4 Thất	3 2 Cửu
4 1 Nhất	6 8 Tam	2 3 Bát

Sửu sơn Mùi hướng

2 3 Lục	7 7 Nhị	9 5 Tứ
1 4 Ngũ	3 2 Thất	5 9 Cửu
6 8 Nhất	8 6 Tam	4 1 Bát

Nhâm sơn Bính hướng

2 3 Lục	6 8 Nhị	4 1 Tứ
3 2 Ngũ	1 4 Thất	8 6 Cửu
7 7 Nhất	5 9 Tam	9 5 Bát

Cấn sơn Khôn hướng
Dần sơn Thân hướng

4 1 Lục	8 6 Nhị	6 8 Tứ
5 9 Ngũ	3 2 Thất	1 4 Cửu
9 5 Nhất	7 7 Tam	2 3 Bát

Tí sơn Ngọ hướng
Quý sơn Ngọ hướng

7 9 Lục	2 4 Nhị	9 2 Tứ
8 1 Ngũ	6 8 Thất	4 6 Cửu
3 5 Nhất	1 3 Nhị	5 7 Bát

Thìn sơn Tuất hướng

4 8 Lục	9 4 Nhị	2 6 Tứ
3 7 Nhất Ngũ	5 9 Thất	7 2 Cửu
8 3 Nhất	1 5 Tam	6 1 Bát

Giáp sơn Canh hướng

5 7 Lục	1 3 Nhị	3 5 Tứ
4 6 Ngũ	6 8 Thất	8 1 Cửu
9 2 Nhất	2 4 Tam	7 9 Bát

Cấn sơn Càn hướng
Tỵ sơn Hợi hướng

6 1 Lục	1 3 Nhị	8 3 Tứ
7 2 Ngũ	5 9 Thất	3 7 Cửu
2 6 Nhất	9 4 Tam	4 8 Bát

Mão sơn Dậu hướng
Ất sơn Tân hướng

5 9 Lục	9 5 Nhị	7 7 Tứ
6 8 Ngũ	4 1 Thất	2 3 Cửu
1 4 Nhất	8 6 Tam	3 2 Bát

Mùi sơn Sửu hướng

3 2 Lục	7 7 Nhị	5 9 Tứ
4 1 Ngũ	2 3 Thất	9 5 Cửu
8 6 Nhất	6 8 Tam	1 4 Bát

Bính sơn Nhâm hướng

3 2 Lục	8 6 Nhị	1 4 Tứ
2 3 Ngũ	4 1 Thất	6 8 Cửu
7 7 Nhất	9 5 Tam	5 9 Bát

Khôn sơn Cấn hướng
Tỵ sơn Hợi hướng

1 4 Lục	6 8 Nhị	8 6 Tứ
9 5 Ngũ	2 3 Thất	4 1 Cửu
5 9 Nhất	7 7 Tam	3 2 Bát

Ngọ sơn Tí hướng
Đinh sơn Quý hướng

9 7 Lục	4 2 Nhị	2 9 Tứ
1 8 Ngũ	8 6 Thất	6 4 Cửu
5 3 Nhất	3 1 Tam	7 5 Bát

Tuất sơn Thìn hướng

8 4 Lục	4 9 Nhị	6 2 Tứ
7 3 Ngũ	9 5 Thất	2 7 Cửu
3 8 Nhất	5 1 Tam	1 6 Bát

Canh sơn Giáp hướng

7 5 Lục	3 1 Nhị	5 3 Tứ
6 4 Ngũ	8 6 Thất	1 8 Cửu
2 9 Nhất	4 2 Tam	9 7 Bát

Càn sơn Cấn hướng
Hợi sơn Tỵ hướng

1 6 Lục	5 1 Nhị	3 8 Tứ
7 7 Ngũ	9 5 Thất	7 3 Cửu
6 2 Nhất	4 9 Tam	8 4 Bát

Dậu sơn Mão hướng
Tân sơn Ất hướng

BẢNG HUYỀN KHÔNG PHI TINH BÁT VẬN
(2004-2043)

3 6 Thất	7 1 Tam	5 8 Ngũ
4 7 Lục	2 5 Bát	9 3 Nhất
8 2 Nhị	6 9 Tứ	1 4 Cửu

Sửu sơn Mùi hướng

5 2 Thất	9 7 Nhị	7 9 Ngũ
6 1 Lục	4 3 bát	2 3 Nhất
1 6 Nhị	8 6 Tứ	3 4 Cửu

Nhâm sơn Bính hướng

1 4 Thất	6 9 Bát	8 2 Ngũ
9 3 Nhị	2 5 Bát	4 7 Nhất
5 8 Nhị	7 1 Tứ	3 6 Cửu

Cấn sơn Khôn hướng
Dần sơn Thân hướng

3 4 Thất	8 8 Tam	1 6 Ngũ
2 5 Lục	4 3 bát	6 1 Nhất
7 9 Nhị	9 7 Tứ	5 2 Cửu

Tí sơn Ngọ hướng
Qúy sơn Đinh hướng

6 8 Thất	2 4 Tam	4 6 Ngũ
5 7 Lục	7 9 Bát	8 1 Cửu
1 3 Tam	3 3 Tứ	8 1 Cửu

Thìn sơn Tuất hướng

7 9 Thất	2 3 Nhị	9 7 Ngũ
8 8 Lục	6 1 bát	4 3 Nhất
3 4 Nhị	1 6 Tứ	5 2 Cửu

Tí sơn Ngọ hướng

8 1 Thất	3 5 Tam	1 3 Ngũ
9 2 Lục	7 9 Bát	5 7 Nhất
4 6 Nhị	2 4 Tứ	6 8 Cửu

Cấn sơn Càn hướng
Tỵ sơn Hợi hướng

5 2 Thất	1 6 Nhị	3 4 Ngũ
4 3 Lục	6 1 bát	8 8 Nhất
9 2 Nhị	2 5 Tứ	7 9 Cửu

Mão sơn Dậu hướng
Ất sơn Tân hướng

6 3 Thất	1 7 Tam	8 5 Ngũ
7 4 Lục	5 2 Bát	3 9 Nhất
2 8 Nhị	9 6 Tứ	4 1 Cửu

Mùi sơn Sửu hướng

2 5 Thất	7 9 Nhị	9 7 Ngũ
1 6 Lục	3 4 bát	5 2 Nhất
6 1 Nhị	8 8 Tứ	4 3 Cửu

Bính sơn Nhâm hướng

4 1 Thất	9 6 Tam	2 8 Ngũ
3 9 Lục	5 2 Bát	7 4 Nhất
8 5 Nhị	1 7 Tứ	6 3 Cửu

Khôn sơn Cấn hướng
Thân sơn Dần hướng

4 3 Thất	8 8 Nhị	6 1 Ngũ
5 2 Lục	3 4 bát	1 6 Nhất
9 7 Nhị	7 9 Tứ	2 5 Cửu

Ngọ sơn Tí hướng
Đinh sơn Quý hướng

8 6 Thất	4 2 Tam	6 4 Ngũ
7 5 Lục	9 7 Bát	2 9 Nhất
3 1 Nhị	5 3 Tứ	1 8 Cửu

Mậu sơn Thìn hướng

9 7 Thất	5 2	7 9 Ngũ
8 8 Lục	1 6 bát	3 4 Nhất
4 3 Nhị	6 1 Tứ	2 5 Cửu

Canh sơn Giáp hướng

1 8 Thất	5 3 Tam	3 1 Ngũ
2 9 Lục	9 7 Bát	7 5 Nhất
6 4 Nhị	4 2 Tứ	8 6 Cửu

Càn sơn Cấn hướng
Họ. sơn Tỵ sơn

2 5 Thất	6 1 Tam	4 3 Ngũ
3 4 Lục	1 6 bát	8 8 Nhất
7 9 Nhị	5 2 Tứ	9 7 Cửu

Dậu sơn Mão hướng
Tân sơn Ất hướng

10. Quan hệ giữa các sao với tài vận

A. TỨ CÁT TINH

1. Sinh khí: Theo "Bát trạch minh kính" muốn có tài lộc thì Nguyên mệnh táo đường phải chọn hướng tốt lành. Nếu được sinh khí thì giàu có. Năm tháng được hưởng nhiều của cải phát tài. Nếu sinh khí mộc tinh vào các năm các tháng Hợi, Mão, Mùi.

Nếu bếp đặt về hướng sinh khí, tài vận đối cường (rất mạnh), và mạnh nhất vào các năm Hợi, Mão, Mùi. Hàng năm vào các tháng 2, tháng 6, tháng 10.

Sinh khí thuộc **tham lang tinh** trong ngũ hành thuộc Thủy. Để thúc đẩy tài vận phải chọn hướng bếp. Ngoài ra còn có các cách làm khác như:

- Hướng nhà, Mở cửa, Giường ngủ, Trồng cây tưới nước hướng sinh khí.

2. Diên niên: Theo "Bát trạch minh kính" hợp với Vũ Khúc niên kim tinh, tháng ngày tiến tài giàu có trung bình vào các tháng Tỵ, Dậu, Mùi.

Cửa bếp đặt về hướng Diên niên, tài vận cũng tốt, được của cải vào các năm Sửu, Thân, Tỵ, Dậu. Những tháng được của là 4, 7, 12.

Diên niên thuộc **Vũ Khúc tinh** trong ngũ hành thuộc Kim, thúc đẩy tài vận nên chọn hướng đặt bếp, ngoài ra còn có các cách khác là:

- Đặt nước, cửa mở, giường ngủ vào ở hướng này.

- Có thể đặt tượng đồng, hoặc các vật bằng đồng, có phát quang thì càng mạnh.

3. Thiên y: Theo "Bát trạch minh kính" hợp với Thiên y cự môn thổ tinh vào các năm các tháng Thân, Tý, Thìn thì của cải dư thừa.

Nếu bếp đặt về hướng Thiên y tài vận cũng mạnh, mạnh nhất vào các năm Tý, Thìn, Thân hàng năm vào các tháng 3-7-11 là các tháng tài vận tốt nhất.

Thiên y thuộc **cự môn tinh** trong Ngũ hành thuộc Thổ, thúc đẩy tài vận thì phải chọn hướng bếp, ngoài ra còn có các cách sau:

- Bố trí nước ra vào, mở cửa, giường ngủ ở hướng này

- Có thể đặt thêm những đồ vật ngọc bích, thuỷ tinh, đồ sứ...

4. Phục vị: Theo "Bát trạch minh kính" hợp phục vị phó bức mộc tinh thì tiểu phú (có giầu nhưng ít). Hàng ngày đều có chút ít. Thường vào các năm tháng Hợi, Mão, Mùi.

Bếp đặt về hướng Phục vị thì tiểu cường tài vận, chỉ dư dật chút ít, chỉ mạnh hơn ở các năm tháng Mão, Sửu, Hợi, các tháng mạnh hơn trong năm là tháng 2, 6, 10.

Phục vị thuộc **mộc tinh** trong ngũ hành thuộc Mộc, thúc đẩy tài vận phải chọn hướng bếp, ngoài ra còn có các cách sau:

- Đặt nước ra vào, Mở cửa, Giường ngủ và trồng cây tưới nước ở hướng này.

B. TỨ HUNG TINH

1. Tuyệt mệnh: Cửa bếp đặt quay về hướng này tài vận rất kém, dễ bị phá sản, kém nhất là vào năm Sửu, Tỵ, Dậu, các tháng kém nhất trong năm là tháng 4, 8, 12.

Tuyệt mệnh thuộc Phá quân tinh trong ngũ hành thuộc Kim. Muốn thúc đẩy tài vận thì phải bố trí nhà vệ sinh ở hướng này để trấn áp. Những tình huống sau cũng có thể dẫn tới phá sản:

- Bố trí bể và bếp qua về hướng này.

Theo "Bát trạch minh kính" Thiên y có thể chế tuyệt mệnh, có nghĩa là ở hướng Thiên y đặt các đồ dùng hình vuông hoặc đồ sứ, vấn đề có thể giải hóa được.

2. Ngũ quỷ: Bếp đặt quay về hướng Ngũ quỷ: tài vận hao tán liên miên, nhưng nếu gặp cát tinh hoặc cùng với cát tinh sẽ chuyển sang thế "ngũ qủi vận tài" thì lại trở nên khá giả. Tài vận kém nhất vào các năm tháng: Dần, Tuất, các tháng kém nhất trong năm là tháng Giêng, tháng 5, tháng 9.

Ngũ quỷ thuộc *Liêm trinh* tinh về ngũ hành thuộc Hỏa dưới đáy, muốn thúc nên tìm cách bố trí nhà vệ sinh ở hướng này để áp chế. Những tình huống sau đây phải cẩn thận để tránh phá sản:

- Bếp và Bể nước quay hướng này.

"Bát trạch minh kính" có ghi: Sinh khí giáng ngũ qủi, nên ở hướng sinh khí trồng cây trong bể nước có thể hóa giải được phần nào.

3. Lục sát: Nếu bếp quay về hướng Lục sát thì của cải không tụ tích được, của đến lại đội nón ra đi, các năm kém nhất là Tí, Thìn, Thân, các tháng kém

nhất là tháng 3, 7, 11.

Lục sát thuộc Văn khúc tinh trong ngũ hành thuộc Thủy. Theo "Bát trạch minh kính": dùng 10 loại nước xú uế, nền bếp, nhà xí để áp chế phương vị lục sát bản mệnh, cho nên muốn được giàu có phải dùng nhà vệ sinh để trấn áp. Nếu phạm những điều dưới đây cũng bị phá sản:

- Bể nước, bếp quay hướng này.

Theo "Bát trạch minh kính" Diên niên có thể áp chế Lục sát, cho nên ở hướng nay nên đặt một bộ tượng đồng hoặc thứ gì đó bằng đồng có phát quang thì hóa giải được.

QUAN HỆ KHẮC CHẾ GIỮA CÁC DU TINH

Sinh khí (Thủy): nơi đặt két bạc, tủ hàng, cửa chính, giường ngủ.

Ngũ quỷ (Hỏa): nơi nên đặt nhà vệ sinh, kị hướng bếp quay về Ngũ quỷ.

Diên niên (Kim): nơi đặt cửa chính, giường ngủ. Nên quay hướng bếp về Diên niên, .

Lục sát (Thủy): Bể nước.

Thiên Y (Thổ): Bếp quay về hướng Thiên Y. Nơi đặt nước ra vào, cửa đi, buồng ngủ.

Tuyệt mệnh (Kim): tốt nhất đặt nhà vệ sinh, kị nhất là bếp đặt ở vị trí này.

Phục vị (Mộc); nơi đặt nước ra vào, cửa đi, giường ngủ, cây cảnh. Nên đặt bếp quay về hướng này.

Họa hại (Thổ): Nơi trồng cây có nước. Kị đặt bếp quay hướng về này.

4. Họa hại: Lộc tồn tinh, trong ngũ hành thuộc Thổ: Không nên đặt bếp hướng này. Họa hại đã có Phục vị chế ngự được vì thế ở hướng này nên trồng các cây trồng dưới nước, có thể hóa giải sát khí của Hại họa. Các năm xấu: Tí, Thìn, Thân. Các tháng xấu: 3-7-11. Hướng này nên đặt nhà vệ sinh. Nếu đặt bếp, nước ở hướng này tổn hại tài lộc.

11. Quan hệ tài vận của tử Bạch cửu tinh

1. Nhất bạch tinh:

Nhất Bạch tinh còn gọi là *tham lang tinh* nằm trong cung Khảm ở Bắc phương vị bát quái ngũ hành *thuộc mộc.*

Nhất Bạch tinh là sao trung cát (tốt vừa), vận tài ổn định, rất có lợi đối với làm các việc lớn và người có thu nhập ổn định, rất dễ dàng tích luỹ của cải.

Các năm đại lợi là năm Thân, Dậu, Hợi và năm Tý.

Các tháng tốt trong năm là 7, 8, 10, 11. ở hướng này nên bố trí cửa, phòng ở, bếp, bể nước...

2. Nhị hắc tinh:

Nhị Hắc tinh còn gọi là cự môn tinh nằm ở cung Khôn (Tây Nam) trong phương vị bát quái. Ngũ hàng thuộc mộc khí.

Nhị Hắc tinh là Hung tinh (sao xấu) chủ phá tài. Nghiên cứu sâu hơn một bước cho thấy ở phương này vì tật bệnh mà phá của.

Các năm xấu nhất là năm Tỵ, Ngọ, Mùi và năm Tuất. Các tháng xấu hàng năm là tháng 4, 5, 6, 9.

Không nên bố trí cửa, bếp, bể nước ở phương vị này, nếu không thể không bố trí thì hãy đặt thêm đồ đồng ở phương này để hóa giải.

3. Tam bích tinh:

Tam Bích tinh còn gọi là lục tồn tinh nằm ở cung Chấn (Đông) trong phương vị bát quái, ngũ hành thuộc mộc mang thượng khí.

Tam Bích tinh là hung tinh, chủ phá tài. Phân tích kỹ hơn là do bị người khác lừa gạt mà phá sản, cũng có thể là bị cướp của.

Năm kém nhất là các năm Dần, Mão, Thân và Dậu. Tháng kém nhất là 1, 2, 7, 8.

Ở phương này không nên bố trí cửa lớn, phòng ngủ, bếp, bể nước. Nếu có thì phải có thêm bể nước để hóa giải. Cửa và phòng ngủ không thể thay đổi được thì nên trải thảm đỏ để hóa giải.

4. Tứ lục tinh:

Tứ lục tinh còn gọi là văn khúc tinh hay văn xương tinh nằm ở cung Cấn (Đông Nam) trong cung bát quái, ngũ hành thuộc mộc có mang thủy khí.

Tứ lục tinh là ngôi sao nhàn tinh (ba phải) việc hung hay cát phụ thuộc vào hoàn cảnh, về mặt tài vận thì thuộc vào loại bình ổn.

Những năm có tích luỹ được tiền của là các năm Dần, Mão, Hợi, Tí, còn các tháng dễ bị thất thoát hàng năm là các tháng 1, 2, 10, 12.

Ở phương này nên đặt các chậu cảnh cây xanh như hoa Lan, xương rồng...

5. Ngũ hoàng tinh:

Ngũ hoàng tinh còn gọi là liêm trinh tinh thuộc cung Trung trong bát quái, ngũ hành thuộc thổ có mang hỏa khí.

Ngũ hoàng tinh thuộc loại sao đại sát, còn gọi là chính quan sát, chủ phá tài. Phân tích kỹ hơn là thu

không đủ chi, phá sản không thể ngờ tới, vay mượn chỉ tăng lên mà không thấy giảm.

Các năm xấu nhất là Thìn, Ngọ, Mùi và Tuất. Các tháng xấu nhất hàng năm là tháng 4, 5, 6, 9.

Ở phương này không nên bố trí cửa đi, phòng ngủ, bếp và bể nước. Càng không nên đặt bàn thờ, nếu có cửa đi, phòng ngủ, bếp thì phải đặt các đồ bằng sắt để hóa giải.

6. Lục bạch tinh:

Lục bạch tinh còn gọi là vũ khúc tinh, nằm ở cung Càn (Tây Bắc) trong cung bát quái, ngũ hành thuộc kim.

Lục bạch tinh là sao Cát tinh. Đặc biệt tốt với những người ở tầng lớp trên, tầng lớp lãnh đạo, tài của được tích lũy.

Những năm thu nhiều lợi lộc là các năm Sửu, Thìn, Thân, Dậu. Những tháng tốt nhất về thu nhập hàng năm là 3, 7, 8, 12.

Ở phương này nên có cửa đi, phòng ngủ, bếp, bể nước, để thúc đẩy tài lộc thì đặt thêm đồ ngọc bích hoặc con ếch bằng sắt.

7. Thất xích tinh:

Thất xích tinh còn gọi là phá quân tinh, nằm trong cung Đoài (Tây) trong phương vị bát quái, ngũ hành thuộc nhất kim.

Thất xích tinh là hung tinh. Chủ phá tài. Phân tích kỹ hơn là thường hay tranh chấp tiền bạc với người khác vì thế mà phá sản, hoặc do những sự việc về giao thông gây ra mà phá sản (do kiện cáo phải đền bù mà phá sản).

Các năm tháng xấu nhất là Sửu, Thìn, Thân, Dậu. Các tháng xấu hàng năm là 3, 7, 8, 12.

Ở phương này không nên bố trí cửa đi, phòng ngủ, bếp. Nếu có thì nên có chiếc vòng phong thủy hoặc một chiếc chậu đồng để hóa giải.

8. Bát bạch tinh:

Bát bạch tinh còn gọi là tả phó tinh, nằm trong cung Cấn (Đông Bắc) trong bát quái phương vị, ngũ hành thuộc thổ.

Bát bạch tinh thuộc Cát tinh, chỉ việc kiếm tiền của, đặc biệt có lợi với người buôn bán. Những người làm kinh doanh rất thích đặt hướng ở ngôi vị này, của cải tự nhiên đến.

Các năm tốt nhất là các năm Tỵ, Ngọ, Mùi, Tuất. Các tháng dễ kiếm tiền là 4, 5, 6, 9.

Ở hướng này trên bố trí cửa đi, phòng ngủ, bếp. Cũng có thể đặt các con vật bằng ngọc bích, cũng có thể đặt thủy tinh màu tím.

9. Cửu tử tinh:

Cửu tử tinh còn gọi là cổ bức tinh, nằm trong cung Ly (Nam) bát quái phương vị, ngũ hành thuộc hỏa có mang kim khí.

Cửu tử tinh là sao Cát tinh, về tài vận thì trung cát (tốt vừa). Những người kiếm chức hoặc kiếm tiền lương hàng ngày thì chọn hướng này.

Các năm thuận lợi tài vượng là Dần, Mão, Thìn, Ngọ. Các tháng dễ kiếm tiền trong năm là 1, 2, 4, 5.

Ở hướng này nên bố trí cửa đi, phòng ngủ, bếp. Cũng có thể đặt các đồ vật bằng đồng Bạch kim hoặc thủy tinh màu tím.

V. MỘT SỐ ĐIỀU KIÊNG KỊ và CHÚ Ý

a) Kiêng kị khi chọn đất

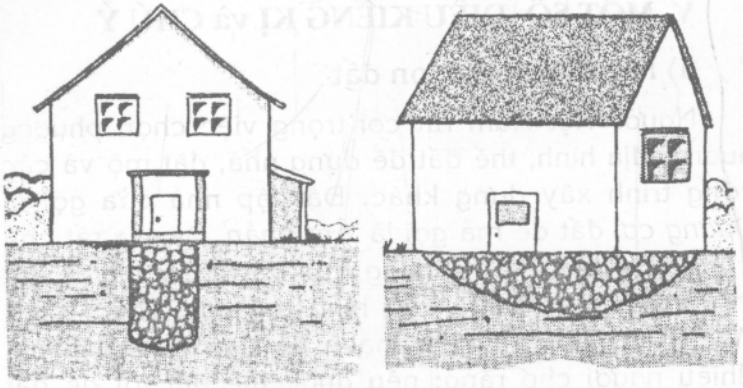
Người Việt Nam rất coi trọng việc chọn phương hướng, địa hình, thế đất để dựng nhà, đặt mộ và các công trình xây dựng khác. Đất lập nhà cửa gọi là *Dương cơ*, đất để mả gọi là *Âm phần*. Dân ta rất chú trọng âm phần nên thường dựa vào thầy địa lý đặt mộ. Phép địa lý dựa vào hình thế đất: Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ và long mạch để tìm huyệt trường. Nhiều người cho rằng: nếu được thế đất tốt để đặt mả thì dòng họ sau này sẽ thịnh vượng.

Chọn đất làm nhà là yếu tố đầu tiên, các bậc hiền triết cổ kim đều có quan điểm: Nhà ở phải đạt tới sự hài hòa với môi trường tự nhiên và kiêng những điểm sau:.

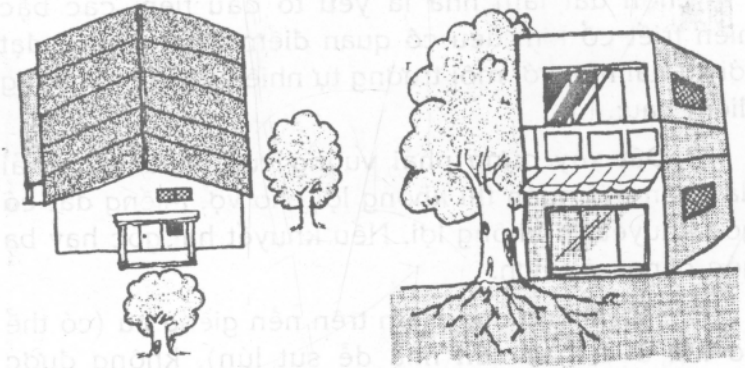
* Đất xây dựng phải vuông vức. Nếu bên phải dài, bên trái ngắn thì không lợi cho vợ. Miếng đất có góc khuyết thì không lợi. Nếu khuyết hai góc hay ba góc càng xấu hơn.

* Nhà không được làm trên nền giếng cũ (có thể có khí độc, hay nền nhà dễ sụt lún), không được làm nhà ở ngã ba đường mà có một đường đâm thẳng vào nhà; không được làm nhà ở ngõ cụt hoặc cạnh đền, miếu, hay trước có núi gò khuất tầm nhìn.

* Trước nhà không nên có cầu bắc qua chắn cửa, không nên trồng cây dâu, cây dương hay một cây độc thụ. Trước cửa nhà không nên trồng hai cây song đôi, trong sân không được có cây to...



Nhà không được làm trên nền giếng cũ hoặc nền ao

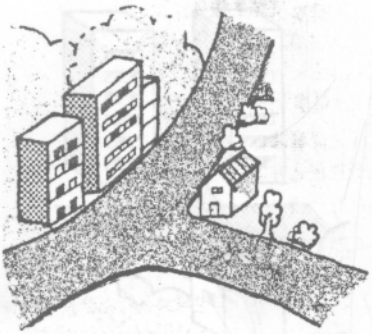


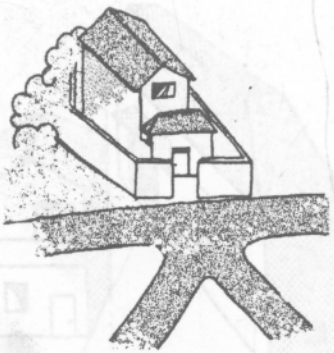
Trước nhà có cây to hay đống đá to dễ cảm mạo và đem tai họa đến.

* Nhà xây trên mảnh đất hẹp, dài thì không tốt.

* Nhà ở chỗ đất ẩm thấp thì không tốt.

* Nhà xây trên mảnh đất hình tam giác, không tốt.





Kiêng nhà nằm sát đường giao thông chính có đường hướng thẳng vào cửa nhà, gọi là "lộ xung", "tiện sát".

* Nhà xây ở chân núi hoặc cửa thung lũng thì chủ nhà chịu vô phúc và bệnh tật.

* Nhà ở đường cụt thì chủ nhà gặp đại hung.

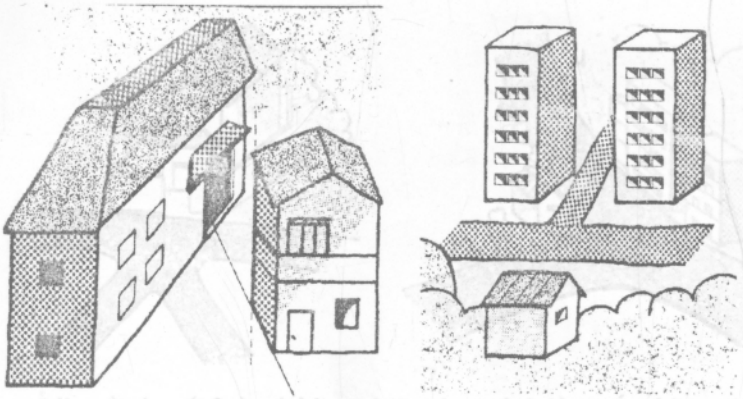
* Trước nhà có cây to hay đống đá to dễ cảm mạo và đem tai họa đến.

* Nhà ở nơi đất cao mà đứng tách riêng là không tốt, làm ăn không thịnh vượng, không tài lộc.

* Nhà nằm sát đường giao thông trọng yếu mà có đường hướng thẳng vào cửa nhà, gọi là "lộ xung", "tiện sát". Ai ở vào chỗ đó thường bị tai nạn xe cộ, bị thương hoặc những bệnh phải mổ xẻ...

* Trước nhà mà có đường vòng cung ngược thì chủ nhà sẽ dần trở thành bất hiếu, bất nghĩa hoặc thần kinh không ổn định. Vòng cung ngược càng cong thì càng gặp nhiều điều hung.

* Nếu mặt nhà làm đối diện với con hẻm nằm giữa hai nhà lầu cao thì chủ nhà sẽ thoát tài, không



Kiêng làm nhà làm đối diện với con hẻm nằm giữa hai nhà lầu cao hay trước cửa bị che khuất

bình yên.

* Nhà ở mà có đường cầu treo bắc ngang gọi là "thiên kiều" thì chủ nhà hay bị phá sản và sức khỏe không tốt.

* Nhà ở ngã tư đường mà kẹt vào hai lưỡi kéo (tức là trước nhà có hai đường giao nhau hoặc hai nhánh sông giao nhau qua nhà đó) thì chủ nhà hoặc người trong nhà dễ chết hay hao tốn tiền của.

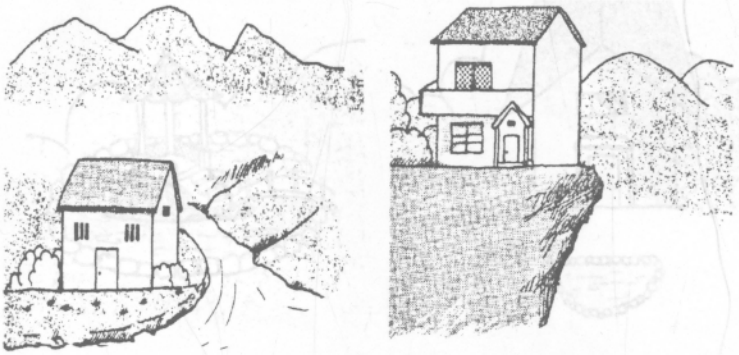
* Xung quanh nhà ở có nhiều cây cổ thụ thì âm khí trở nên nặng nề, gọi là "nhà âm sát khí", người ở nhà này khó bình yên, luôn có tai họa, bệnh tật.

* Nhà xây hình chữ bát thì cơ hàn, bệnh tật.

* Nhà xây hình chữ hỏa thì đởm hỏa, tắc kinh.

* Nhà xây hình mặt quạ thì chủ nhà mang bệnh

* Kỵ những ngôi nhà có góc nhọn, tam giác, hình thoi mà không vuông vắn.



Kiêng làm nhà trên sống núi, gò đất, lối ra vào sơn cốc

* Nhà phía trước cao hơn phía sau là không nên.

* Nhà thiếu cân đối, trên rộng dưới hẹp là chủ nhân mơ mộng hão huyền, ít thành đạt.

* Tránh gần khu bãi rác, đồi hoang, nghĩa địa mất vệ sinh và để tránh xui xẻo, thiếu may mắn.

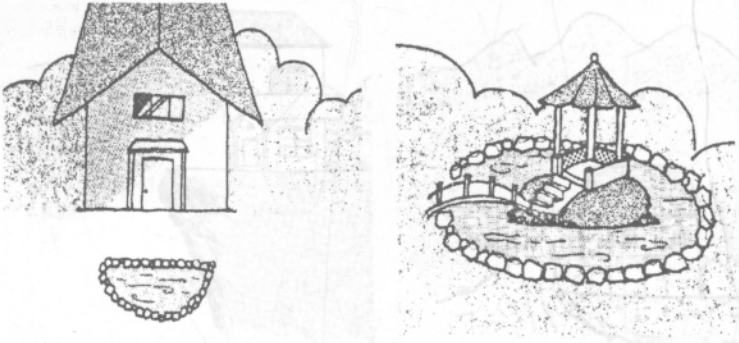
* Không chọn đất làm nhà trên sống núi, gò đất, cửa ra vào sơn cốc nhằm tránh lũ lụt, sấm sét.

* Nên làm nhà mà phía Nam có núi cao.

* Nhà nên có cổng hậu. Tránh ngõ đâm thẳng vào nhà.

* Phía trước nhà có đường chữ S, làm ăn khó khăn.

* Trước nhà có dòng suối hoặc nước trong lành chảy qua, gia chủ khoẻ mạnh, an nhàn, phát tài. Thủy cận cát môn, chủ nhà bất an. Thủy mực xung môn, gia chủ ly tán.



Trước nhà có hồ bán nguyệt, tròn ở phía trước phát tài. Kiêng hồ tròn trước cửa xây đình

* Không làm cống lộ thiên, cống ngoằn nghèo khí bất lưu. Cống đối môn phong thủy tất bất tụ tài. Nước ở hai bên, phú quý lâu bền.

* Ao hồ hình vuông, hưng thịnh may mắn. Hồ hình nồi úp, phú quý vô lường. Nhà to hồ nhỏ, nam cô nữ yểu. Nhà nhỏ hồ to, tán tài.

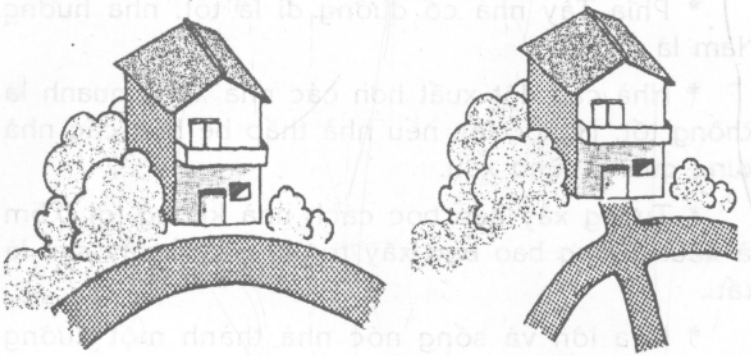
* Đào giếng để sinh hoạt phải chọn địa thế đẹp, nước trong. Hướng lành, gia đạo sáng suốt, thông minh.

* Trước nhà có hồ bán nguyệt, tròn ở phía trước phát tài. Trước nhà mà có góc nhọn của hồ chiếu vào, dễ sinh bệnh.

b) Kiêng kị hình thái xung quanh nhà

* Trước nhà ở không nên có tháp nước, ống khói, cột điện hay góc nhà khác chọc vào. Nếu có thì xấu.

* Phía trước, bên trái, bên phải hoặc chếch phía



Kiêng mở cửa hướng này

trước không nên có hòn đá to, giếng cũ bỏ hoang, hàng rào hoặc những cây cao hơn một trượng.

* Đường đi đâm thẳng vào cửa chính nhà ở thì không tốt.

* Cửa chính hai nhà đối diện nhau cũng xấu.

* Nhà ở nằm dưới chân núi, ngay đúng chỗ cửa khẩu khe suối trong thung lũng chảy ra là không tốt.

* Nhà xây dựng ở cuối và trực diện với đường đi là không tốt.

* Trước cửa có đường đi hình chữ điền hoặc hình tam giác đều không tốt.

* Trước cửa có cây lớn, không tốt nhưng nếu chếch về hướng Tây Bắc có cây lớn thì tốt. Hơn nữa thế đất phía Tây Bắc hơi cao thì đó là địa hình lý tưởng.

* Vừa bước vào cửa có cảm giác sáng sủa, thoải mái thì nhà đó dương khí đầy đủ, đại cát đại lợi.

* Phía Tây nhà có đường đi là tốt, nhà hướng Nam là tốt.

* Nhà cao đột xuất hơn các nhà xung quanh là không tốt. Ngược lại, nếu nhà thấp bé hơn các nhà xung quanh cũng xấu.

* Tường xây bao bọc cách nhà không tới 0,5m là xấu. Tường bao bọc xây trước, nhà ở xây sau là xấu.

* Cửa lớn và sống nóc nhà thành một đường thẳng thì xấu.

* Nền nhà tích đọng nước bẩn thì xấu, thoát nước tốt thì tốt.

* Ngôi nhà trước sau không có chỗ dựa, cô lập thì không tốt.

* Nhà ở đối diện với đền miếu hoặc xây kè đền miếu thì không tốt.

* Phía Đông Bắc hoặc Tây Nam gần nhà không có những chỗ lồi lõm thì tốt.

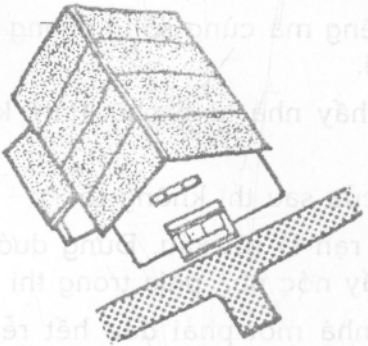
* Phía Nam trước mặt nhà có khoảng đất trống thì tốt. Phía Tây Nam nhà có đống rác là xấu.

* Phía trước nhà đất, phía sau nhà đất cao thì tốt. Ngược lại, trước nhà đất cao, sau nhà đất thấp thì không tốt.

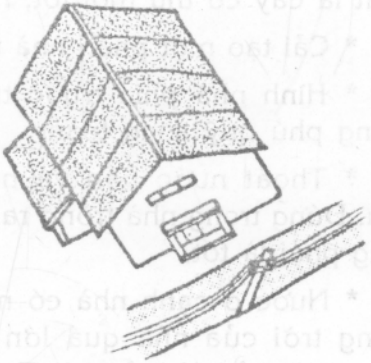
* Chiều dài nền nhà lớn hơn chiều rộng thì tốt, ngược lại thì xấu.

* Dẫn nước sông, nước suối vào nhà thì vô cùng xấu.

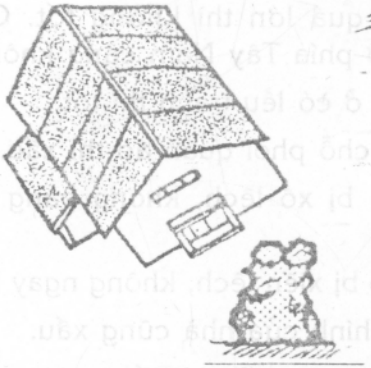
* Trong sân trồng cây to hoặc đào bể tắm, đặt



Đường đi đâm thẳng vào cửa chính nhà ở thì không tốt



Trước cửa nhà kiêng có cột điện đối diện



Phía trước, bên trái, bên phải hoặc chếch phía trước không nên có hòn đá to, giếng cũ bỏ hoang, hàng rào hoặc những cây cao hơn một trượng.

nhiều hòn đá to thì xấu.

* Con cái đã ở riêng mà cùng sống chung trong một nhà thì không lợi.

* Từ chính diện thấy nhà hình chữ T thì không tốt.

* Nhà không có cửa sau thì không tốt.

* Nóc nhà bị nứt rạn là rất xấu. Đứng dưới sân trước cửa mà nhìn thấy nóc nhà phía trong thì xấu.

* Trước khi xây nhà mới phải đào hết rễ cây, nhất là cây cổ thụ mới tốt, nếu không thì xấu.

* Cải tạo một phần nhà thì xấu.

* Hình nhà phía trước tròn, phía sau vuông là tướng phú quý song toàn.

* Thoát nước bản về hướng Tây Nam nhà là xấu. Đứng trong nhà trông ra, nước chảy từ trái chảy sang phải là tốt.

* Nước ở cạnh nhà có mùi thơm là tốt. Cửa sổ giếng trời của nhà quá lớn thì không tốt. Cửa sổ giếng trời của nhà ở phía Tây Nam càng không tốt.

* Phía Nam nhà ở có lều tranh thì tốt.

* Đỉnh nhà làm chỗ phơi quần áo thì xấu.

* Ngói trên nhà bị xô lệch, không bằng phẳng thì xấu.

* Cột cửa ra vào bị xiên lệch, không ngay là xấu.

* Thay cột trụ chính cửa nhà cũng xấu.

* Nhà ở hình chữ công (I) thì xấu.

* Cầu thang không nên đặt cân giữa nhà.

* Nhà ở chỗ đất ẩm thấp thì không tốt.

* Cửa sổ ở phía Đông nhà thì tốt, phía Tây thì xấu.

c) Những điều kiêng kỵ về kết cấu ngôi nhà

* Nhà nhiều gian thì cao bằng nhau là tốt nhất, tránh sau thấp hơn trước. Theo tục cũ, tả Thanh Long hữu Bạch hổ thì Thanh Long có thể cao hơn Bạch hổ, tránh ngược lại.

* Phòng phụ không được cao hơn phòng chính. Phòng trước không cao hơn phòng sau.

* Tránh phía trước nhà có nhà hư nát bỏ không. Cửa chính không chiếu thẳng vào góc nhà khác. Nếu góc chiếu bên trái, nam bất lợi, nếu góc chiếu bên phải, nữ bất lợi.

* Số phòng trong nhà cần chọn: 1 - 2 gian lành, 3 - 4 gian dữ; 5 - 6 - 7 gian lành, 8 gian dữ, 9 gian lành.

* Xà ngang nhà nên chọn số đơn, tránh số chẵn.

* Tránh cầu thang nằm giữa nhà, Số bậc cầu thang tính theo: sinh lão bệnh tử mà tránh cung bệnh tử.

* Cửa thường coi là quan trọng bậc nhất của nhà ở, có thể gây ra thịnh (thịnh môn) hay suy (suy môn) cho gia chủ.

* Tránh cửa đối nhau, cửa cao sẽ nghèo, cửa to hơn sẽ thắng.

* Cửa sổ nên chọn hướng Nam, Đông Nam thoáng mát, đắc khí.

* Không làm nhà to mà cửa nhỏ, bí khí.

* Tránh mở cửa hướng Bắc, dễ ốm đau.

Xem bảng sau

Cột thứ nhất là cung mệnh của chủ nhà, tám cột tiếp theo là tám cung hướng (cũng là Cung mệnh của nữ khi dùng vào hôn nhân), cửa chính chỉ nên đặt ở bốn cột từ 2 đến 4, từ 5 đến 9 xấu.

Vị trí đặt nhà bếp phải đặt ở bốn hướng hung nhất (từ cột 5 đến cột 9), như thế cửa lò sẽ hướng về phía hướng cát.

d) Kiêng kỵ đối với các gian (phòng) của ngôi nhà.

Đối với các ngôi nhà lớn, số gian thường lấy 5, 6, 7, 9 là tốt. Đối với những nhà gian riêng biệt cứ có tường cách thì tính một gian.

a) Phòng khách.

Phòng khách đặt ở vị trí giữa gian nhà là lý tưởng nhất. Tốt nhất vừa vào cửa là nhìn thấy, kiêng kỵ trên trần có dầm ngang.

Cửa của phòng khách là mặt của ngôi nhà, thường chủ nhà rất coi trọng. Theo hướng nhà mà nói thì cửa của phòng khách cũng là một bộ phận cần thận trọng khi chọn vị trí.

Trước tiên, cửa của phòng khách tuyệt đối không được ở trên cùng một đường thẳng với cửa bếp hay với cửa phòng vệ sinh.

Phòng khách có một phương vị quan hệ đến sự hưng suy của cả nhà, đó là tài vận, sự nghiệp, danh vọng quý nhân... Nói chung, các nhà phong thủy đều có thể chỉ ra các vị trí này. Muốn cho nhà hưng thịnh thì phải bổ sung hoặc sửa đổi chỗ này, đó là góc đối diện với cửa vào phòng khách.

Của cải không nên động, cho nên tài vị cần ở phương không động. Nơi đó nên đặt những bồn cây cảnh để giúp cho nguồn tài được dồi dào. Các bồn cây cảnh đặt ở tài vị cũng phải được chọn lựa theo nguyên tắc: lá tròn mà to thì lộc sẽ dồi dào. Nếu đặt những bình nước thì độ cao phải cao hơn một nửa chiều cao của phòng. Trong đó có thể trồng cây Vạn niên thanh hay Hải đường, kỵ nhất là cây lá nhỏ, lá kim, đặt biệt không nên đặt cây hoa Đỗ quyên. Tốt nhất nên đặt bồn cây có hoa nở bốn mùa.

Đèn treo của phòng khách tốt nhất là hình tròn. Sa lông và Ti-vi nên đặt ở phía Đông, hướng Tây, không nên bày biện nhiều đồ đạc và nên tránh trần có dầm ngang. Nếu phòng khách quá rộng thì nên chia làm hai phòng, tốt nhất không nên đặt ngoài hành lang, chỗ đường đi qua lại và phòng thứ hai nên nhỏ hơn phòng chính.

b) Phòng ở hoặc chỗ nằm của chủ nhà: Nên đặt ở phía Đông hoặc ở trung tâm ngôi nhà. Cửa vào phòng nên mở lệch về bên trái. Kỵ cửa lớn của nhà và cửa vào phòng này trên một đường thẳng, kỵ đối diện với cửa phòng bếp, cửa phòng vệ sinh và cửa nhà kho. Tốt nhất là cách xa nhà bếp và ở phía Tây Nam.

c) Phòng người già: nên đặt ở phía Đông Nam thì tốt. Giường nên hướng về phía Nam, đầu lúc ngủ ở phía Nam.

d) Nhà bếp: hướng Đông thì tốt. Tốt nhất là phòng hình vuông, kỵ nhất hình tam giác. Bếp đặt ở hướng Tây Nam không tốt. Đứng ở ngoài cửa nhìn thấy bếp lò trong bếp là rất xấu.

e) Nhà vệ sinh: không bao giờ đặt ở trung tâm nhà ở, ở phía Bắc cũng không tốt. Cửa nhà vệ sinh không được đối diện với cửa phòng ở hoặc cửa chính của nhà.

f) Nhà tắm: đặt phía Đông Bắc hoặc Tây Nam thì không tốt, nên đặt ở hướng Đông hơi xế Bắc hoặc phía Tây là tốt.

e). Vị trí đặt bàn thờ

Thờ Thần linh và Tổ tiên trở thành tập quán và phong tục truyền thống, vì vậy cần coi trọng vị trí đặt bàn thờ. Việc đặt bàn thờ phải tuân theo một số quy định nhất định.

Bàn thờ mang tính chất tín ngưỡng, không có quy định về kích thước (dài - rộng), được đặt ở độ cao vừa tầm tay thắp hương. Vị tí bàn thờ không nằm trong sơ đồ Bát quái Mệnh trạch, do đó không có quy định về hướng đặt, có thể đặt ở bất kỳ hướng nào, ở bất kỳ tầng nào trong ngôi nhà, miễn sao bảo đảm yêu cầu sau: Bàn thờ được đặt ở vị trí trang trọng nhất trong nhà, tốt nhất là ở hướng đối diện với cửa chính tầng một, sẽ thuận tiện cho hành lễ, dễ đón "Thần" vào nhà.

Khu vực đặt bàn thờ phải sạch sẽ, không được để bất kỳ thứ gì không sạch ở phía trên hay dưới gầm bàn thờ và phải thường xuyên hương khói.

Thông thường nên lựa chọn hướng bàn thờ theo hướng Diên Niên hay Thiên Y theo bảng Vị trí Du thần đóng giữ dưới đây.

Vị trí các du thần đóng giữ

Mệnh Trạch	Sinh khí	Diên niên	Thiên y	Phục vị	Ngũ quỷ	Lục sát	Họa hai	Tuyệt mệnh
Càn	Đoài	Khôn	Cấn	Càn	Chấn	Khảm	Tốn	Ly
Cấn	Khôn	Đoài	Càn	Cấn	Khảm	Chấn	Ly	Tốn
Khôn	Cấn	Càn	Đoài	Khôn	Tốn	Ly	Chấn	Khảm
Đoài	Càn	Cấn	Khôn	Đoài	Ly	Tốn	Khảm	Chấn
Khảm	Tốn	Ly	Chấn	Khảm	Cấn	Càn	Đoài	Khôn
Chấn	Ly	Tốn	Khảm	Chấn	Càn	Cấn	Khôn	Đoài
Tốn	Khảm	Chấn	Ly	Tốn	Khôn	Đoài	Càn	Cấn
Ly	Chấn	Khảm	Tốn	Ly	Đoài	Khôn	Cấn	Càn
	Cát	Cát	Cát	Cát	Hung	Hung	Hung	Hung

Từ bảng trên ta thấy: Cột dọc thứ nhất là cung mệnh của chủ nhà, tám cột tiếp theo là tám hướng cửa (Cũng là cung mệnh của nữ khi dùng vào hôn nhân). Cửa chính ngôi nhà chỉ nên đặt ở bốn cột từ 2 đến 4, còn từ cột 5 đến 9 là xấu.

g) Chọn hướng cổng, cửa chính theo phái Tam Nguyên

Cổng, cửa nhà là vị trí quan trọng bậc nhất của ngôi nhà, quyết định vận mệnh, tài vận chủ nhà. Người Trung Hoa gọi cửa (hay cổng) là "Môn Khẩu" (cái miệng) của nhà, thu nhận mọi sự tốt xấu tùy

thuộc vào vị trí, mà người chủ nhà đặt chỗ cho nó.

Đặt cửa phải theo chiều dòng chảy, ngày nay là chiều xe đi.

... Phái Lý Khí, coi trọng "Huyền Không Đạt quái" trong "Lạc Thư đồ", bởi độ chính xác của bộ sao Ai Tinh và tính thực dụng cũng rất cao.

Theo lịch pháp, từ hoàng đế kỷ nguyên đến nay đã trải qua 78 Hoa giáp, mỗi hoa giáp có 60 năm (từ năm Giáp tý đến năm Quý hợi), 60 năm là một nguyên. 3 nguyên (Tam nguyên) cộng lại là 180 năm. Huyền không đại quái trong Phong thủy học, lại chia nhỏ cứ 20 năm là 1 tiểu vận, và 60 năm là 1 nguyên (Nhất nguyên).

Thượng nguyên: Gồm nhất vận, nhị vận, tâm vận, cộng 60 năm.

Trung nguyên: Gồm tứ vận, ngũ vận, lục vận, công 60 năm.

Hạ nguyên: Gồm thất vận, bát vận, cửu vận, cộng 60.

Tam nguyên cửu vận cứ thế mà luân chuyển, theo đấy mà tính lịch. Trong Lạc thư đồ mỗi con số đại diện cho một Tinh (sao), một phương vị đóng.

Nhất - phương Bắc, Nhị - phương Tây, Tam - phương Đông. Tứ - phương Đông, Ngũ - Cung Trung, Lục - Tây Bắc. Thất - phương Tây, Bát - Đông Bắc, Cửu - Tây Nam.

"Tam nguyên cửu vận" cận đại như sau:

Thượng nguyên: Nhất vận từ năm 1864 - 1883 (Giáp tý - Quý mùi). Nhị vận từ năm 1884 - 1903

(Giáp thân - Quý mão). Tam vận từ năm 1904 - 1923 (Giáp thìn - Quý hợi)

Trung nguyên: Tứ vận từ năm 1924 - 1943 (Giáp tý - Quý mùi). Ngũ vận từ năm 1944 - 1963. Lục vận từ năm 1964 - 1983.

Hạ nguyên: Thất vận từ năm 1984 - 2003. Bát vận từ năm 2004 - 2024. Cửu vận từ năm 2044 - 2043

Hết Tam nguyên Cửu vận lại bắt đầu vòng tuần hoàn mới.

Khi có ý định mua nhà, hướng cửa của ngôi nhà là trọng điểm cần chọn, phải hướng về phía Chính Thần vượng khí, Sinh khí và Tiến khí. Bởi: *Chính thần vượng khí* - Thượng cát, sự nghiệp, tài vận có bước tiến lớn. *Sinh khí* - Trung cát: Sự nghiệp tài vận tiến triển ổn định. *Tiến khí* - Tiểu cát: Sự nghiệp tài vận vẫn tiến triển như cũ.

BẢNG KHÍ HƯỚNG CỬA CỬU VẬN

	Chính Thần Vượng khí	Sinh khí	Tiến khí
Nhất vận:	Nhất (Bắc)	Nhị (Tây Nam)	Tam (Đông)
Nhị vận:	Nhị (Tây Nam)	Tam (Đông)	Tứ (Đông Nam)
Tam vận:	Tam (Đông)	Tứ (Đông Nam)	Ngũ (Cung trung)
Tứ vận:	Tứ (Đông Nam)	Ngũ (Cung trung)	Lục (Tây Bắc)
Ngũ vận:	Ngũ (Cung trung)	Lục (Tây Bắc)	Thất (Tây)
Lục vận:	Lục (Tây Bắc)	Thất (Tây)	Bát (Đông Bắc)
Thất vận:	Thất (Tây)	Bát (Đông Bắc)	Cửu (Nam)
Bát vận:	Bát (Đông Bắc)	Cửu (Nam)	Nhất (Bắc)
Cửu vận:	Cửu (Nam)	Nhất (Bắc)	Nhị (Tây Nam)

Thiên ngọc kinh viết rằng: "Minh đắc Linh Thần dữ Chính Thần, chỉ nhật nhập thanh vân" (Biết được Linh Thần và Chính Thần có thể dẫn Mặt trời vào mây xanh).

Muốn thu Linh thần thủy, mà trước cửa nhà không có thủy, phải nạp Chính Thần khí là thượng cát, Sinh khí và Tiến khí là thứ cát. Với cách thực hiện này về sự nghiệp và tài vận đều đắc tâm ứng chủ.

Năm 1984 - 2003 (từ Giáp tý đến Quý mùi) thuộc Thất vận. Xem cột Thất vận thì: Thất (Tây) là Chính Thần vượng khí, Bát (Đông Bắc) là Sinh khí, Cửu (Nam) là Tiến khí.

Dương trạch rất.coi trọng Nạp khí, nếu cửa chính hướng Nam (Tọa Đông hướng Tây), là Chính Thần vượng khí thuộc Vượng khí tuyến.

Cửa chính hướng Đông bắc (tọa Tây nam hướng Đông bắc) thì được *Sinh khí* thuộc Sinh khí tuyến.

Cửa chính hướng Nam (tọa Bắc hướng Nam) được *Tiến khí*, thuộc Tiến khí tuyến.

Do đó, những nhà tọa Tây Nam hướng Đông Bắc và tọa Bắc hướng Nam đều có tọa hướng tốt về Phong thủy. Tên gọi của tọa hướng là *Tuyến vị*.

Một ví dụ khác: Từ năm 2004 - 2043 (từ năm Giáp thân đến năm Quý mão) thuộc Bát vận. Xem cột Bát vận: Bát (Đong bắc) là Chính Thần vượng khí, Cửu (Nam) là Sinh khí, Nhất (Bắc) là Tiến khí.

Cửa chính hướng Đông bắc (tọa Tây nam hướng Đông bắc) được Chính Thần vượng khí, thuộc Vương khí (tọa Bắc hướng Nam) là Sinh khí tuyến (tọa Nam hướng Bắc) là Tiến khí.

Nếu Vượng khí, Sinh khí, hoặc Tiến khí là Ngũ (Ngũ là cung Trung). Trường hợp này giải quyết thế nào? Nếu điều kiện cho phép ta có thể mở giếng trời là thu nạp khí ở "Ngũ".

Những con số viết bằng chữ như: Nhất, Nhị, Tam... Cửu, đều có tên gọi, tên đầy đủ phải là:

Nhất (Bắc) Nhất Bạch Tinh (Tham Lang Tinh)

Nhị (Tây nam) Nhị Hắc Tinh (Cự Môn Tinh)

Tam (Đông) Tam Bích Tinh (Lộc Tồn Tinh)

Tứ (Đông Nam) Tứ Lục Tinh (Văn Khúc Tinh)

Ngũ (Cung trung) Ngũ Hoàng Tinh (Liêm Trinh Tinh)

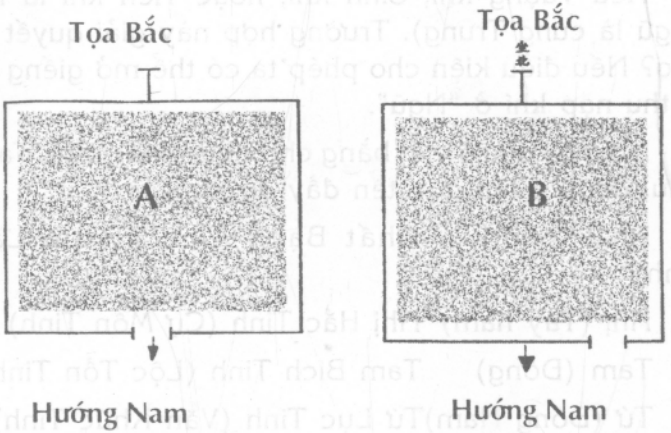
Lục (Tây Bắc) Lục Bạch Tinh (Vũ Khúc Tinh)

Thất (Tây) Thất Xích Tinh (Phá Quân Tinh)

Bát (Đông bắc) Bát Bạch Tinh (Tả Phó Tinh)

Cửu (Nam) Cửu Tử Tinh (Cổ Bật Tinh)

Khi làm nhà hoặc mua nhà, người ta thường đề cập đến Đương vượng. Nói theo Huyền Không đại quái quẻ trong Phong thủy là nói về Nạp khí (hoặc Nạp thủy), có nghĩa là cửa chính của nhà thu nạp được Cát khí (Vượng khí, Sinh khí, Tiến khí) mới tốt. Ở phần trên chỉ đề cập đến "Đương vận" coi trọng "Hướng" nhà (như tọa Nam hướng Bắc.... Tọa Tây Bắc hướng Đông Nam...) ở phần này nói về vị trí cửa, lại coi trọng đến "Phương vị". Từ ngữ có vẻ khác nhau, nhưng nội dung tương đồng nhiều hơn khác biệt, chỉ có điều chính xác hơn và cụ thể hơn.



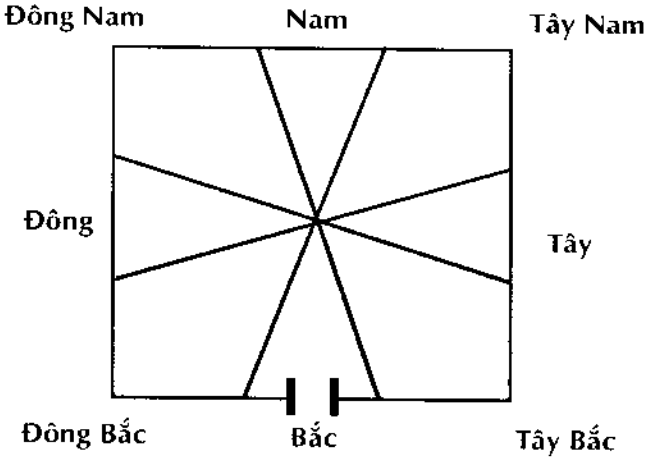
B. Nhà tọa Bắc hướng Nam mở cửa bên trái

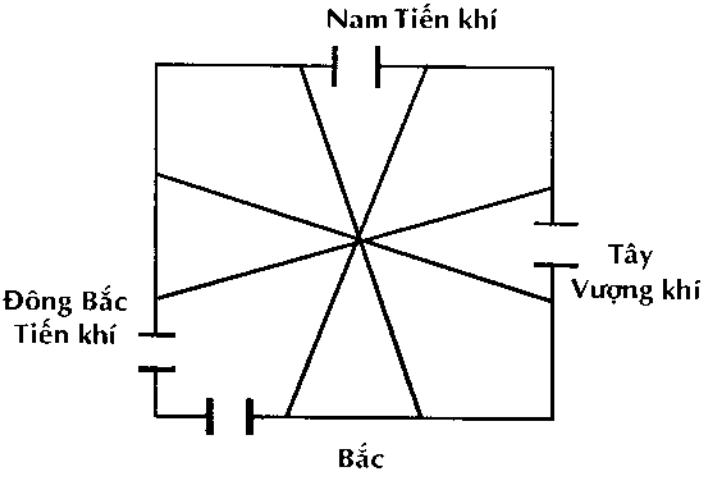
A. Nhà tọa Bắc hướng Nam mở cửa ở giữa

Phương hướng: Ngôi nhà hình vuông, cửa mở ở bất kỳ chỗ nào (bên trái, bên phải hay ở chính giữa) cũng chỉ là cùng một Hướng (hình vẽ A -B).

Phương vị: Lấy tim nhà tâm, vẽ 8 phương vị là Đông, Đông Nam, Nam, Tây Nam, Tây, Tây Bắc, Bắc, Đông Bắc, đó gọi là Phương vị.

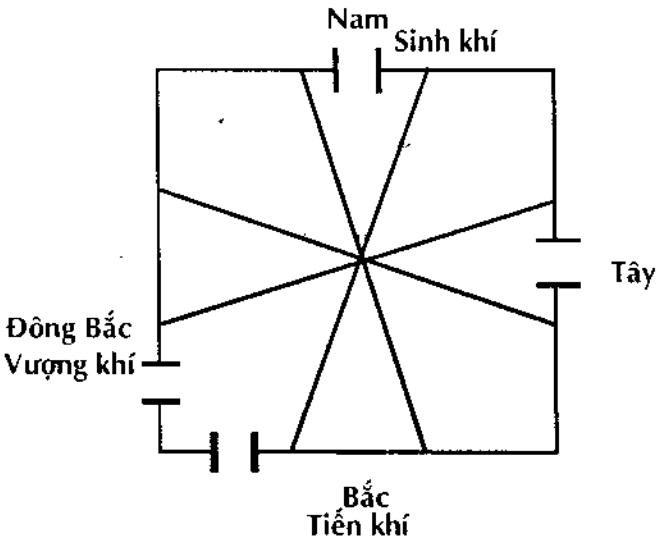
Thí dụ: Một ngôi nhà được xây cất vào năm 1984 - 2003 (từ Giáp tý đến Quý mùi), thuộc Thất vận, Phương vị cửa tra bảng trên thì thấy: Ở Thất vận thì cửa mở ở Tây là Thất (Chính thần Vượng khí). Cửa mở ở Đông bắc là Bát (Sinh khí); Cửa mở ở Tây là Cửu (Tiến khí). (*Xem hình bên dưới*)





THẤT VẬN (1984-2003)

Nhưng nếu xây cất vào năm 2004 - 2043 (Giáp tý đến Quý mão) thuộc Bát vận, tra bảng thấy: Ở Bát vận thì Cửa mở ở Đông bắc là Bát (Vượng khí), cửa mở ở Nam là Cửu (Sinh khí), cửa mở ở Bắc là Nhất (Tiến khí). (*Xem hình vẽ*)



BÁT VẬN (2004-2043)

Chương II

NGOẠI CẢNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÀI VẬN

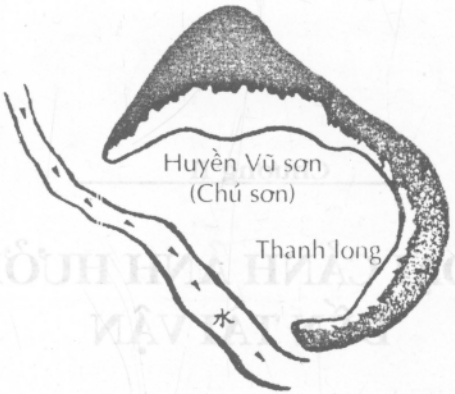
I. THỦY CỤC VƯỢNG TÀI VÀ ĐẢO THỦY CỤC

1. Nghịch thủy vượng tài cục.

Về phương diện phong thủy học thì "Nghịch thủy" cục là vượng tài. "Thuận thủy" cục là phá tài, mà "Nghịch thủy" còn gọi là "Nghênh thủy" cho nên nhà ở nên chọn "Nghịch thủy" mà tránh "Thuận thủy". Khi phán đoán hướng phải kết hợp đường đi hoặc hành lang của cửa đi và phía bên ngoài cửa. Những hình thế này là sự biến hóa theo lý thuyết thế núi hình sông.

Theo các tài liệu cổ "phải là có thế *Long* mà không có thế *hổ*". Nước phải chảy từ phía phải tới *(hình vẽ trang 35 trên)* hoặc nước chảy từ hướng trái tới. Nước chảy từ hướng trái chuyển tới *Hổ* tất phải dài và vây lấy *Long* (*hình vẽ trang 35 dưới*). Nước chảy từ phải tới *Long* phải dài và vây lấy *Hổ* (*hình vẽ trang 36*).

Nghịch quan thì cát, thuận quan tắc hung.



Khuyết Bạch hổ sa **(Nước chảy từ phải sang trái).**

Hình vẽ này là Mễ thủy hướng Bạch hổ. Thanh long sa tiếp nhận thủy cục. Tức là phải đến trái sơn



Khuyết Thanh long sa **(Nước chảy từ trái sang phải)**

Hình vẽ cho thấy nước chảy từ phương thanh long đến, tức trái đi, phải đón nhận



Nước từ phương trái đến (trái sang phải). Bạch hổ phá nhận nước từ xa. Bạch hổ sa là nghịch quan phá- Chủ tài vượng. Nếu Thanh long xa dài mà Bạch hổ ngắn là thế thuận quan- tất phá sản.



Nước chảy từ phải tới. Long phải dài và vây lấy Hổ

2. Ứng dụng nghịch thủy vượng tài cục

Trong thuật phong thủy, người ta thường quen chọn hướng cửa đi để nhận thủy (nước). Việc chọn cửa về hướng nào sẽ làm ảnh hưởng đến sự cát hung của thư phòng, cửa hiệu và nhà ở.

Đường đi (lối đi), hành lang bên ngoài cửa đi có thể coi như sông (thủy) các thầy địa lý gọi là "Hư thủy". Nếu cửa mở về phương (đón) nghênh thủy, thì việc làm ăn sẽ thuận lợi, hưng thịnh. Người chủ của thư phòng (văn phòng) sẽ tăng tiến, còn nhà ở thì tài vận được hưởng thông.

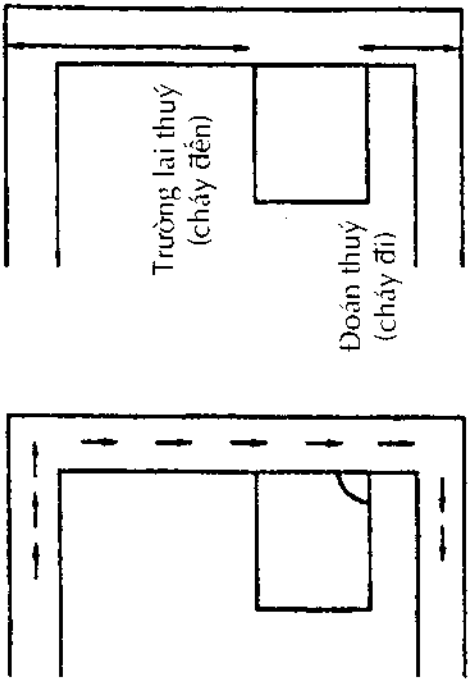
Nếu đứng trước một dòng sông con suối, ta sẽ biết ngay nước chảy theo hướng nào, phương nào đi phương nào nhận. Nhưng ở phố xá chỉ có đường đi lối lại (hoặc là hành lang). Khái niệm hướng chảy sẽ rất khó khăn phải mất một số thời gian.

Phải đi trái đến. Nếu hướng đi từ bên phải đi tới thì cửa hàng, nhà ở nên bố trí cửa ở hướng phía trái. Đó là thế Bạch hổ môn đón nhận Thanh long thủy.

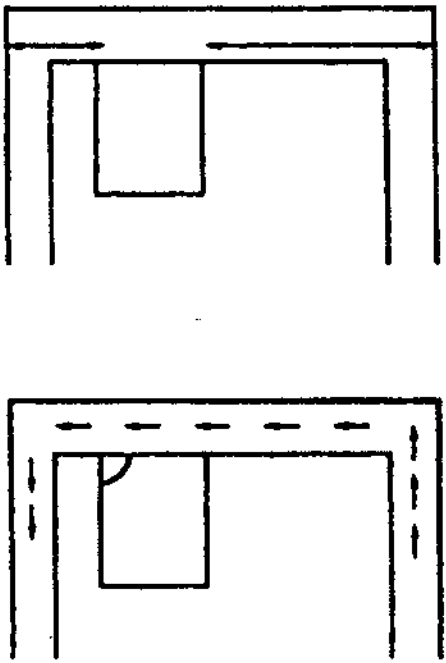
Giới hạn về hướng đi lại của cầu thang điện và hành lang của các đơn nguyên nhà cao tầng có khác chút ít. Trước hết ta hãy xem xét phương hướng hành lang trong ngôi nhà.

Hành lang đi từ bên trái gọi là nước chảy đến. Hành lang đi từ bên phải gọi là nước chảy đi (*Xem hình vẽ trang 38*)

Hành lang đi từ bên phải là nước chảy đến, hành lang đi từ bên trái là nước chảy đi (*Xem hình vẽ trang 39*).

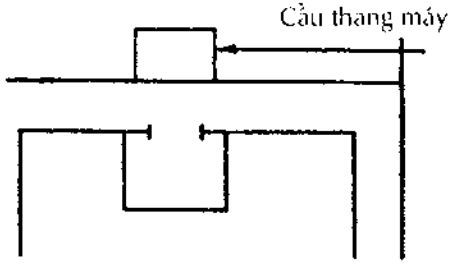


Nước chảy từ trái đến mở cửa Bạch hổ đón nước

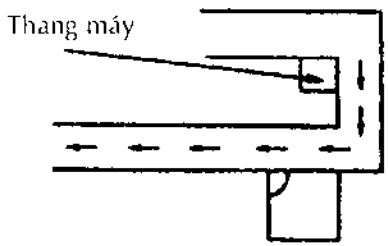


Nước chảy từ phía phải tới mở cửa Thanh long tiếp nhận

Trên cơ sở này, ta nghiên cứu thêm một bước về hướng đi của cầu thang điện ở các nhà cao tầng (*Xem hình trang 40*), Trường hợp này cũng coi như dòng nước.



Hình này cho thấy "Hư thuỷ" đi lại bình thường ở tư thế nửa được nửa mất



Thuỷ từ phía phải tới rồi đi về phía trái. Cửa thanh Long nên mở bên trái đón thuỷ. Trường hợp hành lang bên trái dài mà đi bên phải ngắn là thế trái sang phải, nhưng do thang máy ảnh hưởng mà có thay đổi.

Với cầu thang máy, cửa nhà coi như cửa nước vào. Khí thì thu Hoàng mà không thu Bạch. (Hoàng là khí, Bạch là biển). Vì vậy của cải ở vào thế ra đi. Muốn hóa giải tình trạng này có hai cách:

1) Dùng bình phong chắn cửa.

2) Chọn hướng mở cửa phải ở tuyến có quẻ tốt nhất như thế mới có hiệu ứng tốt nhất "Xung khởi lạc cung vô giá bảo".

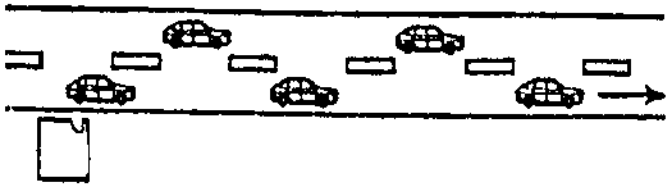
Xem xét, chọn hướng cho các đơn nguyên, các bộ phận lẻ trong ngôi nhà cũng dựa theo nguyên tắc này. Nhưng có ý kiến cho rằng: xét các thí dụ vừa nêu thì chưa thật sự là "Nghịch thủy", mới chỉ đạt được một nửa. Phải nghiên cứu thêm về "Nghênh thủy" thì mới nắm vững được hướng chảy của thủy.

3. Xác định dòng chảy

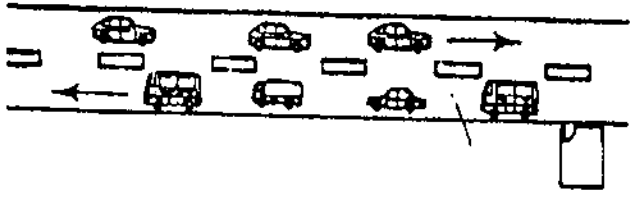
Đường hoặc lối đi trước cửa nhà (gọi là hư thủy), phía dài thì gọi nước đến, phía ngắn thì gọi là nước đi. Nhưng với cửa hàng xác định đường đi qua (hư thủy) thì lại khác, là phải xem hướng (chiều đi) của luồng xe.

Chẳng hạn: Luồng xe đi từ phía trái sang phải thì hướng chảy từ bên phía trái nước chảy đi là ở bên phải. Thì cửa hàng này phải bố trí ở bên phải. Đó là Bạch hổ môn mở ra đón Thanh long thủy (*Hình vẽ trên*).

Nếu luồng xe đi từ bên phải sang trái nước đến là phía phải, nước đi là phía trái thì phải mở cửa vì hướng mở xe sẽ là Thanh long môn thu nhận Bạch hổ thủy. (*Hình dưới*).

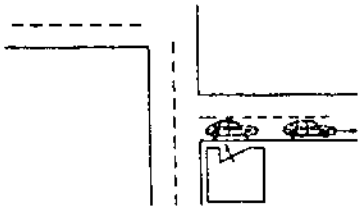


Xe cộ ngoài cửa hàng đi từ trái sang phải "Hư thủy trái sang phải" nên mở cửa thep Bạch hổ dón thuỷ.

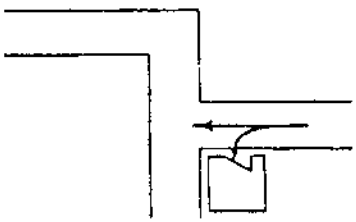


Xe cộ bên ngoài đi từ phải sang trái "Thủy từ phải sang trái" mở Thanh long môn tiếp nhận thuỷ.

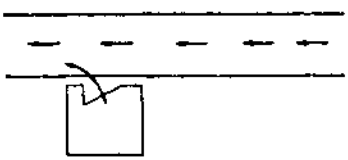
Ngoài việc nghiên cứu hướng đi của luồng xe chạy ra, nếu ta nghiên cứu sâu hơn thì có một số trường hợp không thể dùng hướng xe đi để phán đoán thì phải căn cứ vào địa hình mà xác định. Chẳng hạn việc xác định dòng chảy trong chợ (trong siêu thị) là việc không dễ dàng. Vì cửa chính không phải là con đường xe cộ tấp nập, mà phải xác định bằng luồng đi của vị trí đặt cầu thang điện (Việc xác định Hung - Cát luồng chảy của các quầy hàng sẽ phải suy từ "Hoài bão" "Phản cung" phía trái trường ức hoặc đoản lộ, phía phải trường ức hoặc đoản lộ).



Xe đi từ trái sang phải. Cửa lệch về trái là nghênh thủy cục. Qua xem xét thì bên phải cao, bên trái thấp nên phải lấy bên trái là nước đi, bên trái là nước đến mới là nghênh thủy cục.



Sau cải tạo, nghênh thuỷ cục chính là nghịch thủy cục. Thuận thủy cục là nước đi (thì phá tài)

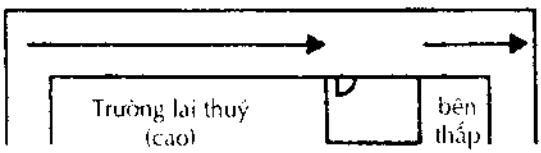


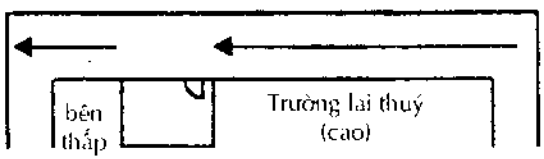
Cửa hàng này là thuận thủy cục

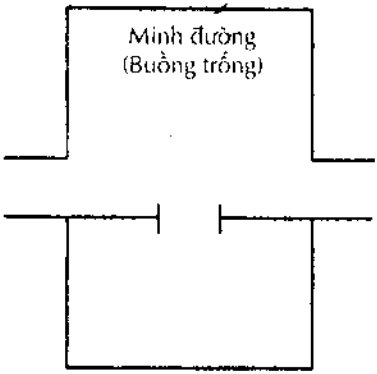
4. Hóa giải tài vượng khó tích tụ.

Cho hướng "Tống thủy cục" (nước đi) ngược với hướng đón nước "Nghênh thủy" là nước chảy đi (Tống thủy cục). Nếu ngoài cửa là đoạn đường một chiều ngắn một chiều dài. Nếu cửa mở hướng Thanh Long bên trái sẽ là nước chảy đi (Tống thủy cục). Giả sử đường bên ngoài cửa bên phải dài hơn bên trái thì cửa mở bên phải là hướng bạch hổ, cũng gọi là hướng nước chảy đi (Tống thủy cục) của cải sẽ đội nón ra đi, không tích tụ được. (*Xem hình vẽ).*

Nêu như làm thêm một chiếc cửa "Chu tước" ở cửa trước. Tốt nhất là phía trước có một khoảng trống dùng làm tụ khí minh đường, thì tài vận sẽ thuận. (*Xem hình vẽ).*







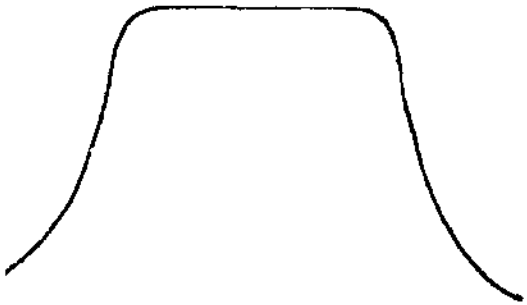
5. Hình núi hung cát

a) Hình núi có lợi với sự nghiệp làm ăn.

Nhà ở gần núi đồi. Nếu chúng có hình dáng đẹp rất có lợi cho việc làm ăn, tài vận. Tất nhiên điều đó sẽ có lợi cho sự nghiệp gia tăng cơ hội kiếm tiền. Xin giới thiệu một số hình núi:

NÚI HÌNH CHỮ THỔ (土)

Gần nhà có núi, đồi hình chữ Thổ, rất có lợi cho các nhà kinh doanh, nhưng đỉnh núi đồi này phải bằng phẳng các ngành nghề phát triển thuận lợi nếu chọn được nhà ở gần núi chữ Thổ đó là đá quí, đồ gốm, bất động sản, kiến trúc, vật liệu xây dựng, giới chính trị, dầu khí, luyện kim, khai khoáng, khai thác, ngũ kim, công nghiệp cơ khí.

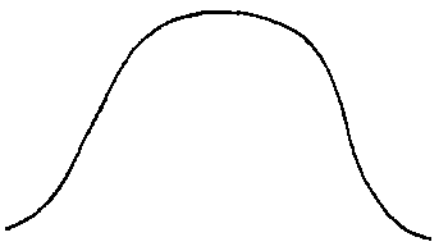


Hình núi chữ Thổ

NÚI HÌNH CHỮ KIM (金)

Gần nhà có núi hình chữ kim. Đại lợi là nhân viên công chức, nhân viên hành chính. Ngọn núi này phải có đầu tròn

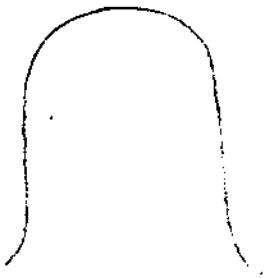
Nhưng ngành nghề nên chọn nhà ở gần núi chữ Kim là: công nghiệp xe hơi, luyện kim, khai thác, khai khoáng, ngũ kim, cơ khí, nhân viên hàng hải, du lịch, ngành nghề lưu động, âm nhạc, thủy tộc, thực phẩm đông lạnh, vận tải, nghề tiếp thị, thủy sản, công nghiệp đồ uống...



Hình núi chữ Kim

NÚI HÌNH CHỮ MỘC (木)

Gần nhà có núi, đồi hình chữ Mộc. Đại lợi là người làm công việc văn phòng. Ngọn núi này phải tương đối cao và đầu phải là hình bán nguyệt. (



Hình núi chữ Mộc

Những ngành nghề phát triển tốt là: kính đeo mắt, công nghiệp mỹ phẩm, quảng cáo trang trí, Bác sĩ tâm lý, các nhà diễn thuyết, công nghiệp quang học, điện khí, điện tử, văn nghệ, cửa hàng bán hoa tươi, nghề nuôi trồng, công nghiệp giấy, dụng cụ gia đình, qủa tươi, thuốc bệnh, trị liệu, phục trang, tôn giáo, món ăn chay, sự nghiệp văn hóa, xuất bản, đồ gỗ, may mặc.

NÚI NHẤP NHÔ CHỮ THỦY 水)

Gần nhà có núi nhấp nhô gợn sóng chữ Thủy. Rất có lợi cho người lao động trí óc, đầu óc cần tỉnh nhanh như buôn bán cổ phiếu ngoại hối.... Hình núi phải có một dải núi nhấp nhô hình sóng đầu bán nguyệt.



Hình núi chữ Thủy

Những ngành nghề thích hợp ở nơi có hình núi này là: Biểu diễn nghệ thuật, nghệ thuật hoa tươi, trồng trọt, dụng cụ gia đình, quả tươi, thuốc bệnh, trị liệu, phục trang, tôn giáo, món ăn chay, du lịch, sự nghiệp văn hóa, xuất bản, đồ gỗ, may mặc, nhân viên hành hải, ngành nghề lưu động, nuôi thủy sản, thực phẩm đông lạnh, vận tải, tiếp thị, công nghiệp thức ăn.

b) Những hình núi bất lợi.

Theo các nhà địa lý, có 5 loại hình núi thuộc vào loại hung, trong đó xấu nhất là chân núi hình choãi chữ Hỏa. Những người làm kinh doanh dù là ông chủ hay là người thay ông chủ, nếu nhà ở gần núi hình này thì dễ bị phá sản, hoặc có tranh chấp về tiền bạc.

NÚI HÌNH CHỮ HỎA (火)

Núi hình chữ hỏa có hình nhọn đầu mà chân choải ra. Những ngành nghề bất lợi nếu ở gần núi có hình chữ Hỏa là: Vật liệu dễ cháy, cồn rượu, mỹ phẩm, quảng cáo, trang sức, điện khí, điện tử, nhiên liệu, đá quí, đồ gốm, kiến trúc, vật liệu xây dựng, bất động sản, nghề thổ sản.



Hình núi chữ Hỏa

II. SÁT KHÍ VÀ CÁCH HÓA GIẢI

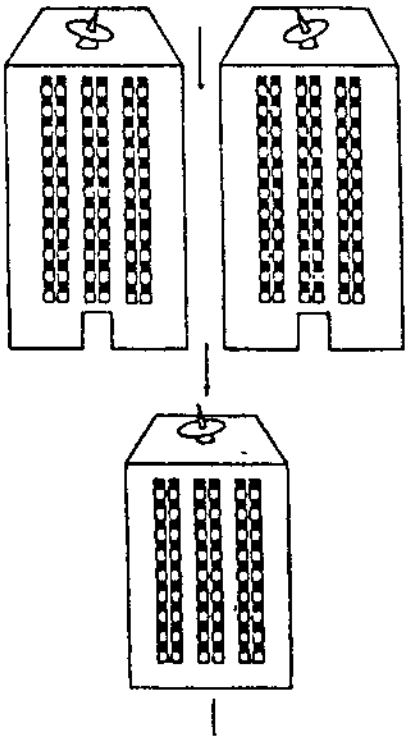
1. Thiên Trảm Sát:

Theo thuyết phong thủy. Sát khí có nhiều loại, mỗi loại lại có riêng một vấn đề mà nó tạo ra.

Trong số này có loại là Nhiệt khí, làm trở ngại đến tài vận, như "Thiên trảm sát" là một loại sát khí.

Nguyên nhân tạo ra Thiên trảm sát là: Giữa hai ngôi nhà cao có một khe hở, mà khoảng cách giữa hai nhà này (khe hở) lại rất hẹp tạo ra một luồng khe hổng đó gọi là "Phạm thiên trảm sát"

Thanh Nang Tự cho rằng: Nếu khí vào hướng sinh ra tài vượng thì không sát hại nữa". Nếu nhà đó lại ở chỗ Thiên trảm sát có địa thế cát lành, thì vấn đề không đến nỗi nghiêm trọng. Nhưng trường hợp này cũng rất hiếm (gọi là Thiên trảm sát mao ngoại kiến) cũng làm ảnh hưởng tới tài vận của gia chủ. Cho dù có kiếm được nhiều tiền bằng đủ mọi cách nhưng rồi cũng bất lợi, có cảm giác bất lợi phát sinh ra vấn đề lớn bé khác nhau, dẫn tới phá sản.



Thiên Trảm Sát:

Để khắc phục tình trạng này ở phía cửa hướng về phía Thiên trảm sát nên dán giấy phản quang (hoặc gương) vấn đề tự nhiên sẽ được giả quyết..

2. Tiễn sát:

Tiễn sát là luồng chiếu xạ góc tường nhọn chiếu vào cửa nhà. Góc nhọn này nếu có hình như một mũi tên thì gọi là "Tiễn sát". Nhà nào phạm phải Tiễn sát thì của cải, làm ăn không tích lũy được, cũng là nguyên nhân dẫn tới phá sản. Ngoài ra còn có các tình huống sau đây cũng có liên quan đến phá sản:

1 - Do sức khỏe mà dẫn tới phá sản

2 - Do bị người khác lừa mà phá sản.

Muốn hóa giải phải nhờ tới bàn tay của "tạo hóa"

1) Chôn tiền xu vào ngưỡng cửa (tham khảo cuốn "*22 phép hóa giải Vương Trạch*"). Đó là cách Địa hóa sát.

2) Gắn một chiếc gương lồi ở ngoài cửa, đó là cách Thiên hóa sát (gương Bát quái).

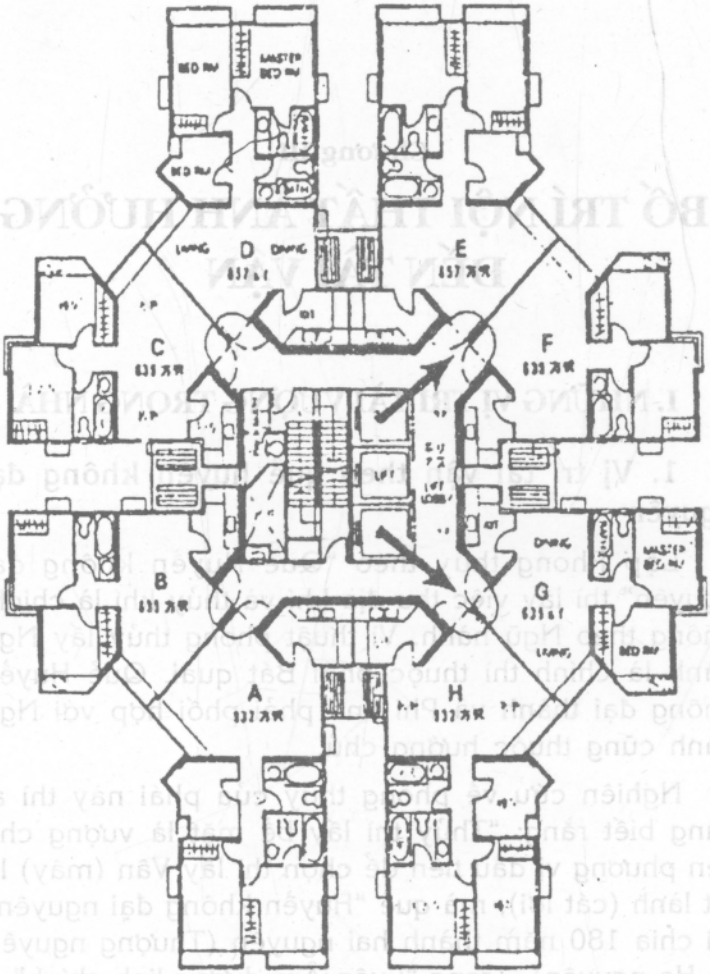
3) Ở vị trí Hạp kỹ hoàn treo một chiếc trâm cài đầu, gọi là Nhân hóa sát.

Ghi chú:

- Thiên trảm sát: là sát khí bên ngoài nhà cao ốc, đưa tới nhà là không khí, đó là Hư sát.

- Tiễn sát là sát khí bên ngoài cửa nhà như góc tường là vật thực, đó là Thực sát.

Việt Nam có câu tránh "góc đao, ao đình" gồm: nóc nhà, góc tường, là những vật kiến trúc nhọn chiếu vào cửa đi.(NBS)



Trong chung cư này phạm vào Tiễn sát là hai đơn nguyên E và H

Chương III

BỐ TRÍ NỘI THẤT ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÀI VẬN

I. NHỮNG VỊ TRÍ TÀI VƯỢNG TRONG NHÀ

1. Vị trí tài vận theo quẻ huyền không đại nguyên

Lập Phong thủy theo "Quẻ Huyền không đại nguyên" thì lấy việc thu địa khí và thủy khí là chính, không theo Ngũ hành. Vì thuật phong thủy lấy Ngũ hành là chính thì thuộc phái Bát quái. Quẻ Huyền không đại thành và Phi tinh phải phối hợp với Ngũ hành cũng thuộc hướng chủ.

Nghiên cứu về phong thủy của phái này thì ai cũng biết rằng: "Thủy thì lấy bề mặt là vượng cho nên phương vị đầu tiên để chọn thì lấy Vân (mây) là tốt lành (cát lợi), mà quẻ "Huyền không đại nguyên" thì chia 180 năm thành hai nguyên (Thượng nguyên và Hạ nguyên). Trong "Luận Âm dương linh chính" ở "Luận thuyết Huyền không của Thẩm tiên sinh" có đoạn viết "Linh chính được nói ở đây là không thể không có cái gì để xem xét, chẳng hạn lấy cung khảm làm linh thần trong cửu cung thị hậu thiên lấy

được về sau cũng theo đó mà xem xét, trong Hà đồ, tiên thiên cũng vậy. Những số sinh ra trong Hà đồ là 1, 2, 3, 4 là chính thần của tứ sơn của thương nguyên, còn những con số 6, 7, 8, 9 là những số thành là linh thần tứ thủy của thượng nguyên. Lấy con số sinh 1, 2, 3, 4 làm linh thần của tứ thủy, che cho một người, Khảm cung là lục, ly cung là Ngũ, trong đó chính là nguyên lý của linh chính, Khảm Ly cũng là linh chính ta có thể phân biệt được.

Từ năm 1954 đến năm 2004 là Hạ nguyên lấy Lục (Tây Bắc), Thất (Tây), Bát (Đông Bắc), Cửu (Nam) làm các phương của chính thần, gặp thủy thì phá tài. Còn các hướng Nhất (Bắc), Nhị (Tây Nam), Tam (Đông), Tứ (Đông Nam) làm linh thần. Phương linh thần gặp thủy thì vượng tài.

Nếu chỉ dựa là Ngũ hành phương Đông và phương Nam mà gặp thủy là thủy sinh ở phương Đông và phương Đông Nam là quan vị của Mộc, được coi là tốt lành, mà phương Tây Nam gặp thủy thì quan vị Tây Nam lại khắc được đánh giá là bình thường. Phương Bắc gặp thủy là thủy Bắc phương, được thủy là vượng tài, thủy là phương tốt. Nhưng chỉ là đương vận thì phương Tây Nam gặp thủy cũng sẽ rất tốt, tài vận hưng vượng. Ở phương nào có thể gặp thủy hoặc không gặp thủy cần phải kết hợp với các học thuyết phong thủy khác nữa.

2. Vị trí tài vận của bát trạch du tinh.

Trong phong thủy "Bát trạch" chọn sao Sinh khí là sao mang đến tài vận mạnh nhất, số lượng của cải lớn và lâu dài. Còn sao Diên niên là sao Du tinh đứng

hàng thứ hai mang tài vận đến, của cải mang đến rất nhanh nhưng không thể bằng được sao Sinh khí và vẫn tích lũy được. Sao tài vận thứ ba mang tài vận đến là Thiên y, là loại sao mang tài vận đến rất ổn định, đôi khi còn có bổng lộc may mắn.

Trong Bát trạch, sao xấu đứng hàng đầu là sao Ngũ quỷ, chủ phá tài. Nhưng nếu gặp sao vượng nhất trong Phi tinh thì có thể hóa sát cho ngôi nhà, mang của cải hạnh phúc vào nhà. Do vậy, sao Ngũ quỷ là đại hung tinh, cũng là sao thúc đẩy vận may tiền của.

3. Vị trí tài vận huyền không phi tinh

Theo mật chỉ Huyền không: "Tinh đẩu của một ngày, vận dụng chỉ có ở giữa. ở giữa (trung ương) là khí đương vận. Từ năm 1984 đến năm 2000 là Thất vận, cho nên lục xích là sao Vượng tinh. Năm 2000 đến 2023 là Nhân vận thì Nhân bạch tinh là vượng tinh, thì vượng tinh đương vận mà gặp thủy sẽ đại vượng tài vận, còn tài tinh sẽ là hướng Bàn; tức là góc phía trên bên phải của Phi tinh bàn.

Ngoài ra sao Sinh khí tài tinh cũng là sao Vượng tài mang cát khí cho các sao khác, cũng mang sự ổn định dần dần cho tài vận.

Thí dụ:

Thất vận tọa Tý hướng Ngọ. Góc trên bên phải Cửu cung là tài tinh. Phương Bắc là Thất xích sao đương vượng bay tới, chủ vượng tài, số lượng của cải ngày một tăng, và còn tích lũy được. Phương Tây Nam là sao Nhân bạch sinh khí bay tới cũng vượng tài của cải do sao Sinh khí mang tới cũng

Nam

4 1 Lục	8 6 Nhị	6 8 Tứ
6 2 Ngũ	3 2 Thất	1 4 Cửu
9 5 Nhất	7 7 Nhị	2 3 Bát

Đông Tây

Bắc

nhanh nhưng không nhiều. Phương Đông là cửu Tử tiến khí bay tới, tài vận của cải ổn định tăng. Còn phương Đông Nam là sao Nhất bạch bay tới. Nhất bạch tinh là sao tốt tài vận ổn định.

Bát vận thì lấy sao Bát bạch tinh là vượng khí, số lượng của cải ngày một tăng và có tích lũy. Cửu tử tinh là Sinh khí tài vận tăng lên ổn định. Theo phái Phi tinh nói chung lấy cung Dương quẻ làm chính tài (Nhất- Tam- Lục- Bát), lấy cung quẻ Âm làm thiên tài (Nhị- Tứ- Thất- Cửu) nhưng phải tạo thành vượng khí hoặc gặp sao Cát tinh mới có thể tạo thành vượng tài ở phương phóng thủy.

Tài tinh được cứ ở hướng nhà. Hướng nhà có tên là "Thủy tinh long thần" mà Thiên ngọc kinh viết rằng: "Phía trên thủy xếp ở vị trí long điểm, nơi kho chứa của cải" có nghĩa là chân thủy cứ ở bên trên thủy đặt ở vị trí Long vượng, giúp cho chủ nhà giàu có. Do đó sau khi tìm ra Quẻ tinh tài vượng thì phải bố trí (sắp đặt) nước (phóng thủy) ở phương này thì

tự nhiên sẽ hưng vượng. Xin xem thêm phần tiếp theo nói về làm cách nào để giữ được, tăng cường tài vận.

II. NGUYÊN LÝ BỐ CỤC TRONG NHÀ ĐỂ CÓ TÀI VẬN.

Việc bố cục trong nhà theo mệnh trạch khớp với sơ đồ. Phát huy những phương vị cát, chấn những phương vị hung. Những ngôi nhà không đúng mệnh trạch khi cải tạo cũng theo nguyên tắc này. Ngoài ra bố cục trong nhà còn phải theo luật Ngũ hành:

- Đông phương, Đông Nam phương Ngũ hành thuộc Mộc nếu vị trí này có cây và có nước là có thể tăng tài vận (chậu cây, bể cá...).

- Nam phương, Ngũ hành thuộc Hỏa, chỗ này đặt cây, đèn chiếu ánh hồng, đèn chiếu xạ... để tăng tài vận.

- Tây Nam phương và Đông Bắc phương thuộc Thổ chỗ này đặt các đồ gốm sứ để tăng tài vận (đèn chiếu xạ, đồ gốm sứ, đồ ngọc bích).

Tây phương và Tây Bắc phương thuộc Kim - Thổ đặt các đồ vật kim thổ như đồ gốm, đồ ngọc bích, con nghê đồng, kỳ lân đồng, tiền đồng ngũ đế... để tăng tài vận.

- Bắc phương, Ngũ hành thuộc Thủy- đặt các vật thuộc kim thủy như tiền cổ lục đế, kỳ lân, con vật bằng đồng, vành phong thủy...

Phương pháp để có được tài vận chân chính không chỉ đặt những đồ vật theo vị trí ngũ hành mà phải lấy

"thủy". Thanh Lang Trữ viết: "Thủy, chữ tài tộc sơn nhân đinh" và "Thủy phát thành môn thì tụ hơi"... đều coi trọng thủy. Vì thủy có thể tiếp xúc với địa khí cho nên thế lực của thủy không thể xem nhẹ được. Hiện nay, mới có thiết bị hiện đại dùng sức nước (thủy) cắt đứt thủy tinh đủ thấy sức mạnh của Thủy tới mức nào.

- Sông, suối, biển, hồ là thủy, thuộc thủy địa cục. Giếng nước cũng là thủy nhưng là thủy trong nhà. Ngày nay, đô thị hóa phát triển, Mộc có ở nhiều nơi, hãy thay đổi các vị trí thủy dùng thủy để cải thiện tài vận.

Ngoài việc bố trí nước (phóng thủy) để có tài vận ra, cửa ra vào bố trí ở vị trí nào để có tài vận. Nhưng cửa chính của đại sảnh có sẵn ta không dễ gì thay đổi thì có thể cải thiện tình hình theo các phương án sau đây:

- Cửa lớn mở ở vị trí Huyền không phi tính cũng có vượng tài. Thí dụ: Mở cửa ở phương tài tinh Thất hoặc Bát của thất vận bay tới cũng được vượng tài. Cung Đoài là hoành tài, cung Cấn là chính tài. Vị trí tài vượng của Bát trạch du tinh cũng sẽ vượng tài (Các sao Sinh khí, Diên niên nên mở cửa đi).

Quẻ Huyền không đại nguyên lấy vị trí quẻ đương vận, mở cửa mới vượng tài. Vận Lục, Thất, Bát, Cửu mở cửa hướng Tây Bắc, Tây Đông Bắc, Nam là đương vận. Còn Thất vận thì lấy Tây (Đoài) là Đông Bắc (Cấn) mở cửa lớn thì đại vượng. Bát vận thì lấy Tây Bắc (Càn) và Nam (Ly) là vận đại vượng tài.

Thất vận mở cửa thì có hoành tài và chính tài.

Bát vận mở cửa Tây Bắc là chính tài cửa Ly là hoạch tài.

III. MỘT SỐ THIẾT BỊ THÚC ĐẨY TÀI VẬN TRONG NHÀ

1. Vòng quay phong thủy (xe nước).

Vòng quay phong thủy là một vật phẩm thúc đẩy tài vận đang được lưu hành trong thời gian gần đây. Những bộ phận lắp ráp thành thiết bị này được chế bằng đồng. ở chính giữa là một trụ bằng đồng xung quanh có rất nhiều các cốc nhỏ. Nước từ trong ống đồng ở chính giữa dẫn lên trên đỉnh, khi cốc trên đỉnh đựng đầy nước thì chảy xuống cốc tầng dưới, cứ thế chảy từ cốc trên xuống cốc dưới cuối cùng chảy về chậu đựng, một tuần hoàn mới lại bắt đầu.

Đồng, trong Ngũ hành thuộc Kim, mà thủy chủ tài vận kéo dài, nước chảy tuần hoàn có ý nghĩa là nguồn chảy bất tận, mà dùng chậu đồng đựng nước lại là tụ thủy. Cho nên dùng vòng quay nước phong thủy nhằm mục đích tụ tài của.

Trong phép động tĩnh Âm Dương, thủy mà động (chảy) thì lành (cát). Vòng quay phong thủy đúng với điều này, có người lại còn cho thêm đèn và chao đèn, vừa trang trí lại vừa thực dụng. Ánh đèn thì hợp với Dương, Thủy chủ Dương, Sơn chủ Âm thì Dương khí càng thịnh thúc đẩy tài vận càng mạnh.

Ngoài ra còn cần phải chú ý: Vòng quay phong thủy chỉ nên có 6 cái cốc phù hợp với qui tắc phong

thủy vì trong Hà đồ số 6 thuộc thủy, có thế thủy khí mạnh nhất.

Ngoài ra giả sử vòng quay phong thủy có 9 hoặc 4 cái cốc thì cũng thúc đẩy tài vận. Vì số 4 và số 9 trong ngũ hành thuộc Kim. Kim sinh Thủy, thì thế tài vận thủy vượng tăng thêm một bậc.

2. Non bộ có đài phun nước.

Ngày nay những thiết bị dùng cho phong thủy khá nhiều. Việc dùng bồn cảnh có vòi phun nước tạo ra cảm giác lạnh, mát mẻ, và cả cảm giác ẩm ướt.

Có tài liệu nói rằng: Sơn quản (lí) nhân định thủy quản tài. Bố trí non bộ có vòi phun nước trong nhà sẽ tăng tài vận nhưng phải hết sức thận trọng. Không được bố trí ở nơi kỵ thấy thủy vì "Long thần trên núi không xuống nước, Long thần dưới nước chẳng lên non (núi). Nếu phạm không những bị phá sản mà còn liên lụy đến các năm sau.

3. Bể cá thúc đẩy tài vận.

Nếu đặt bể nuôi cá, cần lưu ý mấy điểm sau:

1) Hình dạng bể cá.

2) Loại cá nuôi.

3) Số con cá nuôi.

4 - Màu sắc vảy cá.

a) Quan hệ hình dáng bể với Ngũ hành.

1. Bể hình tròn: Ngũ hành thuộc nước dưới đáy (để thủy), sinh vượng thủy; tốt lành.

2. Bể hình chữ nhật: Ngũ hành thuộc Mộc, tuy có thủy khí, nhưng phải có tình mới được trợ giúp, cũng thuộc loại tốt.

3. Bể hình vuông: Ngũ hành thuộc Thổ, Thổ khắc Thủy, khắc chế lẫn nhau, không nên chọn loại bể có hình vuông.

4. Bể hình lục lăng: Lấy số 6 làm thủy số, Ngũ hành thuộc Thủy. Nhưng Ngũ hành có nhiều hình góc thì thuộc Hỏa, thì Thủy Hỏa giao chiến chống nhau cũng không tốt.

5. Bể hình tam giác, hình bát giác: Ngũ hành thuộc Hỏa. Cho nước vào thì thành tướng khắc chế lẫn nhau. Cũng không nên dùng loại bể này.

Qua phân tích trên, tốt nhất chỉ nên dùng hai loại bể hình tròn và hình chữ nhật.

b). Loại cá.

Cá cảnh có nhiều loại. Nói chung được chia thành 3 loại.

1. Cá nước mặn: Cá nước mặn được nuôi bằng loại nước biển gần bờ, màu sắc đẹp trông rất thích mắt, nuôi cá cho vui mắt lại thúc đẩy tài vận. Chỉ có điều rất khó chăm sóc, dễ chết.

2. Cá nhiệt đới: Loại cá này rất khó nuôi cần được chăm sóc chu đáo. Nếu không rất mau chết, không tốt cho gia đình.

3. Cá vàng: Loại cá nước ngọt nuôi làm cảnh sức sống rất mạnh, rất dễ nuôi. Nói chung rất nhiều người thích nuôi loại cá này, thường chọn loại cá có mồm rộng, răng trắng bạc.

c) Số lượng cá.

Rất nhiều người nuôi cá chọn số lẻ như 1- 3- 5- 7- 9 con. Họ cho rằng số chẵn thì hung (xấu) như 2- 4 - 6- 8- 10. Vì họ cho rằng chữ "song" (2) là cùng âm với chữ "tong" (đi tong) thì hỏng bét, cho là xấu. Thật là khó có cơ sở mà suy đoán. Theo thuật phong thủy, nên lấy số lượng cá mà phối hợp với "Hà đồ" hay "Lạc đồ". Hai thứ phối hợp sẽ như sau:

1 con: Nhất Bạch phụ Lang tinh: Sao tốt, tài vượng.

2 con: Nhị hắc Cự môn tinh: Sao xấu, bất lợi.

3 con: Tam Bích Lộc tồn tinh: Sao xấu, mộc lợi tài vận.

4 con: Tứ lục văn khúc tinh: Sao tốt, tài vượng.

5 con: Ngũ hoàng Liêm trinh tinh: Sao xấu, bất lợi

6 con: Nhất bạch Vũ khúc tinh: Sao tốt, tài vượng.

7 con: Thất xích phá quân tinh: Sao xấu, bất lợi.

8 con: Bát bạch tả phó tinh: Sao tốt, tài vượng.

9 con: Cửu tử hữu chúc tinh: Sao tốt, tài vượng.

Từ 10 con trở lên:

11 tính là 2 con, 12 tính là 3 con, 114 cứ thế mà tính.

Còn tính theo Hà đồ Ngũ hành thì

1 con: Ngũ hành Hà đồ thuộc Thủy, tăng lực cho thủy, thủy có khí tài vượng được coi là tốt.

2 con: Ngũ hành hà đồ thuộc Hỏa sẽ tiêu hao

thế lực của thủy. Thủy khí hao tiền thì coi như bình bình.

3 con: Ngũ hành Hà đồ thuộc Thủy, hao tiết thế lực của thủy, thủy khí hao kiệt thì xấu.

4 con: Ngũ hành Hà đồ thuộc Kim có thể sinh thế lực cho vượng thủy. Thủy khí được tăng cường tự vượng, tốt lành.

5 con: Ngũ hành Hà đồ thuộc Thủy có thể gia tăng thế lực cho thủy, Thủy khí bị chế ngự thì lại bất lợi.

6 con: Ngũ hành Hà đồ thuộc Thủy, tăng cường lực lượng cho thủy, Thủy là khí của vượng tài được coi là tốt lành.

7 con: Ngũ hành Hà đồ thuộc Hỏa, sẽ làm hao tốn lực lượng của thủy. Thủy khí bị hao tổn, chỉ tính bình bình

8 con: Ngũ hành Hà đồ thuộc Mộc sẽ hao tiết lực lượng của thủy. Thủy khí bị hao tiết rất bất lợi.

9 con: Ngũ hành Hà đồ thuộc Kim có thể sinh lực cho vượng thủy. Thủy khí tăng cường tài vận, tự vượng: tốt lành.

10 con: Ngũ hành Hà đồ thuộc Thổ, có thể tăng lực cho thủy. Thủy là khí của tài vượng thì tốt lành.

Nếu kết hợp Hà đồ với Lạc đồ. Số cá nuôi tốt nhất là 1 con, 4 con, 6 con và 9 con. Cần chú ý điều này khi nuôi cá.

d) Màu sắc cá:

Màu sắc của cá, đem đối chiếu với Ngũ hành

cũng sẽ có ảnh hưởng không nhiều thì ít.

- Nếu cá nuôi màu vàng hoặc màu trắng thì Ngũ hành là Kim. Kim có thể sinh Thủy. Lực thúc đẩy tài vận rất mạnh.

- Nếu cá nuôi màu đen, xanh lam hay màu gio, Ngũ hành thuộc Thủy, Thủy có thể là vượng thủy, thúc đẩy tài vận cũng rất mạnh. Giả sử cá nuôi màu xanh, màu lục, Mộc, Mộc sẽ hút nước, lực thúc đẩy tài vận rất yếu.

- Nếu cá nuôi màu đỏ, màu tím, hoặc màu da cam, Ngũ hành thuộc Hỏa, Hỏa sẽ làm hao tổn lực Thủy, thì lực thúc đẩy tài vận rất yếu.

- Nếu cá nuôi màu vàng hoặc màu cà phê, Ngũ hành thuộc Thổ, Thổ khắc Thủy, lực tài vận cũng rất yếu.

Chương IV

MÔ HÌNH ỨNG DỤNG BÁT TRẠCH & 24 SƠN HƯỚNG



I. BỐ CỤC NHÀ HƯỚNG DỌC – HƯỚNG NGANG

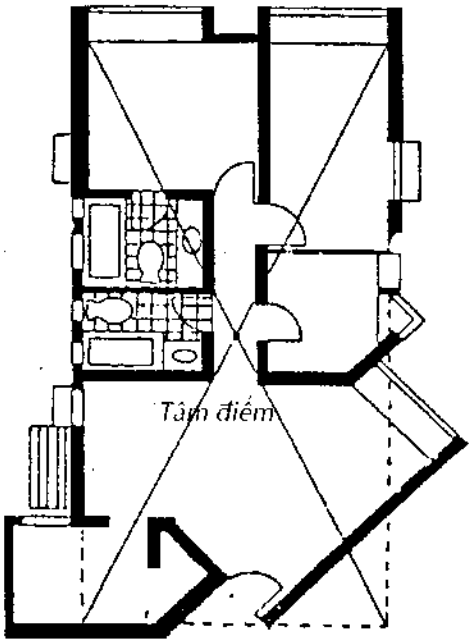
Phần I đã trình bày bố cục 24 Sơn hướng và các biện pháp thúc đẩy tài vận. Trong phần này chúng tôi cụ thể hóa bằng 16 bố cục phong thủy thúc đẩy tài vận. Tuy nhiên 24 Sơn hướng ở thế Thiên nguyên long và Nhân nguyên long lại giống nhau về Phi tinh thuận nghịch, vì thế trong số 24 hướng có 1/3 hoàn toàn giống nhau, rút gọn lại chỉ có 16 Bố cục.

Khi bố trí mặt bằng của ngôi nhà dù có thiên biến vạn hóa thế nào, cũng không thể xa rời 16 Bố cục này, ngoài ra phần lớn các mẫu nhà thường gặp nhất trong xã hội hiện nay là kiểu nhà bố trí dọc (nhà ống) và nhà bố cục ngang. Khi đó lấy theo quẻ "Huyền không đại quái", "Bát trạch" và "Huyền không phi tinh" thì mỗi một bố cục chúng tôi giới thiệu một bản vẽ và thuyết minh nguyên lí phong thủy, nhờ đó bạn đọc càng dễ dàng vận dụng hơn.

1. Xác định Tâm điểm trong nhà

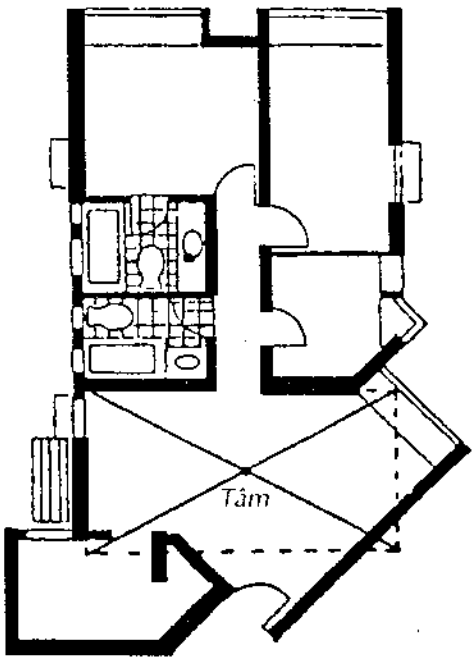
Trước khi vận dụng bạn đọc phải tìm ra hướng đi rồi tìm tâm điểm trong nhà, mới có thể sắp xếp vị trí các du thần đóng giữ sau đó mới tham khảo bản vẽ bố cục được trình bày ở phần này.

Sau đây là các bản vẽ tâm điểm và điểm lập cực được lấy từ các ngôi nhà, bố trí hướng dọc (nhà ống) và nhà hướng ngang.



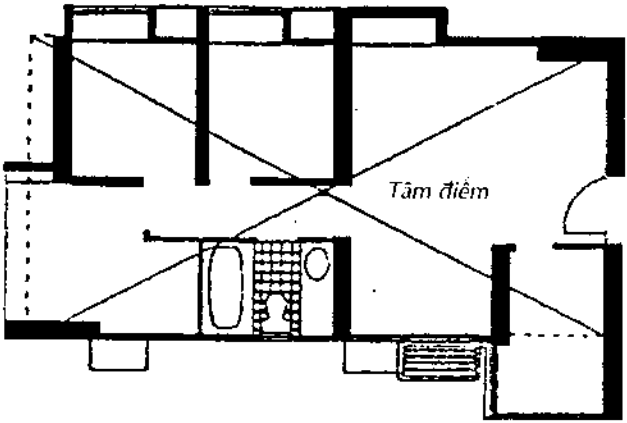
Đại Thái cực: nhà ống

Tâm điểm nhà ống nằm trên đường tâm hình học của toàn ngôi nhà, đó là "Đại thái cực".



Tiểu Thái cực: nhà ống

Điểm lập cực của nhà ống là tâm điểm của gian trống thứ nhất (phòng khách) sau cửa ra vào, đó là "Tiểu thái cực".



Đại Thái cực: Nhà hướng ngang

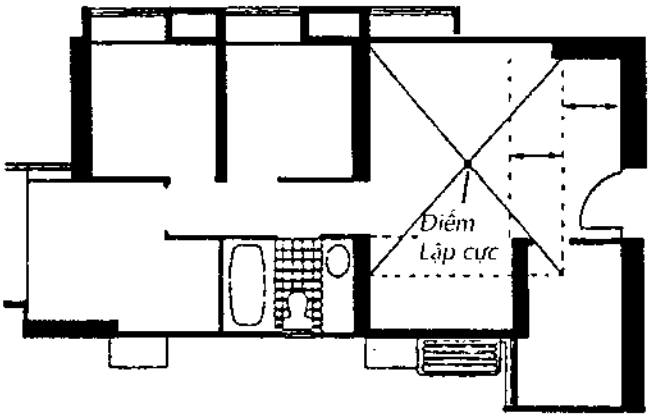
Tâm điểm nhà hướng ngang nằm trên đường giao nhau góc đối toàn ngôi nhà, đó là "Đại thái cực".

2. Gợi ý về xây dựng bố cục thúc đẩy tài vận cho nhà mình.

1. Trước hết tìm ra vị trí tọa hướng cho ngôi nhà.

2. Kẻ các đường phi tuyến (các đường nối) sẽ tìm ra vị trí đóng giữ của du thần.

3. Tìm vị trí nào thích hợp để phóng thủy (nước ra vào). Theo nguyên lý cổ "Sơn quản con người, thủy quản tài vận".



Tiểu Thái cực: Nhà hướng ngang

4. Sau khi xác định vị trí phóng thủy, tiếp tục tìm vị trí đặt các đồ dùng thúc đẩy tài vận (xem phần trên).

5. Chọn "ngày lành tháng tốt" để đặt các đồ vật này. Đơn giản nhất thì tiến hành vào ngày trực "Thành" trực "Định" (Xem lịch hàng năm).

Lập cực nhà bố trí ngang, đó là tâm điểm gian trống thứ nhất (phòng khách) sau cửa ra vào, đó là "Tiểu thái cực".

II. 32 SƠN HƯỚNG

KHẢM TRẠCH - TỌA BẮC HƯỚNG NAM

Tọa Nhâm hướng Bính
Tọa Tí hướng Ngọ
Tọa Quý hướng Đinh

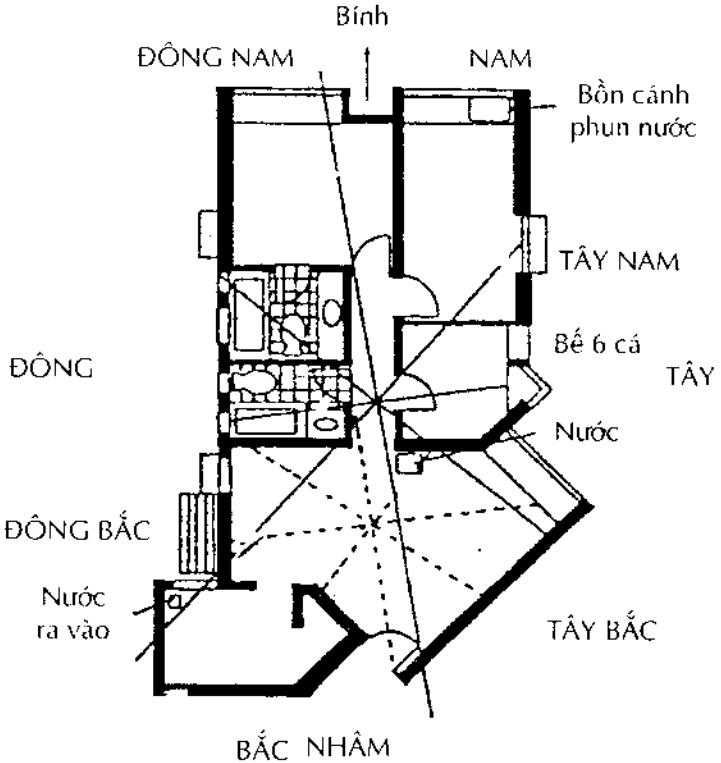
Bố cục 1

Nhà tọa Nhâm hướng Bính (nhà ống)

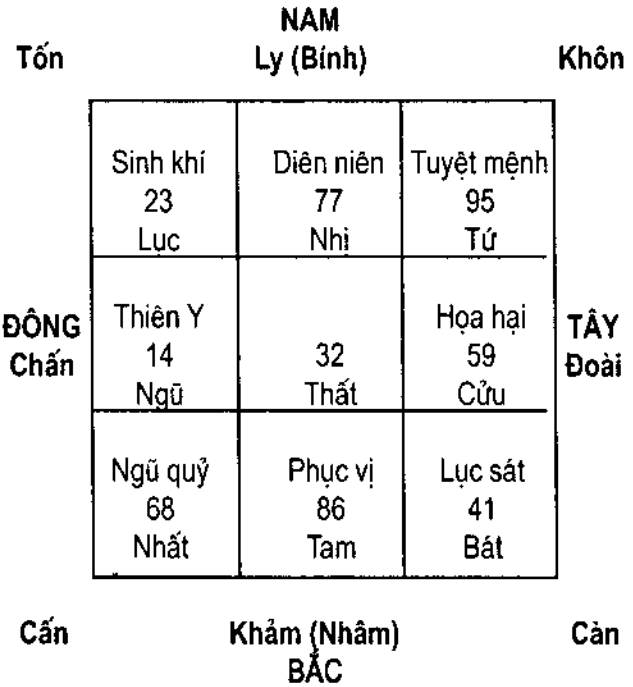
Vị trí phóng thủy ở Đông và Đông Nam, đó là Hạ nguyên vượng thủy. Đông là Linh thần thủy, chủ vượng tài, mà trổ cửa hướng Bắc, hướng Đông Nam là vị trí phóng thủy cũng vượng tài.

Đại thái cực của toàn nhà, hướng Nam là Thất xích tinh và Diên niên tinh là sao cát tinh. Diên niên tinh giống sao Thất xích tinh là cát khí, cho nên ở gần phòng ngủ hướng Nam đặt bồn cảnh có nước phun mù để thúc đẩy tài vận.

Gian trống (Tiểu thái cực) sau cửa đi hướng Nam của phòng khách đặt bể cá vàng nuôi 1 con hoặc 6 con để thúc tài vận, nếu không thích nuôi cá thì kê tủ đặt con vật bằng đồng cũng là cách thúc đẩy tài vận.



Bố cục nhà ống tọa Nhâm hướng Bính



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh nhà tọa Nhâm hướng Bính (Theo Thất vận)

Bố cục 2

Khảm trạch - hướng ngang

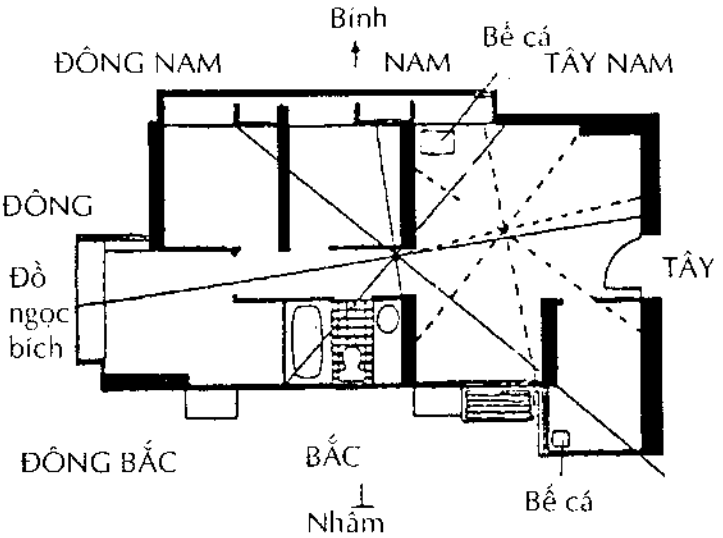
Tọa Nhâm hướng Bính

Nhà vệ sinh, phóng thủy ở hướng Bắc cũng là Hạ nguyên thủy, nhưng chưa đủ khả năng thúc đẩy tài vận mạnh.

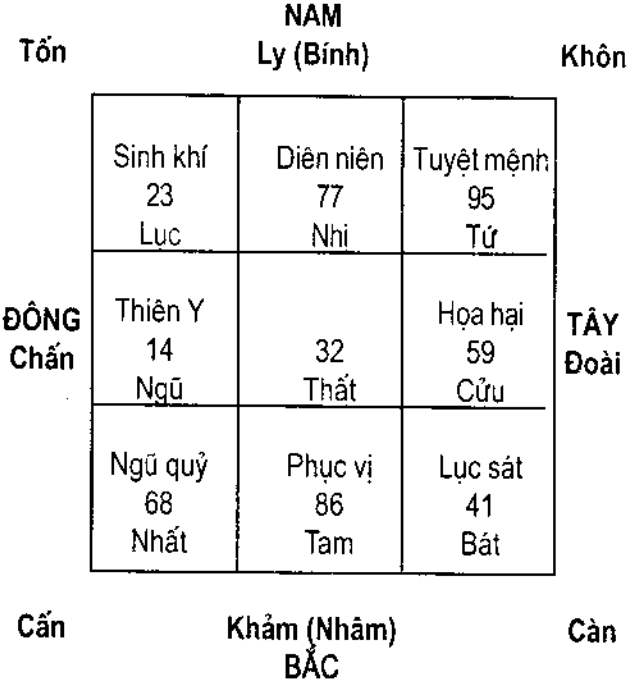
Ở hướng Nam toàn ngôi nhà đặt bể nuôi 6 con cá thì tài vận có chuyển biến tốt. Nhưng hướng Đông Nam nằm ở Tiểu thái cực, cũng dễ bị thị phi, may mà vị trí Sinh khí ở Bát trạch là hướng tốt.

Hướng Đông là Thiên y, nên đặt con vật bằng đồng, thúc đẩy tài vận.

Ngày đặt con vật cũng chọn ngày tốt, trực Thành trực Định.



Bố cục hướng ngang, nhà Tọa Nhâm hướng Bính



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh cho nhà Tọa Nhâm hướng Bính (Theo thất vận)

Bố cục 3

Khảm trạch - hướng Dọc

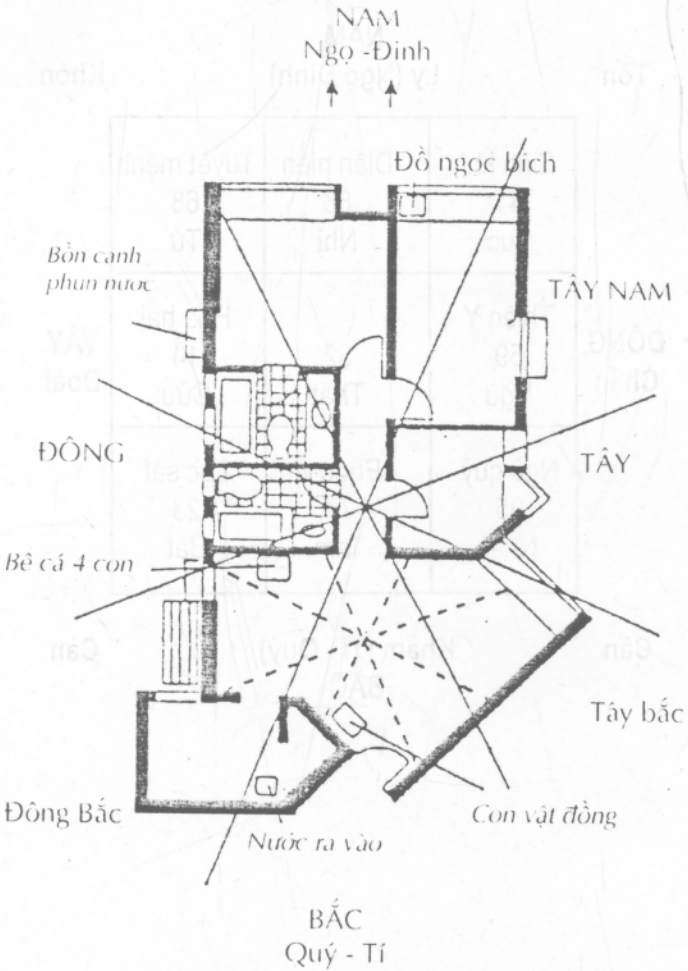
Tọa Tí hướng Ngọ

Tọa Quí hướng Đinh

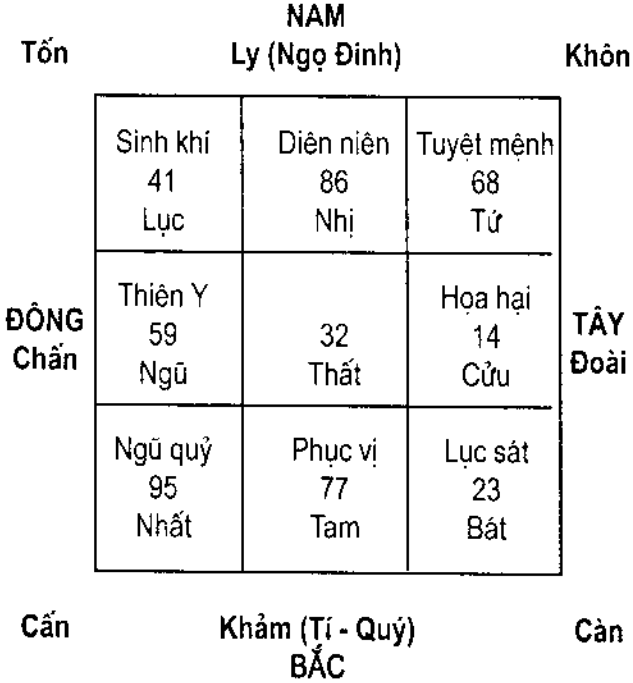
Đại Thái cực của toàn nhà hướng Nam là sao Diên niên tinh và Lục bạch. Bát bạch là cát tinh, đặt 1 con vật bằng đồng. Bát bạch có Ngũ hành thuộc Thổ, có thể sinh vượng Diên niên kim, chủ vượng tài, nếu tiến hành vào năm Tỵ, Dậu, Sửu tài vận thịnh lợi.

Hướng Bắc gian trống thứ nhất (Tiểu thái cực) sau cửa đi là vị trí cát tinh và song thất cát tinh bay vào. Bắc phương có Ngũ hành thuộc Thủy, Kim Mộc Thủy tương sinh, cát tinh khí lưu hành, hướng Bắc đặt con vật bằng đồng để thúc đẩy tài vận.

Theo quẻ Huyền không đại quái, trổ cửa hướng Bắc, hướng Đông Nam là thủy sẽ có lợi cho vượng tài.



Bố cục nhà ống Tọa Tí hướng Ngọ,
Tọa Quí hướng Đinh



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh, Nhà Tọa Tý hướng Ngọ Tọa Qúy hướng Đinh

Bố cục 4

Khảm trạch - hướng ngang

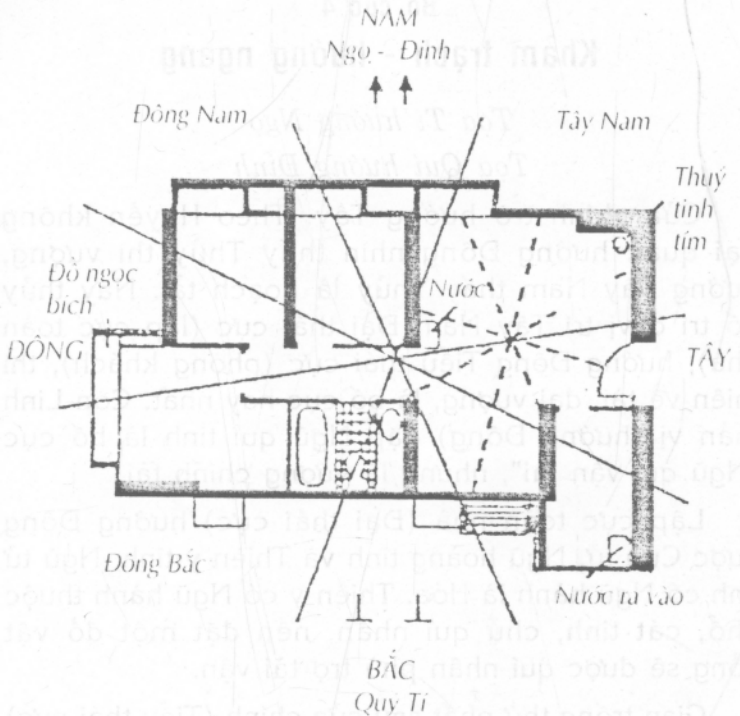
Tọa Tí hướng Ngọ

Tọa Quí hướng Đinh

Cửa chính trổ hướng Tây. Theo Huyền không đại quái: hướng Đông nhìn thấy Thủy thì vượng, hướng Tây Nam thấy Thủy là hoạch tài. Nay thủy bố trí ở vị trí Tây Nam Đại thái cực (lập cực toàn nhà), hướng Đông Tiểu thái cực (phòng khách), thì thiên về tài, đại vượng, là bố cục hay nhất. Còn Linh thần vị (hướng Đông) gặp Ngũ quí tinh là bố cục "Ngũ quí vận tài", nhưng là vượng chính tài.

Lập cực toàn nhà (Đại thái cực) hướng Đông được Cửu tử, Ngũ hoàng tinh và Thiên y tinh. Ngũ tử tinh có Ngũ hành là Hỏa. Thiên y có Ngũ hành thuộc Thổ, cát tinh, chủ quí nhân, nên đặt một đồ vật đồng sẽ được quí nhân phù trợ tài vận.

Gian trống thứ nhất sau cửa chính (Tiểu thái cực) nếu lập cực cho phòng khách này, hướng Tây Nam được trí lộc Văn xương, Lục bạch ngũ khúc Kim và Bát bạch tả phó thổ, là đại hung tinh tuyệt mạng, cần đặt đồ thủy tinh màu tím, màu tím thuộc Hỏa khắc Tuyệt mệnh Kim. Sau đó sinh vượng Bát bạch thổ, được Lục bạch cát tinh, cũng là bố cục vượng tài.



Bố cục hướng Ngang, Tọa Tí hướng Ngọ
Tọa Quí hướng Đinh

NAM

Tốn **Ly (Ngọ - Đinh)** **Khôn**

Sinh khí 41 Lục	Diên niên 86 Nhị	Tuyệt mệnh 68 Tứ
Thiên Y 59 Ngũ	32 Thất	Họa hại 14 Cửu
Ngũ quỷ 95 Nhất	Phục vị 77 Tam	Lục sát 23 Bát

ĐÔNG Chấn — **TÂY Đoài**

Cấn **Khảm (Tí - Quý)** **Càn**

BẮC

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh nhà Tọa Tí hướng Ngọ Tọa Quí hướng Dinh

CẤN TRẠCH - TỌA ĐÔNG BẮC, HƯỚNG TÂY NAM

Tọa Sửu hướng Mùi
Tọa Cấn hướng Khôn
Tọa Dần hướng Thân

Bố cục 5

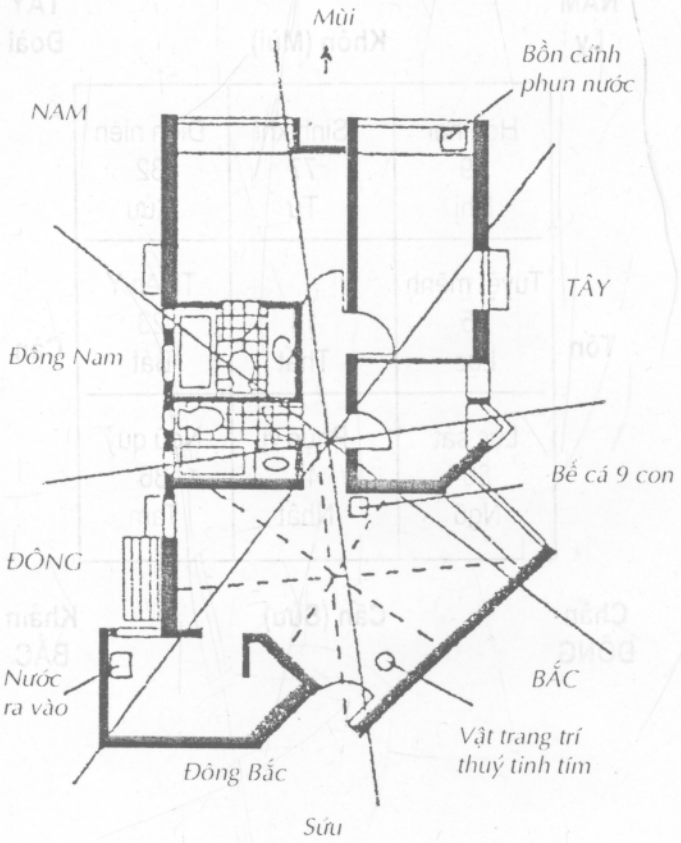
Cấn trạch - hướng Dọc

Tọa Sửu hướng Mùi

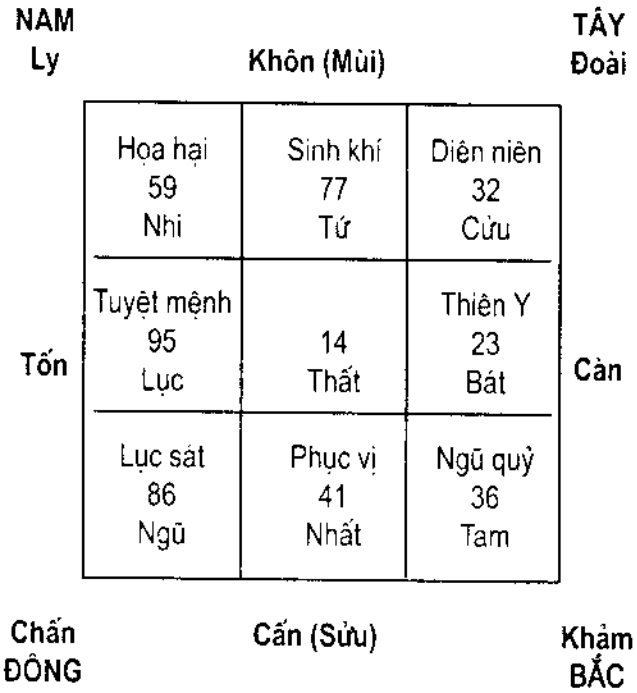
Đại thái cực (tâm toàn nhà): hướng Tây Nam là Thất vận chiếu thần vị, thấy Thủy gọi là Thúc quan thủy, vượng tài, ở hướng này nên có bồn cảnh phun nước thúc tài lộc.

Phương Nam Tiểu thái cực (phòng khách) tức là hướng Bắc của Đại thái cực, chỗ này đặt bể cá, nuôi cá màu đen, màu xanh, 9 con. Ngoài ra ở hướng Bắc Tiểu thái cực đặt thủy tinh màu tím, thúc đẩy tài vận. Bất kể bố cục nào cũng đều thúc tài vì đã bố trí ở thế "Ngũ quỉ vận tài", hướng Bắc là Lục bạch Kim và Bát bạch thổ tinh bay tới. Còn Ngũ quỉ hỏa thuộc hung tinh khắc Lục bạch kim, rất may là Bát bạch thổ hạn chế Ngũ quỉ hỏa mà sinh Lục bạch kim, cát tinh thì cũng coi như vượng, nên gặp bố cục này thì tài vận tốt cường.

Khi được Ngũ quỉ vận tài thì hành tài cũng vượng.



Bố cục hướng dọc, Nhà Tọa Sửu hướng Mùi



Sơ đồ bát trạch và Phi tinh nhà tọa Sửu hướng Mùi

Bố cục 6

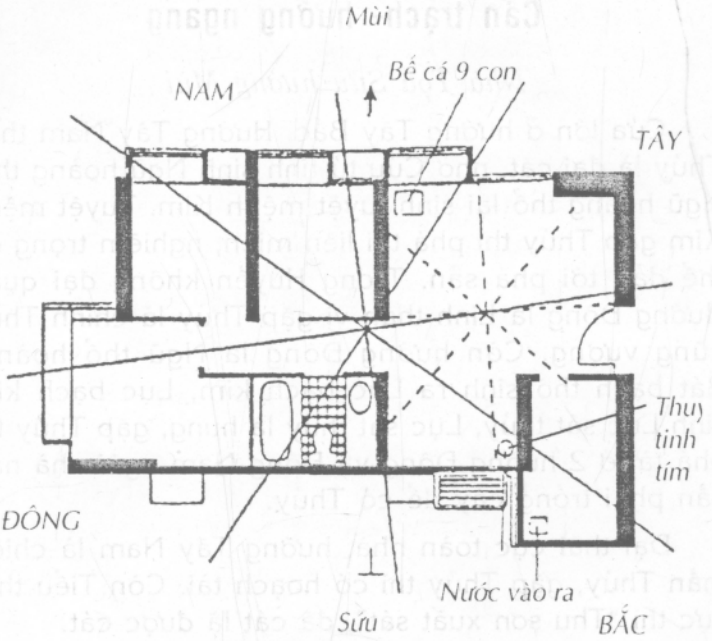
Cấn trạch- hướng ngang

Nhà Tọa Sửu hướng Mùi

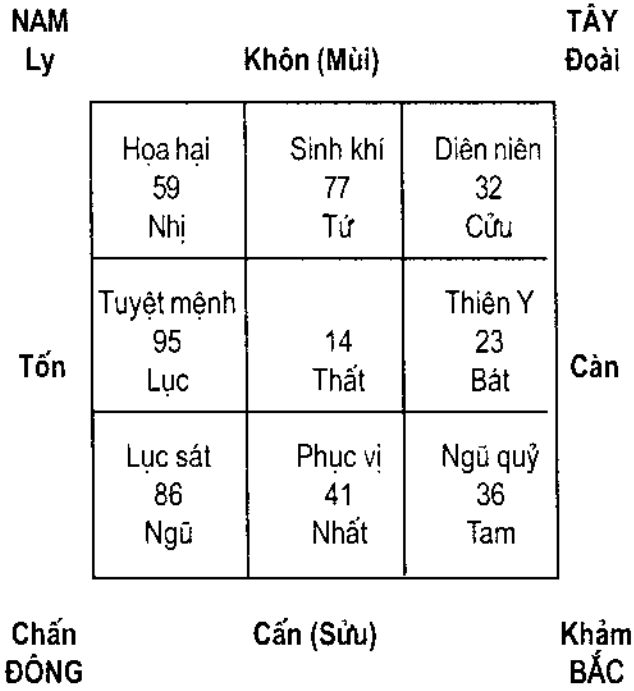
Cửa lớn ở hướng Tây Bắc. Hướng Tây Nam thấy Thủy là đại cát, nhờ Cửu tử tinh sinh Ngũ hoàng thổ. Ngũ hoàng thổ lại sinh tuyệt mệnh Kim. Tuyệt mệnh Kim gặp Thủy thì phá tài liên miên, nghiêm trọng có thể dẫn tới phá sản. Trong Huyền không đại quái: Hướng Đông là Linh thần vị gặp Thủy là chính Thủy cũng vượng. Còn hướng Đông là Ngũ thổ hoàng, Bát bạch thổ sinh ra Lục bạch kim, Lục bạch kim sinh Lục sát thủy, Lục sát thủy là hung, gặp Thủy thì phá tài ở 2 hướng Đông và Đông Nam ngôi nhà này cần phải trồng cây để có Thủy.

Đại thái cực toàn nhà, hướng Tây Nam là chiếu thần Thủy, gặp Thủy thì có hoạch tài. Còn Tiểu thái cực thì "Thu sơn xuất sát", đã cát là được cát.

Phía Bắc (là phía Bắc phòng khách) có 1 góc phòng kế cận nhà bếp, gặp Ngũ quí hỏa sinh ra Bát bạch cát tinh, Bát bạch thổ sinh Lục bạch cát tinh theo sách cổ "Vị vị sinh lai, liên thiêm tài hỉ". Ngũ quí sát tinh sinh ra cát tinh, vị trí này nên đặt đồ vật thủy tinh màu tím là bố cục "Ngũ quí vận tài" sẽ tăng tài vận.



Bố cục hướng Ngang
nhà tọa Sửu hướng Mùi



Sơ đồ bát trạch và Phi tinh
Tọa Sửu hướng Mùi

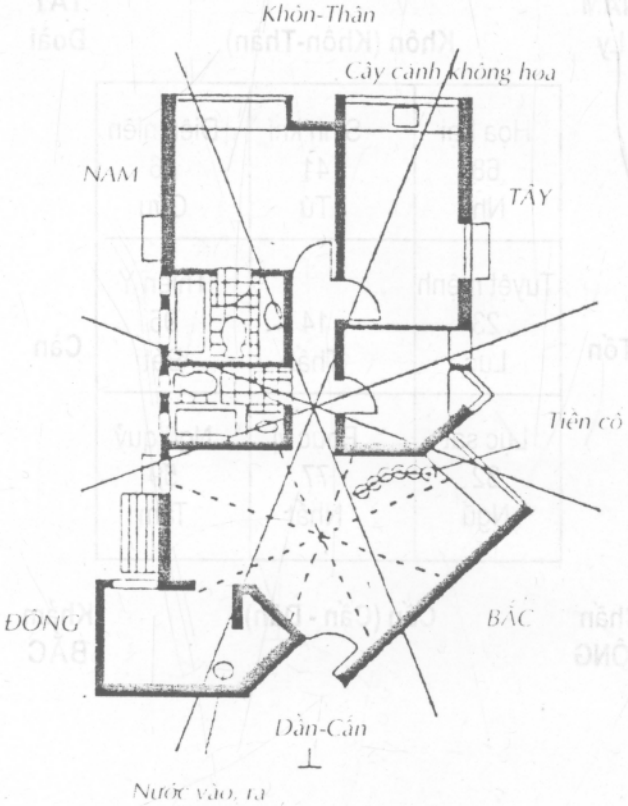
Bố cục 7

Cấn trạch - hướng Dọc

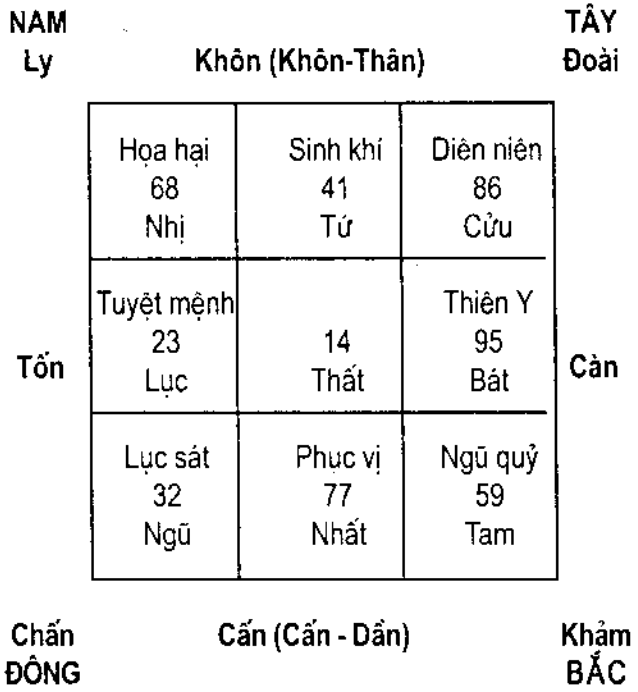
Tọa Cấn hướng Khôn

Tọa Dần hướng Thân

Đại thái cực toàn nhà. Hướng Khôn là sao sinh khí Mộc cát tinh, lại có Húc quan thủy trong quẻ Huyền không đại quái nên đặt bồn cảnh phun nước để Thủy lại sinh Thủy. Khi đó Sinh khí đã cát lại còn mạnh hơn thì tài vận tự nhiên hưng thịnh. Tiểu thái cực (phòng khách) ở phía Tây là Tứ lục cát tinh. Theo Huyền không Ngũ hành Cửu tử hóa sinh Bát bạch thổ, Bát bạch thổ lại sinh lục bạch cát tinh và Diên niên cát tinh. Ở hướng này nên treo tiền đồng cổ để tăng tài vận.



Bố cục hướng Dọc
Nhà tọa Cấn hướng Khôn, Tọa Dần hướng Thân



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh. Nhà tọa Cấn hướng Khôn, Tọa Dần hướng Thân

Bố cục 8.

Cấn trạch - hướng Ngang

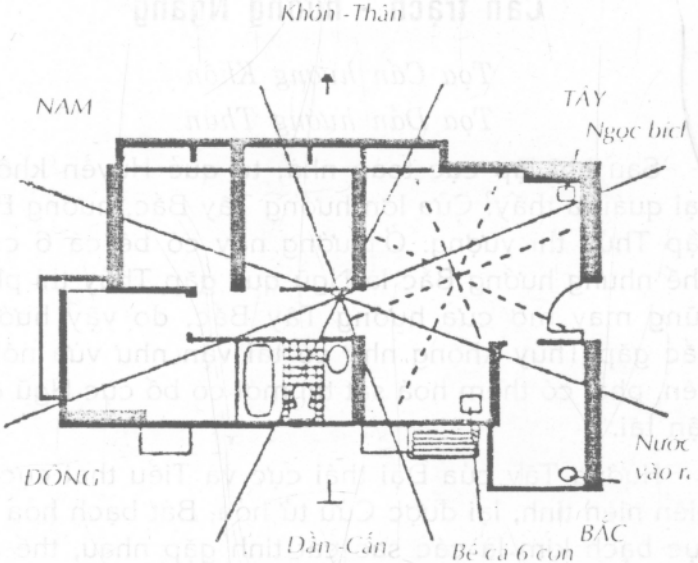
Tọa Cấn hướng Khôn

Tọa Dần hướng Thân

Sau khi lập cực toàn nhà, từ quẻ Huyền không đại quái ta thấy: Cửa lớn hướng Tây Bắc, hướng Bắc gặp Thủy thì vượng. Ở hướng này có bể cá 6 con. Thế nhưng hướng Bắc là Ngũ quỉ, gặp Thủy thì phá, cũng may mở cửa hướng Tây Bắc, do vậy hướng Bắc gặp Thủy không như có tài vận như vừa nói ở trên, phải có thêm hoá sát thì mới có bố cục Ngũ quỉ vận tài.

Hướng Tây của Đại thái cực và Tiểu thái cực là Diên niên tinh, lại được Cửu tử hỏa, Bát bạch hỏa và Lục bạch kim là các sao cát tinh gặp nhau, thế rất tốt. Hướng này đặt con vật, các tháng làm ăn tốt, có tài lộc là tháng 4, 7, 11.

Nhà vệ sinh đặt ở hướng Đông Bắc, hướng Đông, một là cát, một là hung là bố cục cân bình.



Bố cục hướng Ngang. Nhà Tọa Cấn hướng Khôn
Tọa Dần hướng Thân

NAM
Ly

Khôn (Khôn-Thân)

TÂY
Đoài

Họa hại 68 Nhị	Sinh khí 41 Tứ	Diên niên 86 Cửu
Tuyệt mệnh 23 Lục	14 Thất	Thiên Y 95 Bát
Lục sát 32 Ngũ	Phục vị 77 Nhất	Ngũ quỷ 59 Tam

Tốn

Càn

Chấn
ĐÔNG

Cấn (Cấn -Dần)

Khảm
BẮC

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh, Nhà Tọa Cấn hướng Khôn. Tọa Dần hướng Thân

CHẤN TRẠCH - TỌA ĐÔNG HƯỚNG TÂY

Tọa Giáp hướng Canh.
Tọa Mão hướng Dậu
Tọa Ất hướng Tân

Bố cục 9

Chấn trạch - hướng Dọc

Tọa Giáp hướng Canh

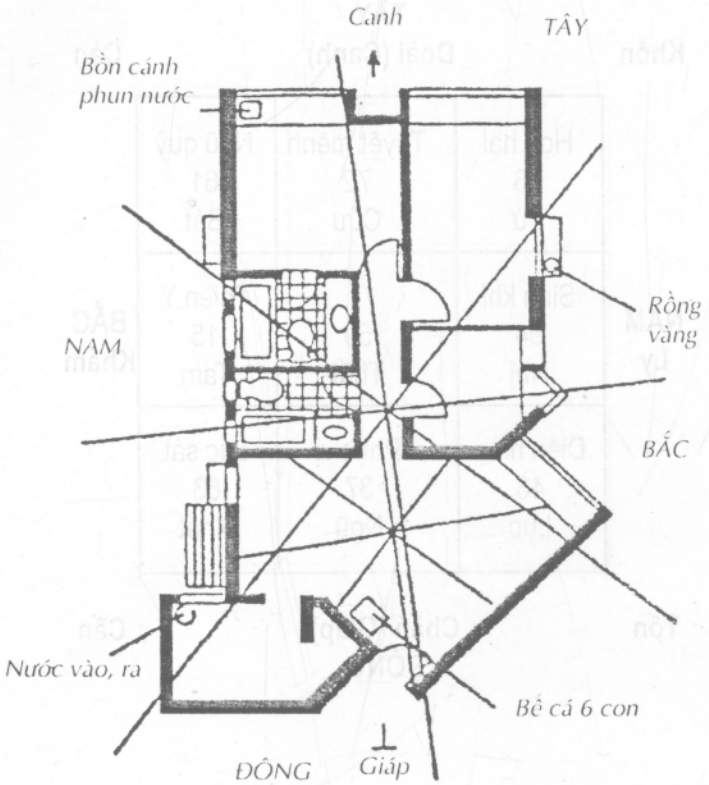
- Nhà này mở cửa hướng Đông.

- Nhà vệ sinh, nước ra vào ở Nam và Tây Nam. Tây Nam là thúc quan thủy có hoành tài. Hướng Nam là thất vận thủy, tài vận bình thường.

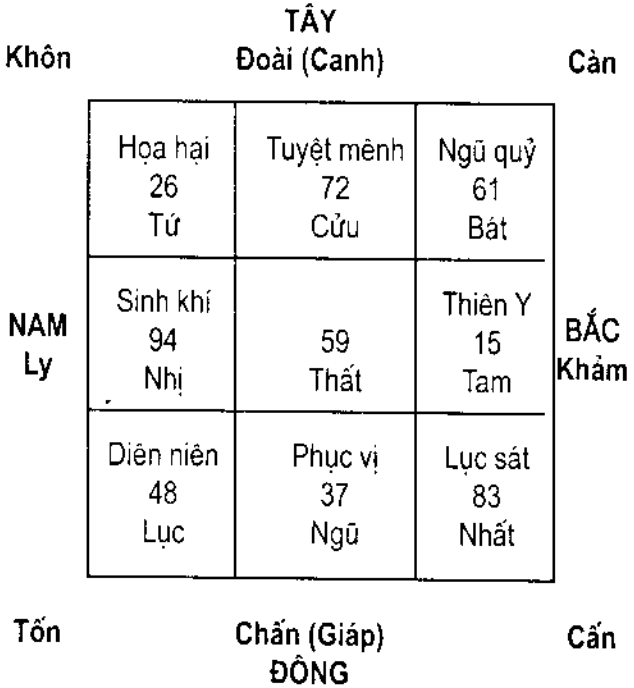
Lập cực toàn nhà (Đại thái cực) hướng Tây Bắc (phòng ngủ, ban công) là vị trí tốt (cát tinh). Ngũ quỉ sát hỏa sinh ra Bát bạch thổ, Bạch thổ sinh Lục bạch. Lục bạch là cát tinh. Đặt tượng con rồng tăng thêm sức mạnh cho Nhất bạch cát tinh, thì vượng tài.

Hướng Tây Nam, với nhà mở cửa hướng Đông xét theo Huyền không đại quái thì Tây Nam có hoành tài, do vậy ở ban công hướng Tây Nam nên có bồn cảnh phun nước. Tiểu thái cực (phòng khách) ở phía Đông cũng là phía Đông Đại thái cực đều tiếp cận với tường bếp gần với cửa đi. Hướng Linh thần của thất vận ở hướng Đông, gặp Thủy thì là chính Thủy đương vận, vương chính tài.

Bếp và nước ra vào ở Đông Nam sẽ được Diên niên thủy, cũng vượng



Bố cục hướng Dọc
Nhà tọa Giáp hướng Canh



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Giáp hướng Canh

Bố cục 10

Chấn trạch - hướng Ngang

Nhà tọa Giáp hướng Canh

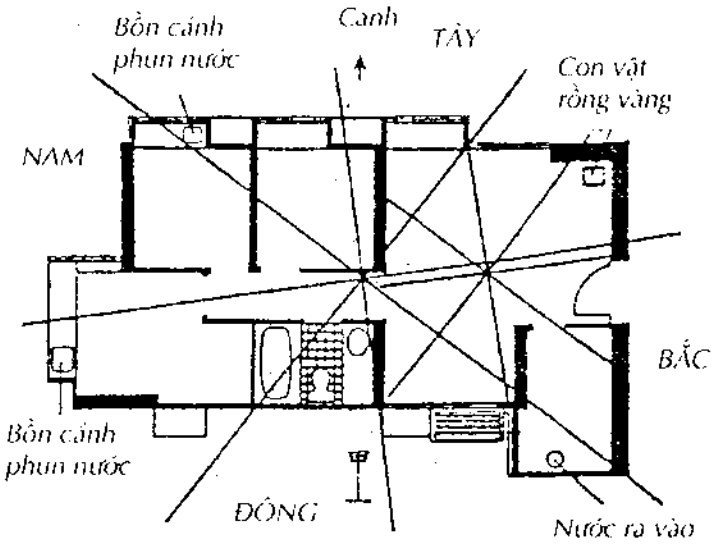
Hướng Đông Đại thái cực (toàn nhà) là nhà vệ sinh và nước thoát ra. Đông thủy là thất vận điền (ruộng thất vận) đang chuyển nước. Tài vận của nhà này khá tốt.

Phóng thủy ở hướng Tây Nam là thúc quan thủy, tài vượng nhưng cần có thêm bồn cảnh phun nước.

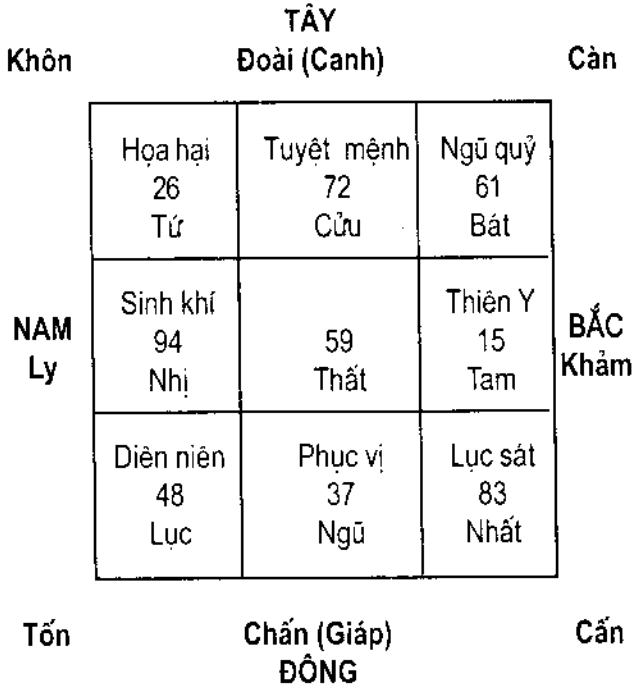
Hướng Đông Nam gặp Thủy là Diên niên thủy, đây là hướng chính thúc đẩy tài vượng, tuy vậy cũng nên có bồn cảnh phun nước.

Thải nước cho nhà bếp chỉ nên chọn ở hướng Bắc hay Đông Bắc. Hướng Bắc là Ngũ hoàng tinh gặp Thủy thì sát Thủy (Ngũ hoàng tinh phóng thủy) phải hợp với Hợp sơn xuất sát, nếu không sẽ có thiệt (hại) tốt nhất nên chọn hướng Đông (Đông cửu phương), nước vào bếp là đường ống, vị trí nước ra là chỗ rửa rau.

Phía Tây Bắc của Tiểu thái cực (phòng khách) và Đại thái cực đều tiếp giáp góc tường cửa đi gặp Nhất bạch, Lục bạch, Bát bạch là 3 cát tinh, nên đặt 1 con vật (khỉ) để thúc tài. Đặt con rồng vàng là bố cục Ngũ quỉ vận tài.



Bố cục hướng Ngang
Nhà tọa Giáp hướng Canh



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Giáp hướng Canh

Bố cục 11

Chấn trạch - Hướng Dọc (nhà ống)

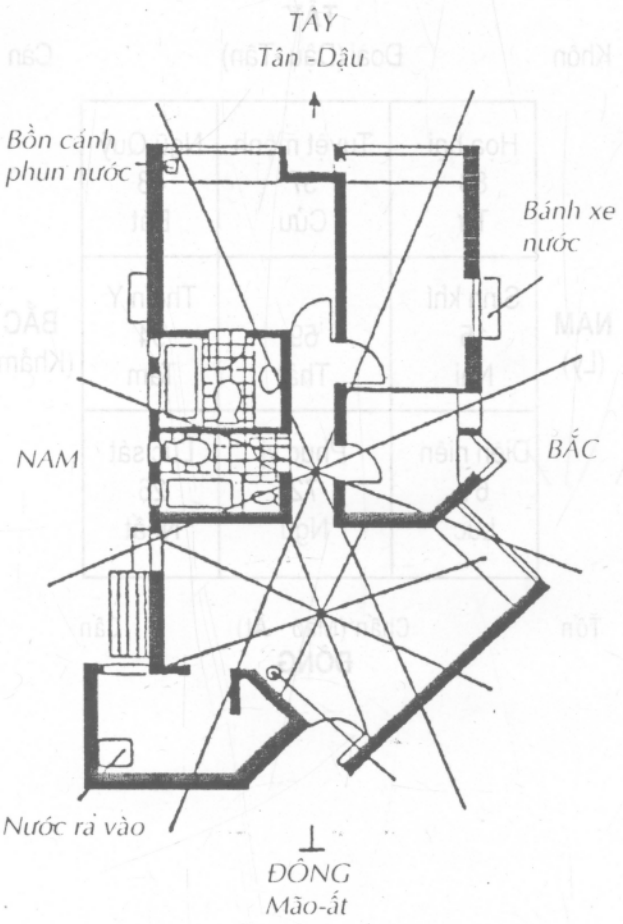
Nhà tọa Mão hướng Dậu
Tọa Ất hướng Tân

Đại thái cực: Cửa lớn ở hướng Đông. Cửa Đông chọn hướng Tây Nam gặp Thủy là vượng chính tài. Thất vận lấy hướng Tây Nam là vượng thiên tài. Đây là chỗ mạnh nhất của *Huyền không đại quái* mà mọi người nghiên cứu về phong thủy thì ai cũng biết, do vậy ở ban công hướng Tây Nam nên có bồn cảnh phun nước. Còn ban công hướng Tây Bắc thì nên đặt bánh xe nước sẽ hợp với bố cục "Ngũ quỉ tài vận cục" tài vượng sẽ tăng lên.

Phòng thủy cho nhà vệ sinh ở hướng Nam, phạm Ngũ hoàng sát Thủy, gặp sinh khí Mộc. Thủy sinh Thủy mà Thủy lại khắc chủ, tài vận không ổn định cũng may phong thủy của nhà bếp ở Tây Nam là vị trí vượng tài, cho nên cát hạn chế, triệt tiêu hung, vòi nước nhà bếp nên đặt ở hướng Đông Nam.

Hướng Đông Nam Tiểu thái cực ở tường bếp gần cửa đi. Vị trí này được hai sao Lục bạch kim và Diên niên kim là 2 sao cát tinh, sinh ra Nhất bạch thủy cát tinh

Ở hướng này nếu treo tiền đồng cổ thì tài vận lại càng vượng hơn.



Bố cục hướng Dọc
Nhà tọa Mão hướng Dậu
Tọa Ất hướng Tân

TÂY

Khôn — Đoài (Dậu - Tân) — Càn

Họa hại 83 Tứ	Tuyệt mệnh 37 Cửu	Ngũ Quỷ 48 Bát
Sinh khí 15 Nhị	59 Thất	Thiên Y 94 Tam
Diên niên 61 Lục	Phục vị 72 Ngũ	Lục sát 26 Nhất

NAM (Ly) — **BẮC** (Khảm)

Tốn — Chấn (Mão - Ất) — Cấn

ĐÔNG

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Mão hướng Dậu
Tọa Ất hướng Tân

Bố cục 12

Chấn trạch - hướng Ngang

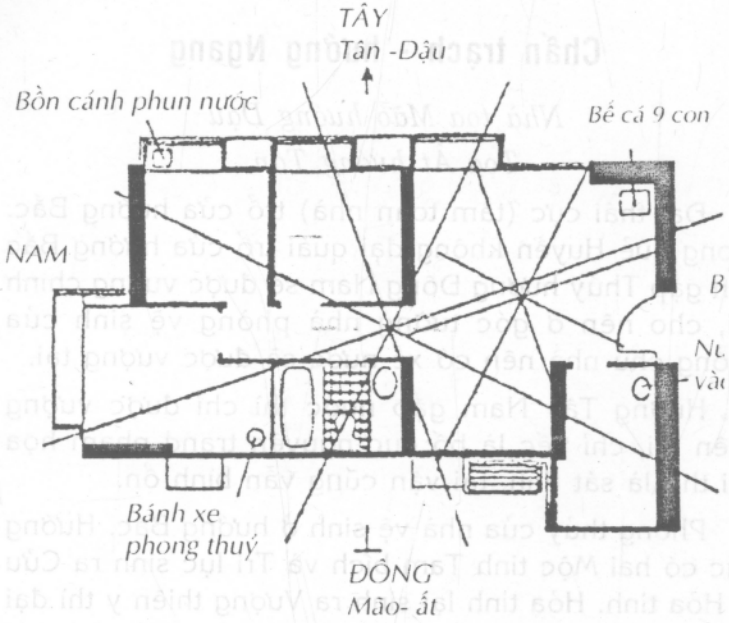
Nhà tọa Mão hướng Dậu
Tọa Ất hướng Tân

Đại thái cực (tâm toàn nhà) trổ cửa hướng Bắc. Trong quẻ Huyền không đại quái trổ cửa hướng Bắc nên gặp Thủy hướng Đông Nam sẽ được vượng chính tài, cho nên ở góc tường nhà phòng vệ sinh của buồng chủ nhà nên có xe nước sẽ được vượng tài.

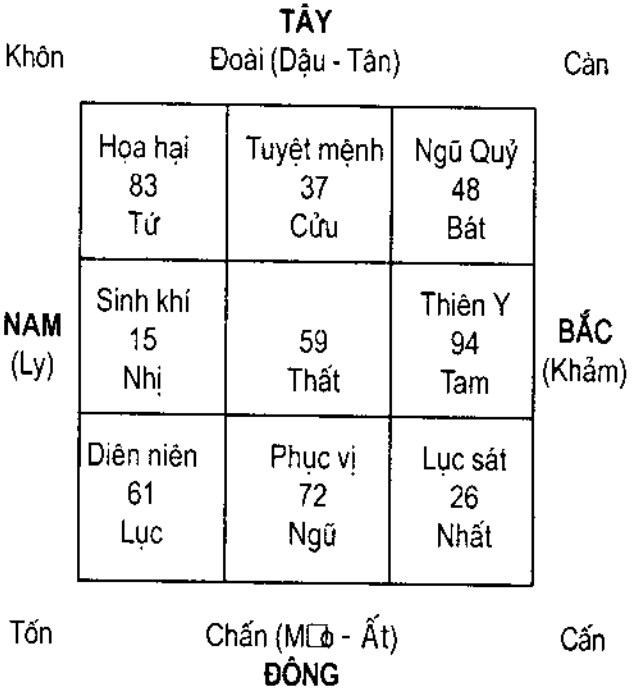
Hướng Tây Nam gặp nước thì chỉ được vượng thiên tài, chỉ tiếc là bố cục nguyên trạng phạm họa hại thổ là sát tinh, tài vận cũng vẫn bình ổn.

Phóng thủy của nhà vệ sinh ở hướng Bắc. Hướng Bắc có hai Mộc tinh Tam bích và Trí lục sinh ra Cửu tử Hỏa tinh. Hỏa tinh lại sinh ra Vượng thiên y thì đại cát. Về mặt tài vận sẽ được các thế lực bên ngoài (quí nhân) phù trợ sẽ đắc tài.

Bất kể là bị Đại thái cực ức chế hoặc là Tiểu thái cực thì hướng Tây Bắc vẫn có Ngũ quỉ sát tinh cắt ngang, nhưng sao này lại sinh Vượng bá bạch cát tinh, gặp được Thủy là bố cục "Ngũ quỉ vận tài" ở hướng Tây Bắc nên đặt bể nuôi 9 cá thúc đẩy tài vận.



Bố cục hướng Ngang
Nhà tọa Mão hướng Dậu
Tọa Ất hướng Tân



Sơ đồ bát trạch và Phi tinh
Nhà Tọa Mão hướng Dậu
Tọa Ất hướng Tân

TỐN TRẠCH - TỌA ĐÔNG NAM HƯỚNG TÂY BẮC

Toạ Thìn hướng Tuất
Tọa Tốn hướng Càn
Tọa Tỵ hướng Hợi

Bố cục 13

Hướng Dọc (nhà ống)

Tọa Thìn hướng Tuất

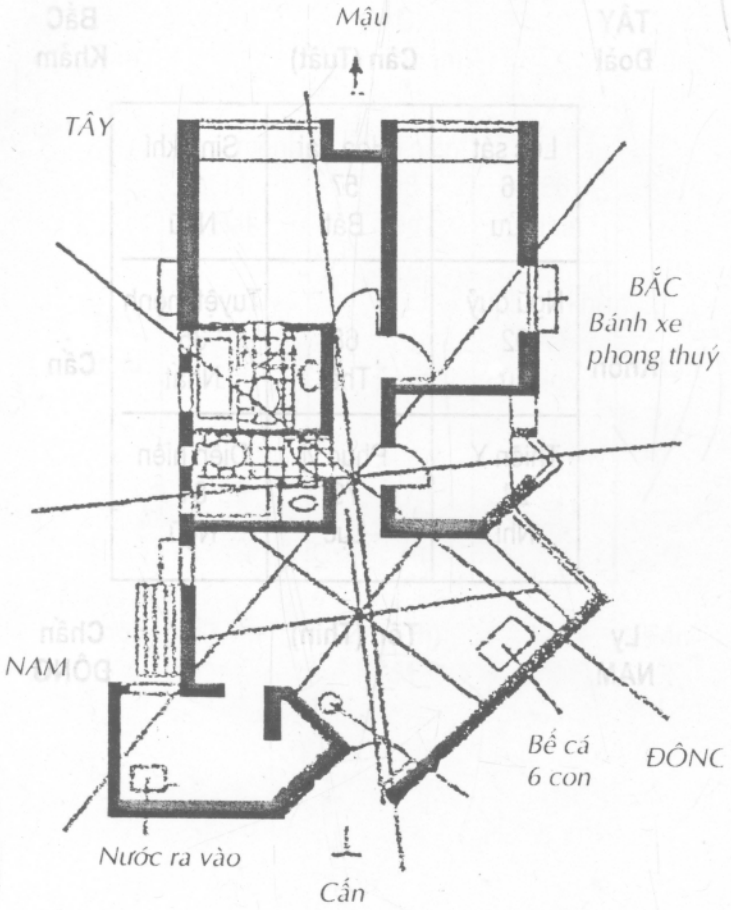
Hướng Đông Tiểu thái cực (phòng khách) và Đại thái cực (toàn nhà) đều nằm trong phòng khách. Linh thần vị ở hướng Đông, gặp thủy là đại vượng chính tài.

Hướng Đông theo bố cục cũ là Diên niên cát tinh, có Nhất bạch, Bát bạch cát tinh chiếu đến, còn Ngũ hoàng là Ngũ quỉ, gặp Thủy thành cục "Ngũ quỉ vận tài" cũng được vượng

Theo quẻ Huyền không đại quái, trổ cửa Đông "Cấn môn". Khảm phương gặp Thủy là vượng chính tài, bố cục Khảm phương sinh khí Mộc là sao tốt nhất trong 8 sao Du tinh, gặp Thủy cũng vượng, do vậy ở hướng Khảm nên có bánh xe nước

Nước ra vào nhà bếp bố trí ở hướng Đông Nam, là hướng phục vị. Mộc sinh Cửu tử hỏa cát tinh.

Hướng Đông Nam đặt đồ thủy tinh tím cũng có tác dụng thúc đẩy tài vận.



Bố cục hướng Dọc.
Nhà tọa Thìn hướng Tuất

TÂY Đoài	Càn (Tuất)	BắC Khảm

	Lục sát 46 Cửu	Họa hại 57 Bát	Sinh khí 13 Ngũ
Khôn	Ngũ quỷ 92 Tứ	68 Thất	Tuyệt mệnh 35 Nhất	Cấn
	Thiên Y 24 Nhị	Phục vị 79 Lục	Diên niên 81 Ngũ

Ly NAM	Tốn (Thìn)	Chấn ĐÔNG

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Thìn hướng Tuất

Bố cục 14

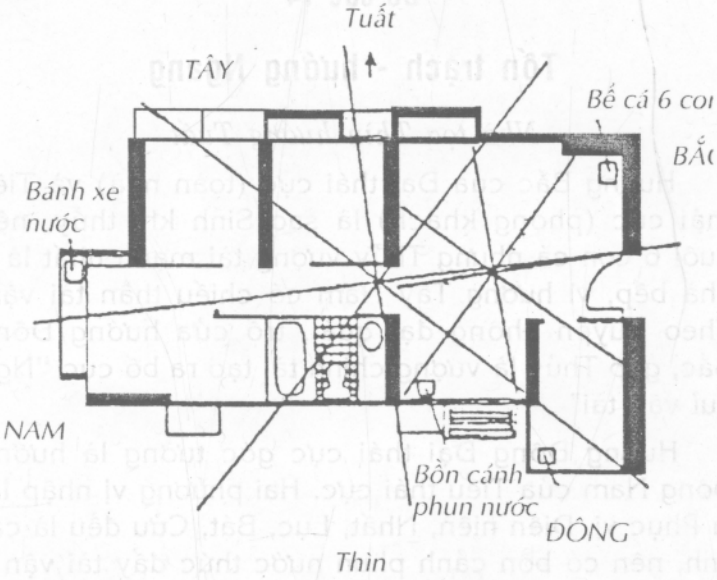
Tốn trạch - hướng Ngang

Nhà tọa Thìn hướng Tuất

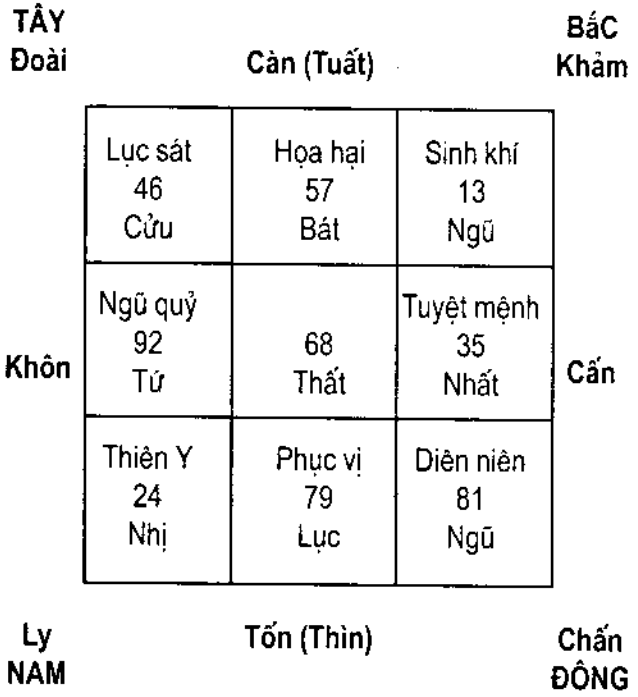
Hướng Bắc của Đại thái cực (toàn nhà) và Tiểu thái cực (phòng khách) là sao Sinh khí thủy, nên nuôi 6 con cá nhưng Thủy vượng tài mạnh nhất là ở nhà bếp, vì hướng Tây Nam có chiếu thần tài vận. Theo Huyền không đại quái, trổ cửa hướng Đông Bắc, gặp Thủy là vượng chính tài tạo ra bố cục "Ngũ quỉ vận tài"

Hướng Đông Đại thái cực góc tường là hướng Đông Nam của Tiểu thái cực. Hai phương vị nhập lại là Phục vị, Diên niên, Nhất, Lục, Bát, Cửu đều là cát tinh, nên có bồn cảnh phun nước thúc đẩy tài vận

Vòi nước nhà bếp bố trí ở Chấn vị phía Đông, vì theo phái Huyền không đại quái thì trổ cửa Cấn môn, lấy Đông gặp Thủy mà có hành vượng tài mà bố cục nguyên là Ngũ hoành mà Bát bạch thổ sinh ra diên niên vương tinh. Diên niên kim lại sinh ra một Bạch tinh, đây là phương vượng tài.



Bố cục hướng Ngang
Nhà tọa Thìn hướng Tuất



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Thìn hướng Tuất

Bố cục 15

Tốn trạch - hướng Dọc

Nhà tọa Tốn hướng Càn

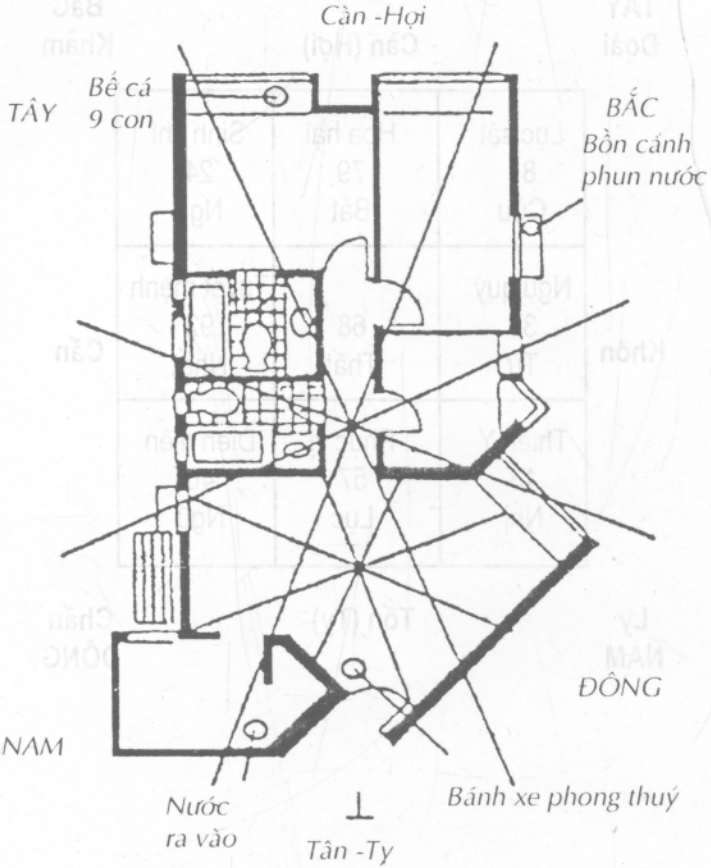
Tọa Tỵ hướng Hợi

Đại thái cực, hướng Tây Bắc nuôi 9 con cá, hợp với Tam biến thất vận, rất hữu ích để tăng tài vận.

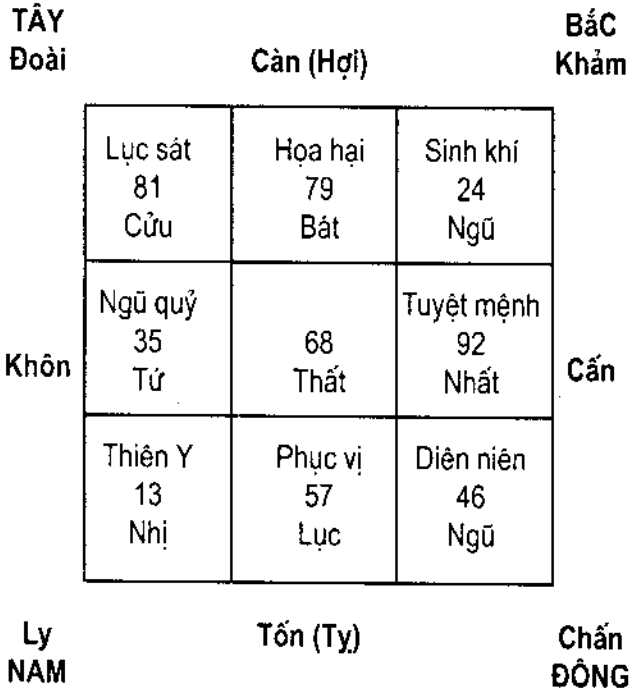
Trong Huyền không đại quái, hướng Bắc nhà này gặp Thủy là vượng chính tài, hướng Bắc là sinh khí Mộc cát tinh

Nước ra vào bếp bố trí ở hướng Đông Nam, vì hướng này gặp Thủy là Hạ nguyên chính thủy, tuy lực vượng tài tương đối nhỏ nhưng ổn định và tăng tiến.

Hướng Đông Nam của Đại thái cực (toàn nhà) và Tiểu thái cực (phòng khách) là Phục vị thất xích đều cát, nên đặt đồ thủy tinh tím, có thể dùng Hỏa chế Thủy mà sinh Thổ (Thủy tinh thuộc Thổ) lấy Thổ sinh vượng Thất xích tinh, do đó cũng vượng tài.



Bố cục hướng Dọc
Nhà tọa Tốn hướng Càn
Tọa Tỵ hướng Hợi



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Tốn hướng Càn
Tọa Tỵ hướng Hợi

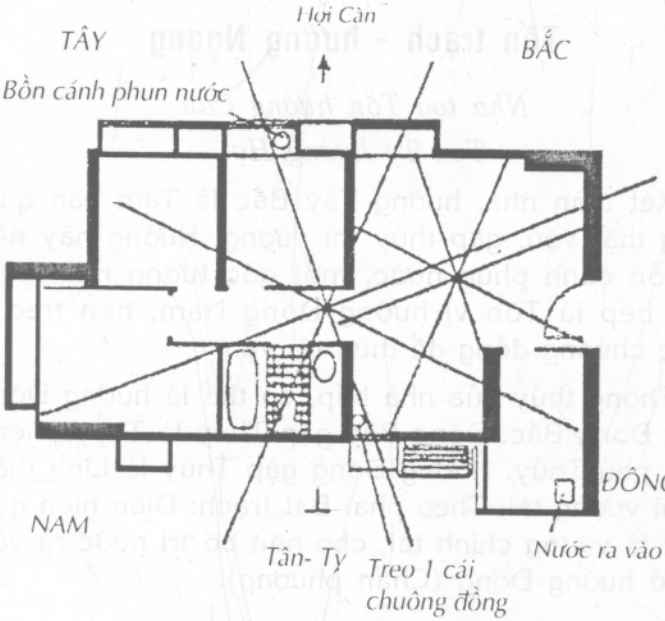
Bố cục 16

Tốn trạch - hướng Ngang

Nhà tọa Tốn hướng Càn
Tọa Tỵ hướng Hợi

Xét toàn nhà, hướng Tây Bắc là Tam ban quái trong thất vận, gặp thủy thì vượng. Hướng này nên có bồn cảnh phun nước, một góc tường nhà khác giáp bếp là Tốn vị hướng Đông Nam, nên treo 1 chiếc chuông đồng để thúc tài vận.

Phóng thủy của nhà bếp, có thể là hướng Đông hoặc Đông Bắc. Đông Bắc gặp Thủy là Tuyệt mệnh bệnh phù Thủy. Hướng Đông gặp Thủy là Linh thần vị, thì vượng tài. Theo phái Bát trạch: Diên niên gặp Thủy là vượng chính tài, cho nên bố trí nước ra vào nên ở hướng Đông (Chấn phương).



Bố cục hướng Ngang
Nhà tọa Tốn hướng Càn
Tọa Tỵ hướng Hợi

TÂY **Đoài**		**Càn (Hợi)**	**BắC** **Khảm**
	Lục sát 81 Cửu	Họa hại 79 Bát	Sinh khí 24 Ngũ
Khôn	Ngũ quỷ 35 Tứ	68 Thất	Tuyệt mệnh 92 Nhất **Cấn**
	Thiên Y 13 Nhị	Phục vị 57 Lục	Diên niên 46 Ngũ
Ly **NAM**		**Tốn (Tỵ)**	**Chấn** **ĐÔNG**

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Tốn hướng Càn
Tọa Tỵ hướng Hợi

LY TRẠCH - TỌA NAM HƯỚNG BẮC

Nhà tọa Bính hướng Nhâm
Tọa Ngọ hướng Tí
Tọa Đinh hướng Quý

Bố cục 17

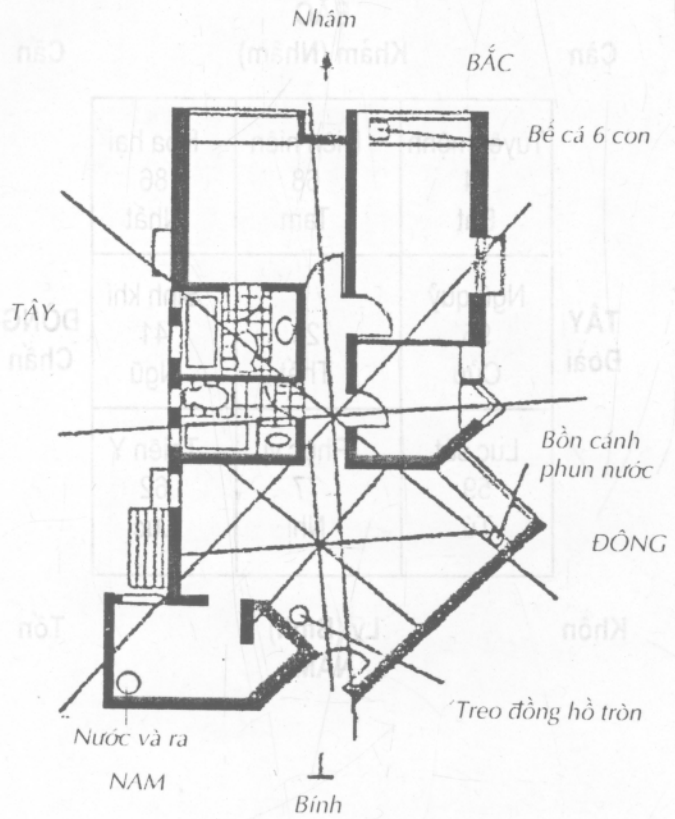
Ly trạch - Hướng Dọc (nhà ống)

Tọa Bính hướng Nhâm

Trong buồng ngủ ở phía Bắc toàn nhà (Đại thái cực) nên nuôi 6 con cá ở ban công, đó là vị trí đại cát, lực vượng tài rất mạnh. Theo phái Huyền không đại quái khi trổ cửa hướng Nam, thì hướng Bắc gặp Thủy là Thủy vượng chính tài. Trong Phi tinh, Lục bạch và Bát trạch gặp Thủy cũng vượng tài. Theo phái Bát trạch Diên niên tinh gặp Thủy cũng vượng tài. Như vậy cả 3 phái phong thủy đều thống nhất, thật là hiếm có.

Nước ra vào nhà bếp bố trí ở hướng Nam. Nam là Phục vị và Thất xích vượng tinh.

Phía Nam của Đại thái cực và Tiểu thái cực nên treo đồng hồ vàng hình tròn. Hướng Đông của Đại thái cực và Tiểu thái cực đều nằm trong phòng khách, mà hướng Đông gặp Thủy là chính Thủy, hướng này nên có bồn cảnh phun nước.



Bố cục hướng Ngang
Nhà tọa Bính hướng Nhâm

BẮC

Càn — Khảm (Nhâm) — Cấn

Tuyệt mệnh 14 Bát	Diên niên 68 Tam	Họa hại 86 Nhất
Ngũ quỷ 95 Cửu	23 Thất	Sinh khí 41 Ngũ
Lục sát 59 Tứ	Phục vị 77 Nhị	Thiên Y 62 Lục

TÂY Đoài — ĐÔNG Chấn

Khôn — Ly (Bính) — Tốn

NAM

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Bính hướng Nhâm

Bố cục 18

Ly trạch - hướng Ngang

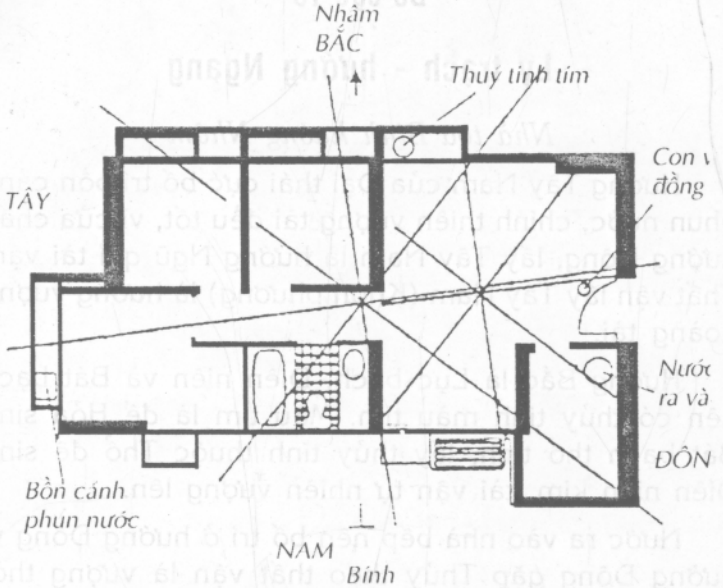
Nhà tọa Bính hướng Nhâm

Hướng Tây Nam của Đại thái cực bố trí bồn cảnh phun nước, chính thiên vượng tài đều tốt, vì cửa chấn hướng Đông, lấy Tây Nam là hướng Ngũ quỉ tài vận. Thất vận lấy Tây Nam (Khôn phương) là hướng vượng hoàng tài.

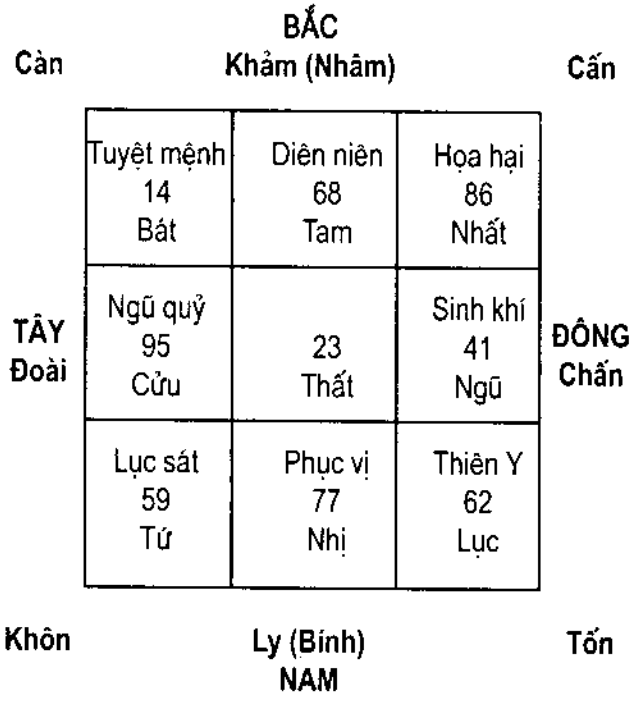
Hướng Bắc là Lục bạch, Diên niên và Bát bạch nên có thủy tinh màu tím. Màu tím là để Hỏa sinh Bát bạch thổ tinh, lấy thủy tinh thuộc Thổ để sinh Diên niên kim, tài vận tự nhiên vượng lên.

Nước ra vào nhà bếp nên bố trí ở hướng Đông vì hướng Đông gặp Thủy theo thất vận là vượng thời Thủy.

Hướng Đông của Đại thái cực và Tiểu thái cực bố trí con vật bằng đồng, vì kim có thể sinh Nhất bạch thủy. Nhất bạch thủy có thể sinh ra Sinh khí mộc tinh. Con vật bằng đồng là để thúc đẩy tài vận.



Bố cục hướng Ngang
nhà tọa Bính hướng Nhâm



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Bính hướng Nhâm

Bố cục 19

Ly trạch - hướng Dọc (nhà ống)

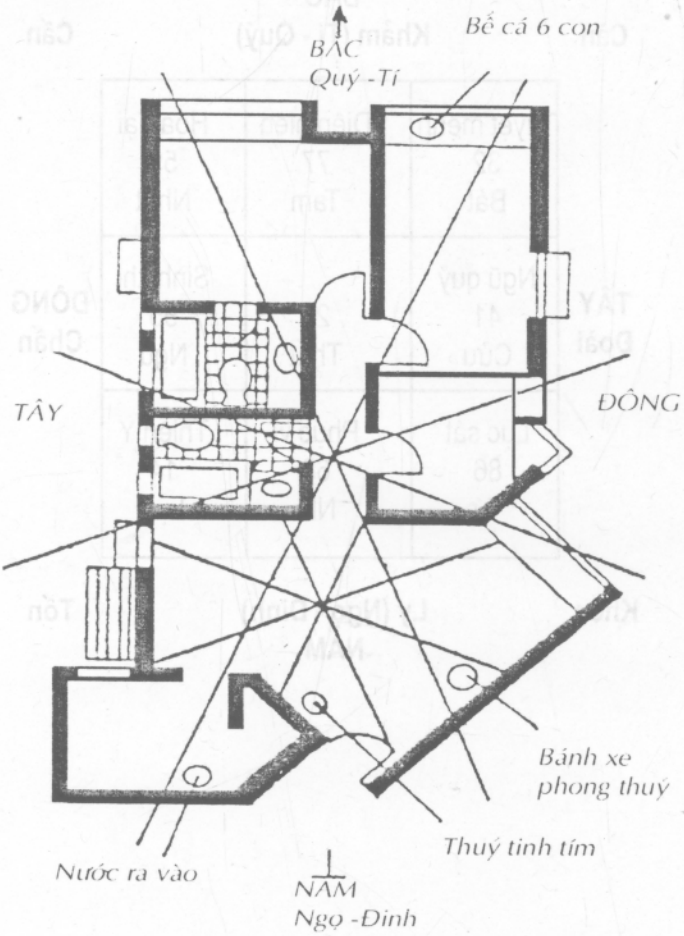
Nhà tọa Ngọ hướng Tý
Tọa Đinh hướng Quí

Hướng Tây và Tây bắc nhà vệ sinh là chủ phá tài. Hướng Tây gặp Thủy theo thất vận là Thất vận thủy, lại là Ngũ quỉ thủy, còn Tây Bắc thủy là Tuyệt mệnh thủy.

Nhà này thuộc bố cục phá tài, để xử lí hướng Bắc Đại thái cực (toàn nhà) hãy nuôi 6 con cá màu đen là Diên niên thủy sẽ được vượng tài.

Nước ra vào bếp đặt ở hướng Nam, hướng Nam là Phục vị và Thái bạch, Bát bạch cát tinh gặp Thủy thì vượng.

Hướng Đông Nam Đại thái cực và Tiểu thái cực nên có bánh xe phong thủy để thúc tài vận. Ngoài ra, ở hướng Nam nên có đồ thủy tinh màu tím để thúc tài, hướng Nam là sao Tài tinh.



Bố cục hướng Dọc
Nhà tọa Ngọ hướng Tí
Tọa Đinh hướng Quý

BẮC

Càn **Khảm (Tí - Quý)** **Cấn**

Tuyệt mệnh 32 Bát	Diên niên 77 Tam	Họa hại 59 Nhất
Ngũ quỷ 41 Cửu	23 Thất	Sinh khí 95 Ngũ
Lục sát 86 Tứ	Phục vị 68 Nhị	Thiên Y 14 Lục

TÂY Đoài **ĐÔNG Chấn**

Khôn **Ly (Ngọ - Đinh)** **Tốn**

NAM

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Ngọ hướng Tí
Tọa Đinh hướng Quý

Bố cục 20

Ly trạch - hướng Ngang

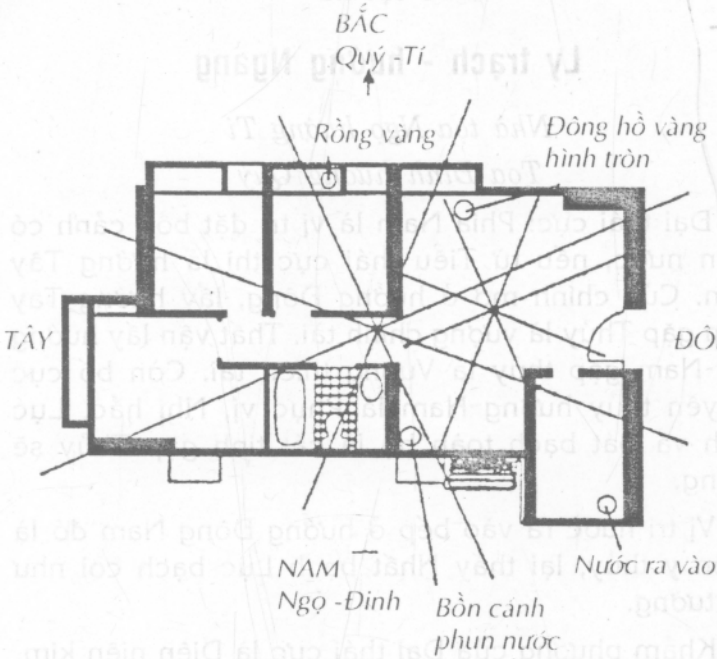
Nhà tọa Ngọ hướng Tí
Tọa Đinh hướng Quý

Đại thái cực: Phía Nam là vị trí đặt bồn cảnh có phun nước, nếu từ Tiểu thái cực thì là hướng Tây Nam. Cửa chính mở ở hướng Đông, lấy hướng Tây Nam gặp Thủy là vượng chính tài. Thất vận lấy hướng Tây Nam gặp thủy là Vượng thiên tài. Còn bố cục nguyên thủy hướng Nam là Phục vị, Nhị hắc, Lục bạch và Bát bạch toàn bộ là cát tinh gặp Thủy sẽ vượng.

Vị trí nước ra vào bếp ở hướng Đông Nam đó là Thiên y thủy, lại thấy Nhất bạch Lục bạch coi như cát tường.

Khảm phương của Đại thái cực là Diên niên kim, đặt thêm con rồng vàng thì thượng cát. Ở hướng Bắc Kim long gặp Thủy thì lực vượng tài tăng lên.

Hướng Bắc Tiểu thái cực nên treo 1 chiếc đồng hồ tròn màu vàng kim (nếu có quả lắc thì càng tốt).



Bố cục hướng Ngang
Nhà tọa Ngọ hướng Tí
Tọa Đinh hướng Quý

BẮC

Càn — Khảm (Tí - Quý) — Cấn

Tuyệt mệnh 32 Bát	Diên niên 77 Tam	Họa hại 59 Nhất
Ngũ quỷ 41 Cửu	23 Thất	Sinh khí 95 Ngũ
Lục sát 86 Tứ	Phục vị 68 Nhị	Thiên Y 14 Lục

TÂY Đoài — ĐÔNG Chấn

Khôn — Ly (Ngọ - Đinh) NAM — Tốn

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Ngọ hướng Tý
Tọa Đinh hướng Quý

KHÔN TRẠCH - TỌA TÂY NAM HƯỚNG ĐÔNG BẮC

Nhà tọa Mùi hướng Sửu
Toạ Khôn hướng Cấn
Tọa Thân hướng Dần

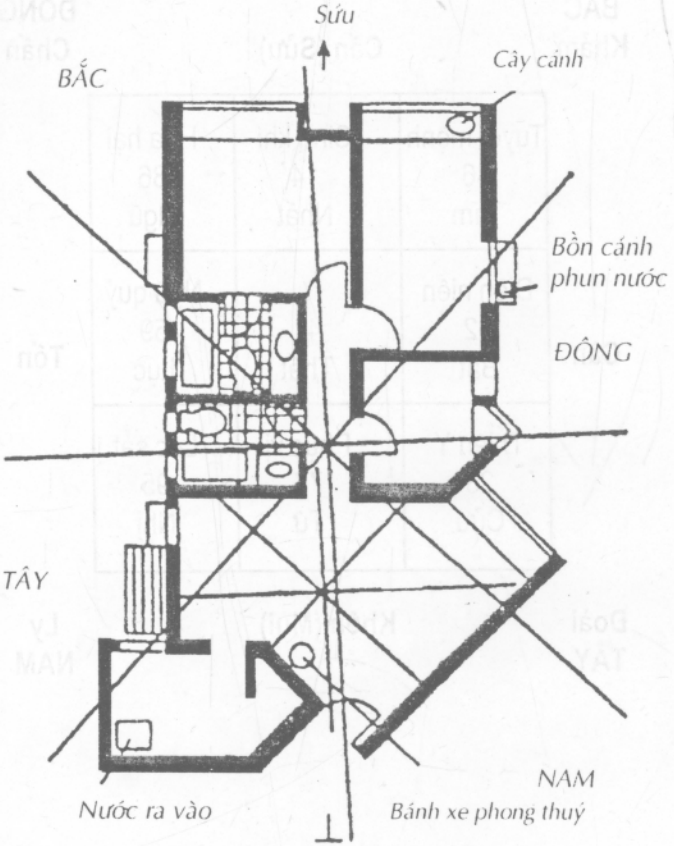
Bố cục 21

Khôn trạch - Hướng Dọc

Nhà tọa Mùi hướng Sửu

Trong Huyền không đại quái, thất vận lấy hướng Tây Nam gặp thủy là Thúc quan thủy, Vượng hoành tài. Hướng Tây Nam Đại thái cực và Tiểu thái cực đặt chiếc xe nước, thúc đẩy hoành tài.

Nước ra vào bếp cũng nên bố trí ở hướng Tây Nam, cũng theo lý thuyết trên hướng Đông Bắc Đại thái cực (toàn nhà) là sinh khí cát tinh lại có nhất bạch cát tinh, hướng này vượng tài, chuyển biến tốt. Hướng Đông gặp thủy là Đương vận thủy, do vậy nên đặt bồn cảnh có phun nước. Hướng Đông Họa hại thổ, thổ sinh Lục bạch cát tinh, Bát bạch cũng là cát tinh. Ngũ hoàng gặp Ngũ quỉ thì đông Thủy là Đương vận Thủy, hợp với Ngũ quỉ tài vận.



Bố cục hướng Dọc
Nhà tọa Mùi hướng Sửu

BẮC
Khảm

Cấn (Sửu)

ĐÔNG
Chấn

Tuyệt mệnh 86 Tam	Sinh khí 14 Nhất	Họa hại 86 Ngũ
Diên niên 32 Bát	41 Thất	Ngũ quỷ 59 Lục
Thiên Y 23 Cửu	Phục vị 77 Tứ	Lục sát 95 Nhị

Càn

Tốn

Đoài
TÂY

Khôn (Mùi)

Ly
NAM

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
nhà tọa Mùi hướng Sửu

Bố cục 22

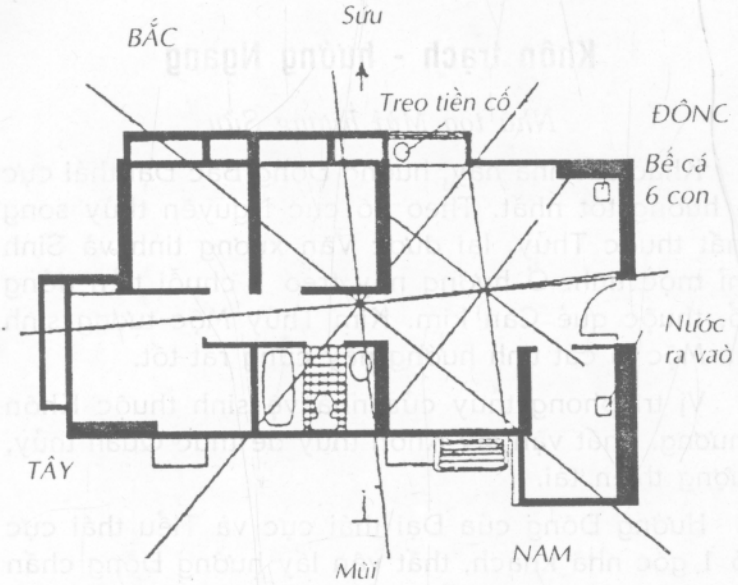
Khôn trạch - hướng Ngang

Nhà tọa Mùi hướng Sửu

Khảo sát nhà này, hướng Đông Bắc Đại thái cực là hướng tốt nhất. Theo bố cục Nguyên thủy song nhất thuộc Thủy, lại được Văn xương tinh và Sinh khí mộc tinh. Ở hướng này treo 1 chuỗi tiền đồng cổ, thuộc quẻ Cản kim. Kim Thủy Mộc tương sinh mà Mộc là cát tinh hướng này cũng rất tốt.

Vị trí phong thủy của nhà vệ sinh thuộc Khôn phương. Thất vận lấy Khôn thủy để thúc Quan thủy, vượng thiên tài.

Hướng Đông của Đại thái cực và Tiểu thái cực có 1 góc nhà khách, thất vận lấy hướng Đông chấn gặp thủy là vượng thủy, đại vượng chính tài nên có bể nuôi 6 con cá. Các năm làm ăn tốt nhất, vượng nhất là năm Hợi, Mão, Sửu.



Bố cục hướng Ngang
nhà tọa Mùi hướng Sửu

BẮC
Khảm

Cấn (Sửu)

ĐÔNG
Chấn

Tuyệt mệnh 86 Tam	Sinh khí 14 Nhất	Họa hại 68 Ngũ
Diên niên 32 Bát	41 Thất	Ngũ quỷ 59 Lục
Thiên Y 23 Cửu	Phục vị 77 Tứ	Lục sát 95 Nhị

Càn

Tốn

Đoài
TÂY

Khôn (Mùi)

Ly
NAM

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
nhà tọa Mùi hướng Sửu

Bố cục 23

Khôn trạch -hướng dọc

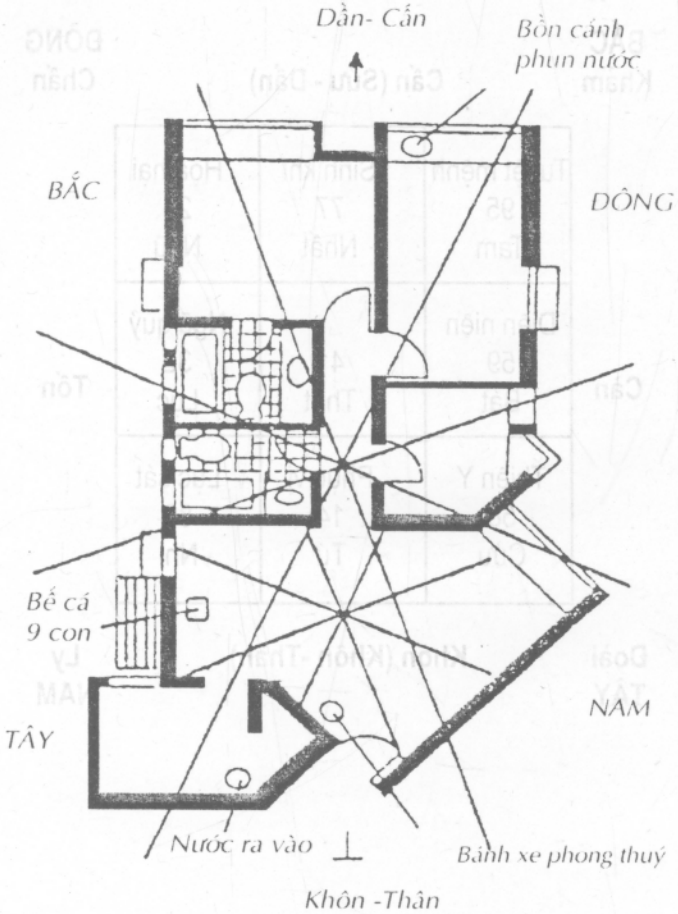
Nhà tọa Khôn hướng Cấn
Tọa Thân hướng Dần

Đại thái cực (toàn nhà) hướng Đông Bắc tốt nhất, có sao Sinh khí và Song thất Vượng tinh. Hướng này nên đặt bồn cảnh phun nước sẽ vượng tài.

Phóng thủy cho nhà vệ sinh hướng Khôn, hướng khôn theo thất vận là Thúc quan thủy, cũng vượng, nhưng có của cải nhưng khó bền tụ (vào tay này lại ra tay kia) vì Thủy nhiều Mộc phù lưu. Phục vị không ổn định.

Hướng Tây Nam Đại thái cực và Tiểu thái cực nên có bánh xe nước, thúc đẩy tài vận.

Hướng Tây Đại thái cực, hướng Tây Bắc Tiểu thái cực (phòng khách) nuôi 9 cá vàng bát bạch, cửu tử là cát tinh và Diên niên, Thiên y cũng là cát tinh, chỉ có 1 sao hung tinh là Ngũ hoàng, Ngũ hoàng là Ngũ quỉ lấy cát, do được cát tinh dùng hóa thành bố cục "Hóa sát vi quyền" tài vận đặc biệt tốt.



Bố cục hướng Dọc
Nhà tọa Khôn hướng Cấn
Tọa Thân hướng Dần

BẮC
Khảm

Cấn (Sửu - Dần)

ĐÔNG
Chấn

Tuyệt mệnh 95 Tam	Sinh khí 77 Nhất	Họa hại 23 Ngũ
Diên niên 59 Bát	41 Thất	Ngũ quỷ 32 Lục
Thiên Y 58 Cửu	Phục vị 14 Tứ	Lục sát 86 Nhị

Càn

Tốn

Đoài
TÂY

Khôn (Khôn -Thân)

Ly
NAM

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Khôn hướng Cấn
Tọa Thân hướng Dần

Bố cục 24

Khôn trạch - hướng Ngang

Nhà tọa Khôn hướng Cấn

Tọa Thân hướng Dần

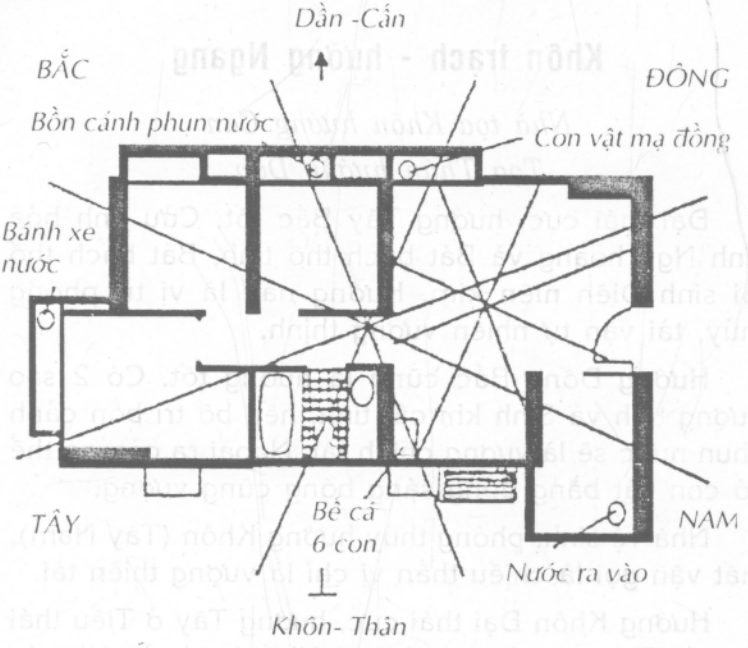
Đại thái cực, hướng Tây Bắc tốt, Cửu tinh hỏa sinh Ngũ hoàng và Bát bạch thổ tinh, Bát bạch thổ lại sinh Diên niên kim. Hướng này là vị trí phóng thủy, tài vận tự nhiên vượng thịnh.

Hướng Đông Bắc cũng là hướng tốt. Có 2 sao Vượng tinh và Sinh khí cát tinh, nếu bố trí bồn cảnh phun nước sẽ là vượng chính tài. Ngoài ra còn có thể có con vật bằng đồng sáng bóng cũng vượng.

Nhà vệ sinh, phóng thủy hướng Khôn (Tây Nam), thất vận gọi là chiếu thần vị chỉ là vượng thiên tài.

Hướng Khôn Đại thái cực, hướng Tây ở Tiểu thái cực có Thiên y cát tinh, lại có Nhất bạch, Lục bạch, Bát bạch là 3 sao cát tinh, hướng này nuôi 6 con cá thúc đẩy vượng hoành tài.

Nước ra vào nhà bếp ở hướng Nam thì hợp hơn hướng Đông Nam.



Bố cục hướng Ngang
Nhà tọa Khôn hướng Cấn
Tọa Thân hướng Dần

BẮC
Khảm

Cấn (Cấn -Dần)

ĐÔNG
Chấn

Tuyệt mệnh 95 Tam	Sinh khí 77 Nhất	Họa hại 23 Ngũ
Diên niên 59 Bát	41 Thất	Ngũ quỷ 32 Lục
Thiên Y 68 Cửu	Phục vị 14 Tứ	Lục sát 86 Nhị

Càn

Tốn

Đoài
TÂY

Khôn (Khôn - Thân)

Ly
NAM

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
nhà tọa Khôn hướng Cấn
Tọa Thân hướng Dần

ĐOÀI TRẠCH - TỌA TÂY, HƯỚNG ĐÔNG

Toạ Canh hướng Giáp
Tọa Dậu hướng Mão
Toạ Tân hướng Ất

Bố cục 25

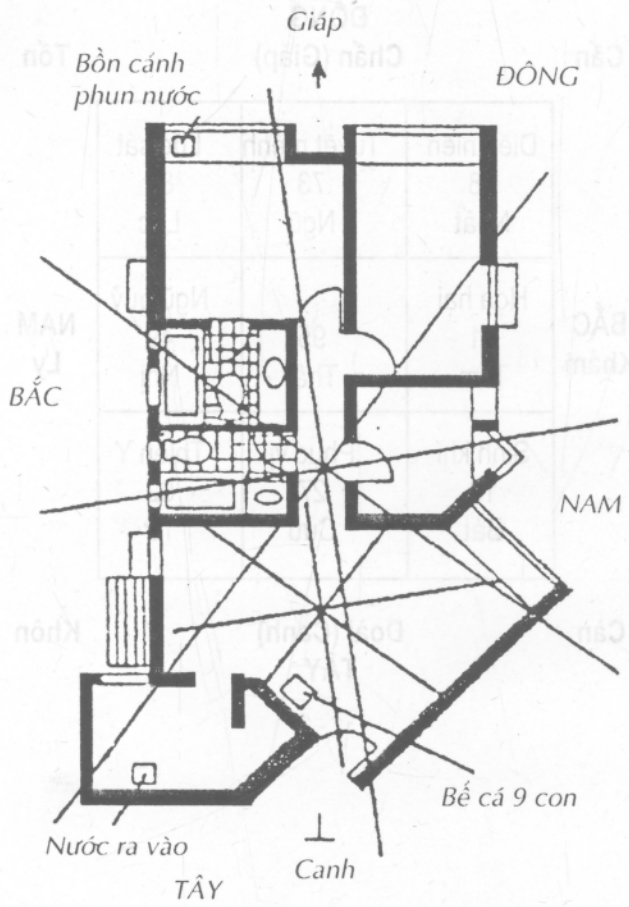
Đoài trạch - hướng Dọc

Tọa Canh hướng Giáp

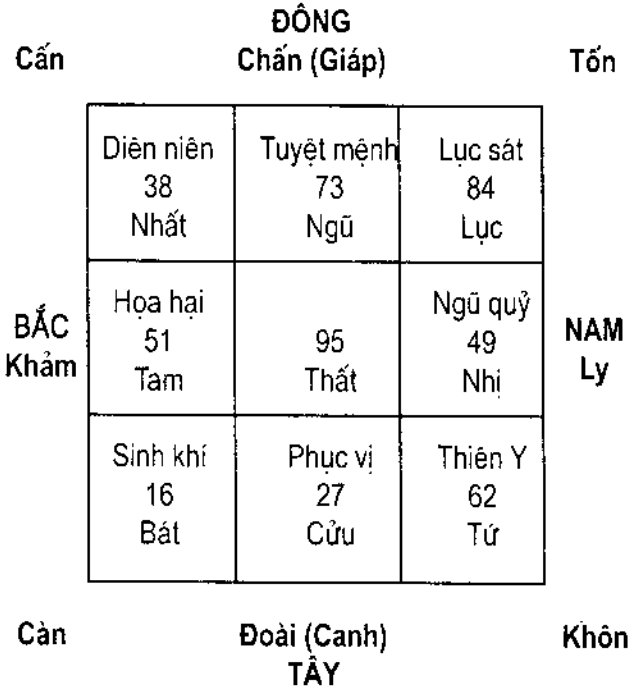
Hướng Đông Bắc Đại thái cực (toàn nhà) có Nhất bạch tinh, Diên niên tinh, Bát bạch tinh, đều là sao cát tinh. Theo sách cổ: "Thổ chế Thủy sau đó sinh Kim thì làm ăn phát đạt giàu có". Ở hướng này đặt bồn cảnh phun nước, tài vận vượng mà lại tích tụ được.

Nước ra vào nhà bếp hướng Tây. Theo thất vận thì không được thấy nước ở hướng Tây nếu không sẽ bị phá tài, cũng may mà có sao Phục vị cát tinh. Thất vận là Thủy do Kim sinh ra, Thủy lại sinh phục phó Thủy, cát tinh lại hiện ra thuộc vào thế tài vượng.

Hướng Tây của Đại thái cực và Tiểu thái cực nên có bể cá 9 con màu vàng để thúc đẩy tài vận.



Bố cục hướng Dọc.
Nhà tọa Canh hướng Giáp



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Canh hướng Giáp

Bố cục 26

Đoài trạch - hướng Ngang

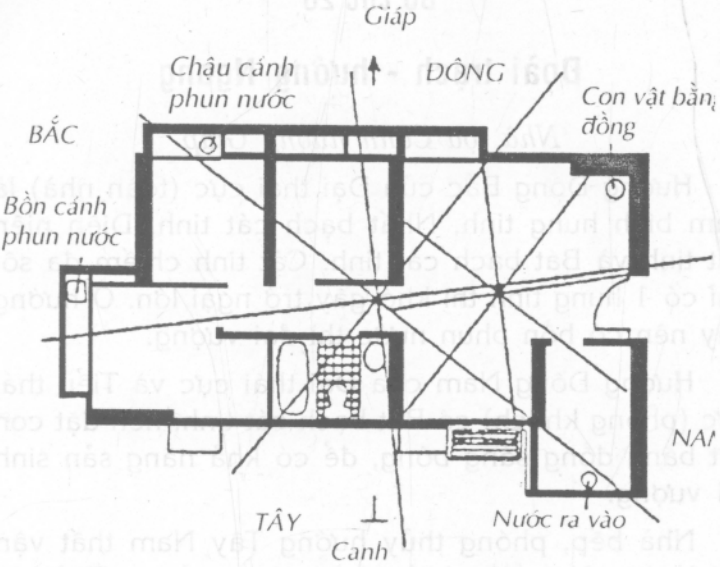
Nhà tọa Canh hướng Giáp

Hướng Đông Bắc của Đại thái cực (toàn nhà) là Tam bích hung tinh, Nhất bạch cát tinh, Diên niên cát tinh và Bát bạch cát tinh. Cát tinh chiếm đa số, chỉ có 1 hung tinh thì khó gây trở ngại lớn. Ở hướng này nên có bồn phun nước thì đại vượng.

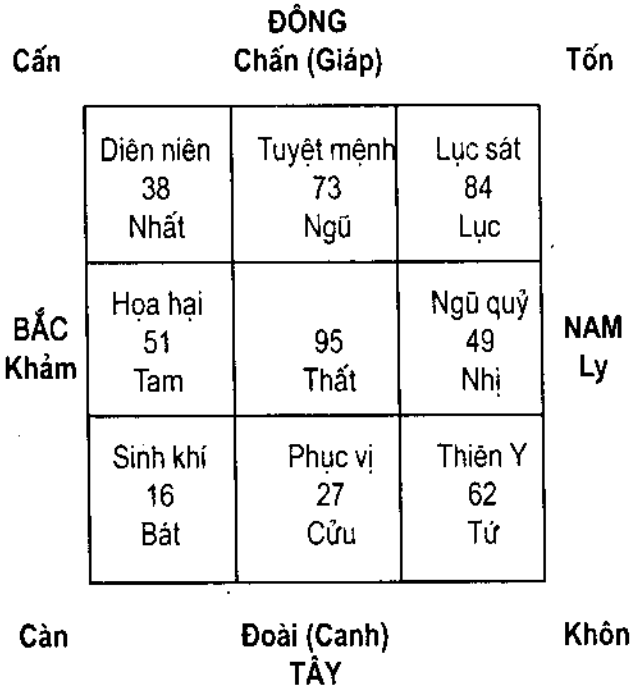
Hướng Đông Nam của Đại thái cực và Tiểu thái cực (phòng khách) có Bát bạch cát tinh, nên đặt con vật bằng đồng sáng bóng, để có khả năng sản sinh tài vượng.

Nhà bếp, phóng thủy hướng Tây Nam thất vận coi hướng Nam là chiếu thần phương gặp Thủy là thúc quan Thủy, lợi cho hoành tài.

Theo *Huyền không đại quái* nhà trổ cửa hướng Nam, hướng Bắc gặp Thủy vượng chính tài. Hướng này nên có bồn cảnh phun nước.



Bố cục hướng Ngang (Đoài trạch)
Nhà tọa Canh hướng Giáp



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Canh hướng Giáp

Bố cục 27

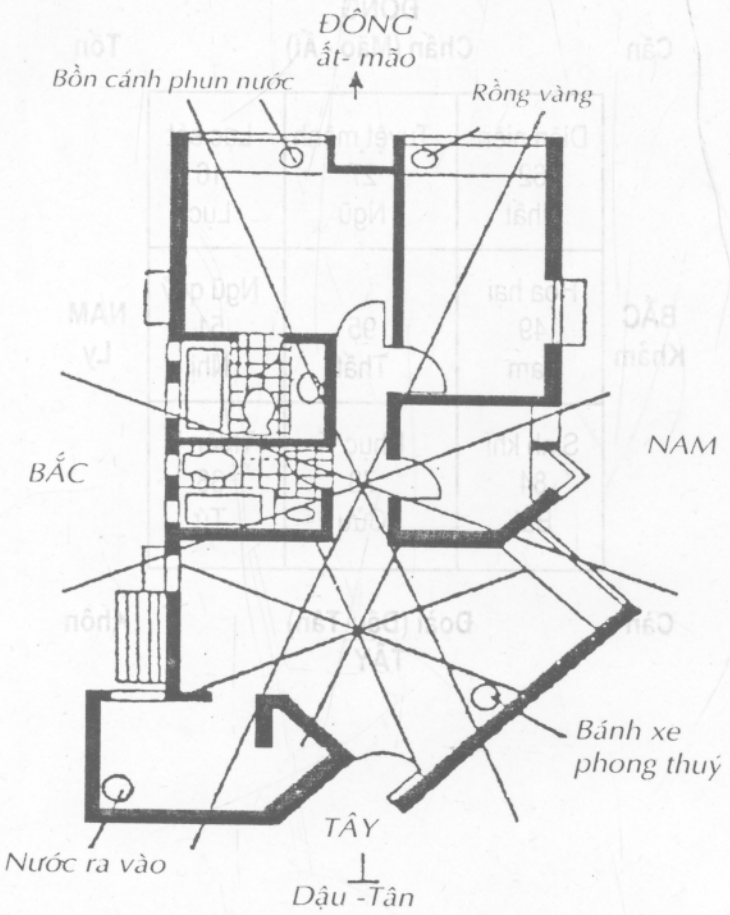
Đoài trạch - hướng dọc

Nhà tọa Dậu hướng Mão
Tọa Tân hướng Ất

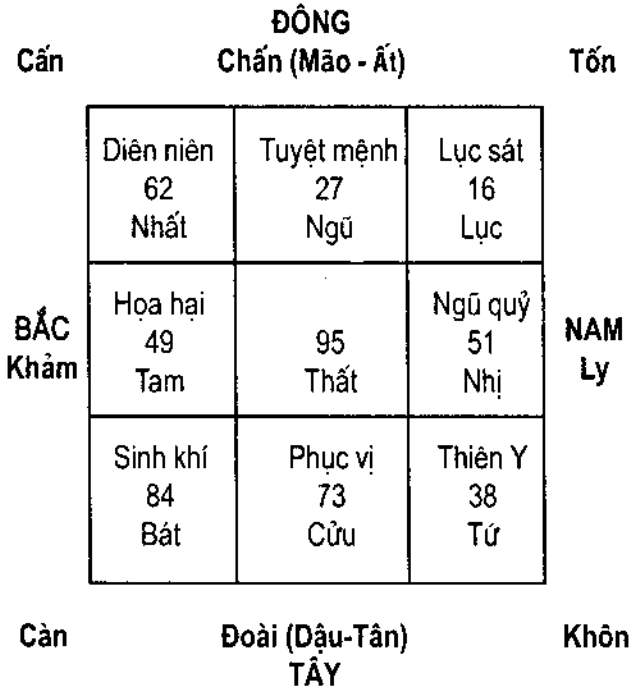
Đại thái cực ở hướng Đông và ban công hai bên phòng ngủ chủ nhân có bồn cảnh phun nước thì đại vượng. Vì hướng Đông của nhà trổ cửa hướng Tây sẽ gặp Thủy, hợp với *Huyền không đại quái*. Đại vượng chính tài còn 1 bậu cửa sổ khác thì có 1 con rồng vàng, vì hướng Đông là vị trí Thanh long

Nước ra vào nhà bếp hướng Tây Bắc, là phương sao sinh khí cát tinh, cũng có khả năng thúc đẩy tài vận.

Hướng Tây Nam của Đại thái cực (toàn nhà) và Tiểu thái cực (phòng khách) có bức tường sát với cửa đi là phương sao Thiên y, nhưng theo *Huyền không đại quái* nhà mở cửa Tây gặp Thủy là vượng chính tài. Còn thất vận lấy hướng Tây Nam là Thúc quan thủy, vượng hoành tài, do vậy ở hướng này nên có bánh xe nước, nhờ đó phong thủy tài vượng đã tăng lại càng tăng hơn



Bố cục hướng Dọc
Nhà tọa Dậu hướng Mão
Tọa Tân hướng Ất



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Dậu hướng Mão
Tọa Tân hướng Ất

Bố cục 28

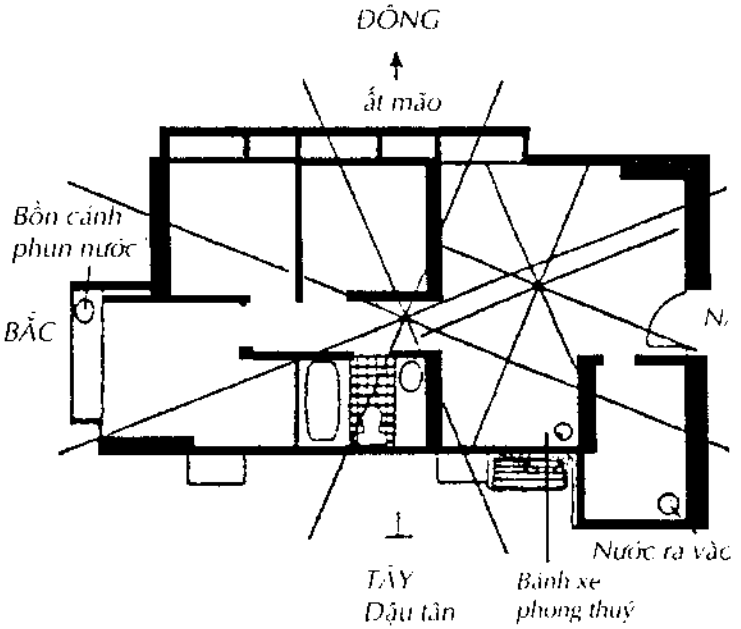
Đoài trạch - hướng Ngang

Nhà tọa Dậu hướng Mão
Tọa Tân hướng Ất

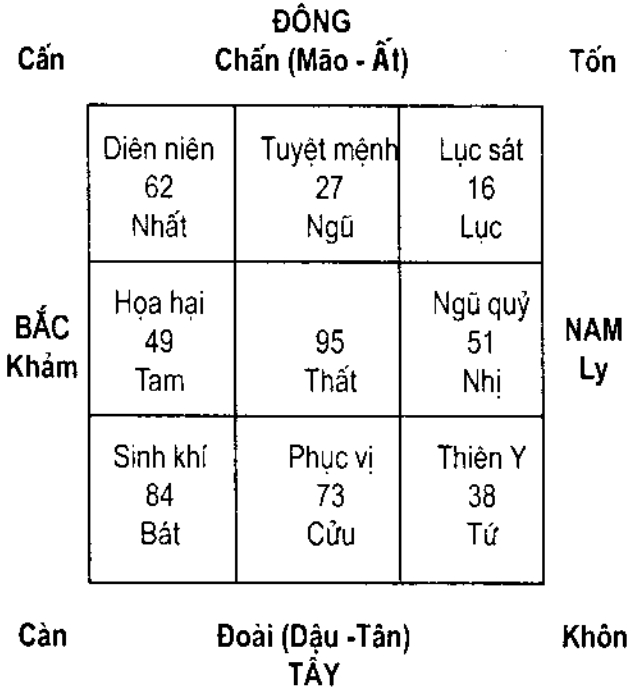
Đại thái cực (toàn nhà) trổ cửa hướng Nam. Theo *Huyền không đại quái* mở cửa Nam để hướng Bắc gặp Thủy thì đại cát. Theo sách cổ: "Khảm ly thủy hỏa trung thiên qua, long trì dịch đế tọa" sẽ thu được vô vàn khí đất, đại vương chính tài.

Nước ra vào nhà bếp nên ở hướng Tây Nam, một là hướng này gặp Thủy là Thúc quan thủy, vượng thiên tài. Hai là, hướng Tây Nam là Bát bạch cát tinh và Thiên y tinh, vượng chính tài.

Hướng Tây Nam Đại thái cực, là góc tường phòng khách gần nhà bếp, nên có bánh xe nước cũng là thúc đẩy vượng tài vận.



Bố cục hướng Ngang
Nhà tọa Dậu hướng Mão
Tọa Tân hướng Ất



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Dậu hướng Mão
Tọa Tân hướng Ất

CÀN TRẠCH - TỌA TÂY BẮC, HƯỚNG ĐÔNG NAM

Tọa Tuất hướng Thìn
Tọa Càn hướng Tốn
Tọa Hợi hướng Tỵ

Bố cục 29

Càn trạch - Hướng Dọc

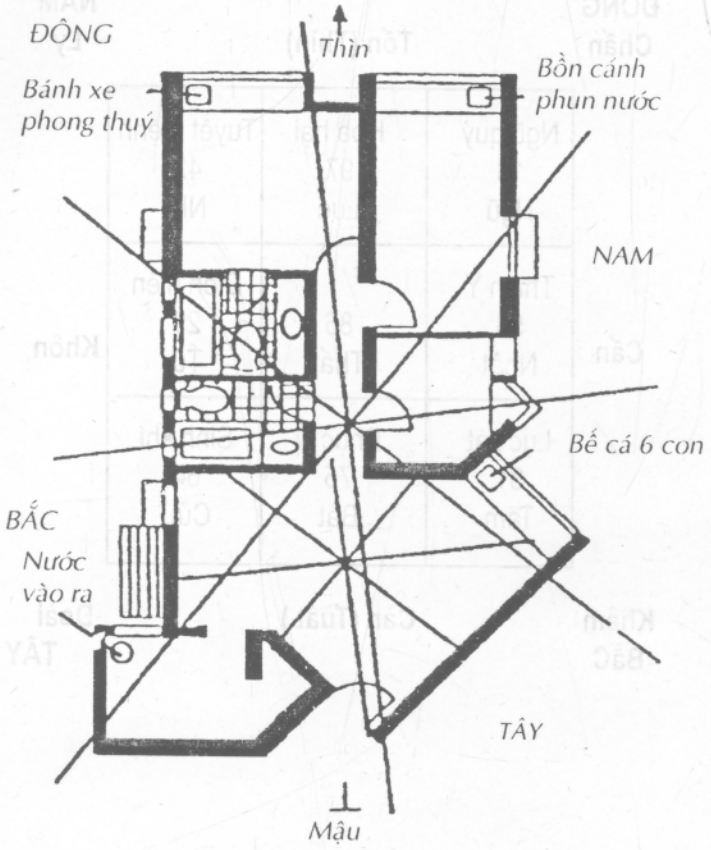
Tọa Tuất hướng Thìn

Hướng Đông Đại thái cực (toàn nhà) là linh thần vị gặp Thủy là Vượng chính tài, nhà này hướng Đông là Ngũ quỉ, Nhất bạch và Bát bạch, cát tinh nhiều hơn hung tinh phóng thủy là "Ngũ quỉ vận tài thủy" chính thiên tài đều vượng. Cho nên bậu cửa hay ban công hướng này nên có bánh xe nước.

Ban công của 1 gian khách là hướng Đông Nam. Theo lý luận Bảo không đại quái thì mở cửa Tây Bắc dùng hướng Đông Nam để gặp Thủy, là chính thủy, đại vượng chính tài, cho nên hướng này nên có bồn cảnh phun nước là vượng tài thủy.

Hướng Tây Nam Đại thái cực, thất vận gọi là Thúc quan vị, gặp Thủy vượng hoành tài, nguyên là Diên niên tinh coi như vượng.

Nước ra vào bếp, đặt ở hướng Tây thì tốt hơn hướng Tây Bắc.



Bố cục hướng Dọc
Nhà tọa Tuất hướng Thìn

ĐÔNG Chấn	Tốn (Thìn)	NAM Ly

	Ngũ quỷ 18 Ngũ	Họa hại 97 Lục	Tuyệt mệnh 42 Nhị
Cấn	Thiên Y 53 Nhất	86 Thất	Diên niên 29 Tứ
	Lục sát 31 Tam	Phục vị 75 Bát	Sinh khí 64 Cửu

Khảm BắC	Càn (Tuất)	Đoài TÂY

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Tuất hướng Thìn

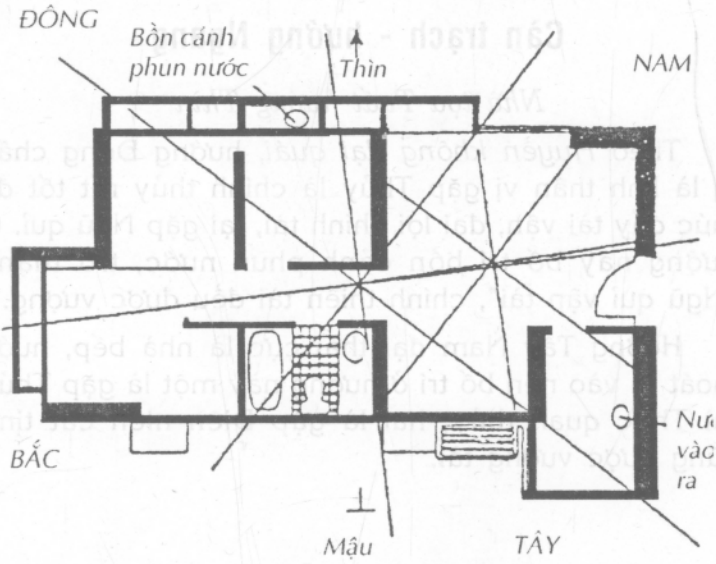
Bố cục 30

Càn trạch - hướng Ngang

Nhà tọa Tuất hướng Thìn

Theo *Huyền không đại quái*, hướng Đông chấn vị là linh thần vị gặp Thủy là chính thủy rất tốt để thúc đẩy tài vận, đại lợi chính tài, lại gặp Ngũ quỉ. Ở hướng này bố trí bồn cảnh phun nước, trở thành "Ngũ quỉ vận tài", chính thiên tài đều được vượng.

Hướng Tây Nam đại thái cực là nhà bếp, nước thoát ra vào nên bố trí ở hướng này một là gặp Thủy thì Thúc quan thủy; hai là gặp Diên niên cát tinh cũng được vượng tài.



Bố cục hướng Ngang
Nhà tọa Tuất hướng Thìn

ĐÔNG Chấn	Tốn (Thìn)	NAM Ly

	Ngũ quỷ 18 Ngũ	Họa hại 97 Lục	Tuyệt mệnh 42 Nhị
Cấn	Thiên Y 53 Nhất	86 Thất	Diên niên 29 Tứ
	Lục sát 31 Tam	Phục vị 75 Bát	Sinh khí 64 Cửu

Khảm BắC	Càn (Tuất)	Đoài TÂY

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Tuất hướng Thìn

Bố cục 31

Càn trạch - hướng Dọc

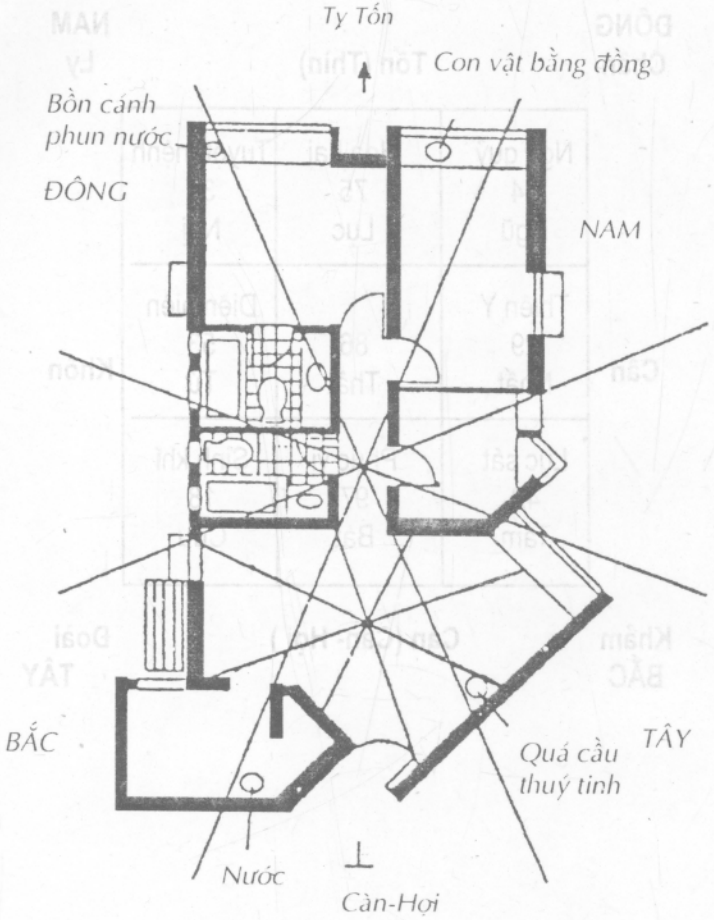
Nhà tọa Càn hướng Tốn
Tọa Hợi hướng Tỵ

Hướng Tây Bắc của Đại thái cực, theo thất vận hợp với 3 quẻ, có Phục vị cát tinh. Nước ra vào bếp ở hướng này thì vượng.

Bậu cửa hướng Nam, đặt 1 con vật bằng đồng. Một là hóa giải nhiệt khí của hung tinh họa hại; Hai là để tăng khí cho vượng tinh thất xích, thúc đẩy tài vận.

Một góc phòng ngủ chủ nhân ở hướng Đông, theo thất vận gặp Thủy là Vượng chính thủy, chỉ tiếc là cát tinh hướng Đông không mạnh lắm, mà sát khí của Ngũ quỉ tăng, rất may hướng Đông của nhà hợp với Thành môn quyết, theo sách cổ "Thành môn nhất không thì tốt nhất mọi việc đều rất tốt", không bị suy mà được vượng. Ngũ quỉ được hoá giải, đó là quyền biến hóa sát, trở thành bố cục Ngũ quỉ vận tài cục.

Hướng Tây là Sinh khí và Nhất bạch bát bạch, Cửu tử. Đặt thêm một quả cầu thủy tinh để tăng sức mạnh cho cát tinh tăng tài vượng.



Bố cục hướng Dọc
Nhà tọa Càn hướng Tốn
Tọa Hợi hướng Tỵ

ĐÔNG Chấn		Tốn (Thìn)	NAM Ly
Cấn	Ngũ quỷ 64 Ngũ	Họa hại 75 Lục	Tuyệt mệnh 31 Nhị
	Thiên Y 29 Nhất	86 Thất	Diên niên 53 Tứ
	Lục sát 42 Tam	Phục vị 97 Bát	Sinh khí 18 Cửu
Khảm BẮC		Càn (Càn- Hợi)	Đoài TÂY

Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Càn hướng Tốn
Tọa Hợi hướng Tỵ

Bố cục 32

Càn trạch - hướng Ngang

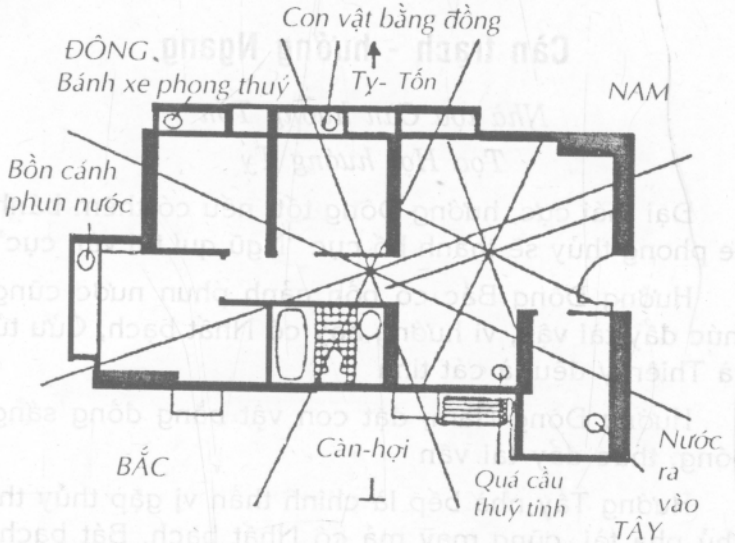
Nhà tọa Càn hướng Tốn
Tọa Hợi hướng Tỵ

Đại thái cực, hướng Đông tốt, nếu có thêm bánh xe phong thủy sẽ thành bố cục "Ngũ quỉ tài vận cục"

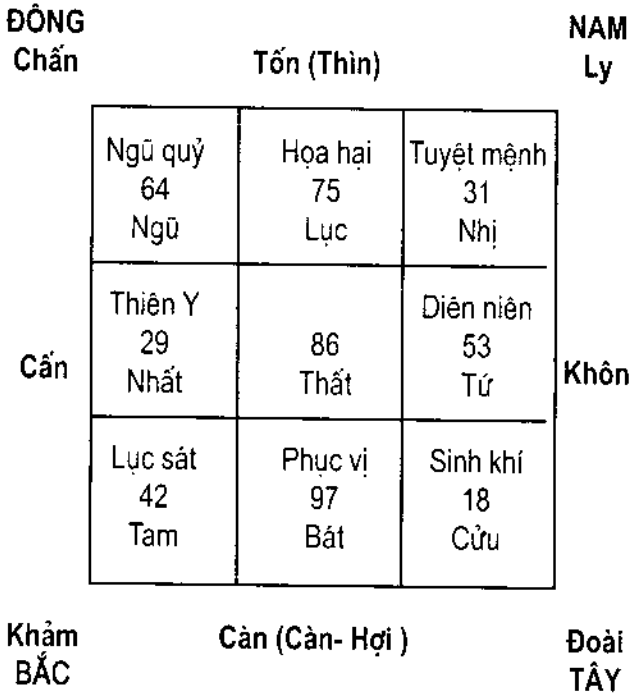
Hướng Đông Bắc có bồn cảnh phun nước cũng thúc đẩy tài vận, vì hướng này có Nhất bạch, Cửu tử và Thiên y đều là cát tinh

Hướng Đông Nam, đặt con vật bằng đồng sáng bóng, thúc đẩy tài vận

Hướng Tây nhà bếp là chính thần vị gặp thủy thì chủ phá tài, cũng may mà có Nhất bạch, Bát bạch, Cửu tử là sao cát tinh lại có Sinh khí cũng cát tinh thì tài khí lại trở nên vượng. Cho nên, với chính thần vị ta không thể tùy tiện bố trí nơi phóng thủy, phải chọn hướng nào có nhiều cát tinh hãy bố trí. Ngoài ra, ở hướng Tây toàn nhà và hướng Tây Bắc phòng khách là hướng sao cát tinh, nên đặt quả cầu thủy tinh để thúc đẩy tài vận.



Bố cục hướng Ngang
Nhà tọa Càn hướng Tốn
Tọa Hợi hướng Tỵ



Sơ đồ Bát trạch và Phi tinh
Nhà tọa Càn hướng Tốn
Tọa Hợi hướng Tỵ

Tài liệu tham khảo chính

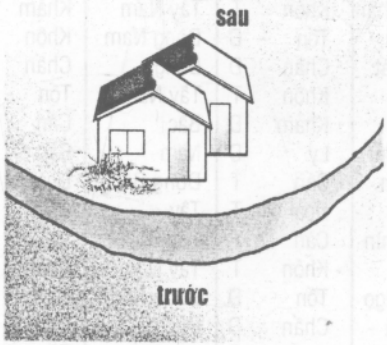
1. Phong thủy tài vượng- NXB KHKT Quảng Tây TQ -1999.

2. Bát trạch truyền thống - Hương Cảng xuất bản xã - TQ- 2000.

3. Lịch vạn niên thực dụng - VHTT - 2001.

PHỤ LỤC

BẢNG TRA CỨU



1. BẢNG MỆNH TRẠCH (NAM NỮ)

Năm Sinh	Tuổi Âm lịch	Mệnh Trạch Nam		Tọa	Mệnh Trạch Nữ		Tọa
1921	Tân Dậu	Đoài	T	Tây	Cấn	T	Đông Bắc
1922	Nhâm Tuất	Càn	T	Tây Bắc	Ly	Đ	Nam
1923	Quí Hợi	Khôn	T	Tây Nam	Khảm	Đ	Bắc
1924	Giáp Tý	Tốn	Đ	Đông Nam	Khôn	T	Tây Nam
1925	Ất Sửu	Chấn	Đ	Đông	Chấn	Đ	Đông
1926	Bính Dần	Khôn	T	Tây Nam	Tốn	Đ	Đông Nam
1927	Đinh Mão	Khảm	Đ	Bắc	Cấn	T	Đông Bắc
1928	Mậu Thìn	Ly	Đ	Nam	Càn	T	Tây Bắc
1929	Kỷ Tỵ	Cấn	T	Đông Bắc	Đoài	T	Tây
1930	Canh Ngọ	Đoài	T	Tây	Cấn	T	Đông Bắc
1931	Tân Mùi	Càn	T	Tây Bắc	Ly	Đ	Nam
1932	Nhâm Thân	Khôn	T	Tây Nam	Khảm	Đ	Bắc
1933	Quý Dậu	Tốn	Đ	Đông Nam	Khôn	T	Tây Nam
1934	Giáp Tuất	Chấn	Đ	Đông	Chấn	Đ	Đông
1935	Ất Hợi	Khôn	T	Tây Nam	Tốn	Đ	Đông Nam
1936	Bính Tý	Khảm	Đ	Bắc	Cấn	T	Đông Bắc
1937	Đinh Sửu	Ly	Đ	Nam	Càn	T	Tây Bắc
1938	Mậu Dần	Cấn	T	Đông Bắc	Đoài	T	Tây
1939	Kỷ Mão	Đoài	T	Tây	Cấn	T	Đông Bắc
1940	Canh Thìn	Càn	T	Tây Bắc	Ly	Đ	Nam
1941	Tân Tỵ	Khôn	T	Tây Nam	Khảm	Đ	Bắc
1942	Nhâm Ngọ	Tốn	Đ	Đông Nam	Khôn	T	Tây Nam
1943	Quý Mùi	Chấn	Đ	Đông	Chấn	Đ	Đông
1944	Giáp Thân	Khôn	T	Tây Nam	Tốn	Đ	Đông Nam
1945	Ất Dậu	Khảm	Đ	Bắc	Cấn	T	Đông Bắc
1946	Bính Tuất	Ly	Đ	Nam	Càn	T	Tây Bắc
1947	Đinh Hợi	Cấn	T	Đông Bắc	Đoài	T	Tây
1948	Mậu Tý	Đoài	T	Tây	Cấn	T	Đông Bắc
1949	Kỷ Sửu	Càn	T	Tây Bắc	Ly	Đ	Nam
1950	Canh Dần	Khôn	T	Tây Nam	Khảm	Đ	Bắc
1951	Tân Mão	Tốn	Đ	Đông Nam	Khôn	T	Tây Nam
1952	Nhâm Thìn	Chấn	Đ	Đông	Chấn	Đ	Đông
1953	Quý Tỵ	Khôn	T	Tây Nam	Tốn	Đ	Đông Nam
1954	Giáp Ngọ	Khảm	Đ	Bắc	Cấn	T	Đông Bắc
1955	Ất Mùi	Ly	Đ	Nam	Càn	T	Tây Nam

1956	Bính Tân	Cấn	T	Đông Bắc	Đoài	T	Tây
1957	Đinh Dậu	Đoài	T	Tây	Cấn	T	Đông Bắc
1958	Mậu Tuất	Càn	T	Tây Bắc	Ly	Đ	Nam
1959	Kỷ Hợi	Khôn	T	Tây Nam	Khảm	Đ	Bắc
1960	Canh Tí	Tốn	Đ	Đông Nam	Khôn	T	Tây Nam
1961	Tân Sửu	Chấn	Đ	Đông	Chấn	Đ	Đông
1962	Nhâm Dần	Khôn	T	Tây Nam	Tốn	Đ	Đông Nam
1963	Quý Mão	Khảm	Đ	Bắc	Cấn	T	Đông Bắc
1964	Giáp Thìn	Ly	Đ	Nam	Càn	T	Tây Bắc
1965	Ất Tỵ	Cấn	T	Đông Bắc	Đoài	T	Tây
1966	Bính Ngọ	Đoài	T	Tây	Cấn	T	Đông Bắc
1967	Đinh Mùi	Càn	T	Tây Bắc	Ly	Đ	Nam
1968	Mậu Thân	Khôn	T	Tây Nam	Khảm	Đ	Bắc
1969	Kỷ Dậu	Tốn	Đ	Đông Nam	Khôn	T	Tây Nam
1970	Canh Tuất	Chấn	Đ	Đông	Chấn	Đ	Đông
1971	Tân Hợi	Khôn	T	Tây Nam	Tốn	Đ	Đông Nam
1972	Nhâm Tí	Khảm	Đ	Bắc	Cấn	T	Đông Bắc
1973	Quý Sửu	Ly	Đ	Nam	Càn	T	Tây Bắc
1974	Giáp Dần	Cấn	T	Đông Bắc	Đoài	T	Tây Bắc
1975	Ất Mão	Đoài	T	Tây	Cấn	T	Đông Bắc
1976	Bính Thìn	Càn	T	Tây Bắc	Ly	Đ	Nam
1977	Đinh Tỵ	Khôn	T	Tây Nam	Khảm	Đ	Bắc
1978	Mậu Ngọ	Tốn	Đ	Đông Nam	Khôn	T	Tây Nam
1979	Kỷ Mùi	Chấn	Đ	Đông	Chấn	Đ	Đông
1980	Canh Thân	Khôn	T	Tây Nam	Tốn	Đ	Đông Nam
1981	Tân Dậu	Khảm	Đ	Bắc	Cấn	T	Đông Bắc
1982	Nhâm Tuất	Ly	Đ	Nam	Càn	T	Tây Bắc
1983	Quý Hợi	Cấn	T	Đông Bắc	Đoài	T	Tây
1984	Giáp Tý	Đoài	T	Tây	Cấn	T	Đông Bắc
1985	Ất Sửu	Càn	T	Tây Bắc	Ly	Đ	Nam
1986	Bính Dần	Khôn	T	Tây Nam	Khảm	Đ	Bắc
1987	Đinh Mão	Tốn	Đ	Đông Nam	Khôn	T	Tây Nam
1988	Mậu Thìn	Chấn	Đ	Đông	Chấn	Đ	Đông
1989	Kỷ Tỵ	Khôn	T	Tây Nam	Tốn	Đ	Đông Nam
1990	Canh Ngọ	Khảm	Đ	Bắc	Cấn	T	Đông Bắc
1991	Tân Mùi	Ly	Đ	Nam	Càn	T	Tây Bắc
1992	Nhâm Thân	Cấn	T	Đông Bắc	Đoài	T	Tây
1993	Quý Dậu	Đoài	T	Tây	Cấn	T	Đông Bắc
1994	Giáp Tuất	Càn	T	Tây Bắc	Ly	Đ	Nam
1995	Ất Hợi	Khôn	T	Tây Nam	Khảm	Đ	Nam

1996	Bính Tí	Tốn	Đ	Đông Nam	Khôn	T	Bắc
1997	Đinh Sửu	Chấn	Đ	Đông	Chấn	Đ	Đông
1998	Mậu Dần	Khôn	T	Tây Nam	Tốn	Đ	Đông Nam
1999	Kỉ Mão	Khảm	Đ	Bắc	Cấn	T	Đông Bắc
2000	Canh Thìn	Ly	Đ	Nam	Càn	T	Tây Bắc
2001	Tân Tị	Cấn	T	Đông Bắc	Đoài	T	Tây
2002	Nhâm Ngọ	Đoài	T	Tây	Cấn	T	Đông Bắc
2003	Quý Mùi	Càn	T	Tây Bắc	Ly	Đ	Nam
2004	Giáp Thân	Khôn	T	Tây Nam	Khảm	Đ	Bắc
2005	Ất Dậu	Tốn	Đ	Đông Nam	Khôn	T	Tây Nam
2006	Bính Tuất	Chấn	Đ	Đông	Chấn	Đ	Đông
2007	Đinh Hợi	Khôn	T	Tây Nam	Tốn	Đ	Đông Nam
2008	Mậu Tí	Khảm	Đ	Bắc	Cấn	T	Đông Bắc
2009	Kỉ Sửu	Ly	Đ	Nam	Càn	T	Tây Bắc
2010	Canh Dần	Cấn	T	Đông Bắc	Đoài	T	Tây
2011	Tân Mão	Đoài	T	Tây	Cấn	T	Đông Bắc
2012	Nhâm Thìn	Càn	T	Tây Bắc	Ly	Đ	Nam
2013	Quý Tỵ	Khôn	T	Tây Nam	Khảm	Đ	Bắc
2014	Giáp Ngọ	Tốn	Đ	Đông Nam	Khôn	T	Tây Nam
2015	Ất Mùi	Chấn	Đ	Đông	Chấn	Đ	Đông
2016	Bính Thân	Khôn	T	Tây Nam	Tốn	Đ	Đông Nam
2017	Đinh Dậu	Khảm	Đ	Bắc	Cấn	T	Đông Bắc
2018	Mậu Tuất	Ly	Đ	Nam	Càn	T	Tây Bắc
2019	Kỉ Hợi	Cấn	T	Đông Bắc	Đoài	T	Tây
2020	Canh Tí	Đoài	T	Tây	Cấn	T	Đông Bắc
2021	Tân Sửu	Càn	T	Tây Bắc	Ly	Đ	Nam
2022	Nhâm Dần	Khôn	T	Tây Nam	Khảm	Đ	Bắc
2023	Quý Mão	Tốn	Đ	Đông Nam	Khôn	T	Tây Nam
2024	Giáp Thìn	Chấn	Đ	Đông	Chấn	Đ	Đông
2025	Ất Tỵ	Khôn	T	Tây Nam	Tốn	Đ	Đông Nam
2026	Bính Ngọ	Khảm	Đ	Bắc	Cấn	T	Đông Bắc
2027	Đinh Mùi	Ly	Đ	Nam	Càn	T	Tây Bắc
2028	Mậu Thân	Cấn	T	Đông Bắc	Đoài	T	Tây
2029	Kỉ Dậu	Đoài	T	Tây	Cấn	T	Đông Bắc
2030	Canh Tuất	Càn	T	Tây Bắc	Ly	Đ	Nam

Chú ý: Bảng mệnh trạch (Bảng Phi cung) dùng để tra *mệnh trạch* và *hướng nhà*. Bát cung và Ngũ hành dùng trong Phong thủy không phải là cung mệnh và Ngũ hành dùng trong khoa chiêm tinh.

Đ: Đông Tứ trạch; T: Tây Tứ trạch

2. BẢNG TUỔI LÀM NHÀ

Cung trạch	Tuổi chủ nhà (Âm lịch)											Ghi chú
Khôn (Phúc)	(1)	10	19	28	37	46	55	64	73	82	91	(KL1)
Đoài (Đức)	2	11	20	29	38	47	56	65	74	83	92	Tốt
Càn (Bại)	(3)	12	21	30	39	48	57	66	75	84	93	(KL2)
Khảm (Hư)	4	13	22	31	40	49	58	67	76	85	94	
Trung (Khốc)	5	14	23	32	41	50	59	68	77	86	95	
Cấn (Qủy)	(6)	15	24	33	42	51	60	69	78	87	96	(KL3)
Chấn (Tử)	7	16	25	34	43	52	61	70	79	88	97	
Tốn (Bảo)	(8)	17	26	35	44	53	62	71	80	89	98	(KL4)
Ly (Lộc)	9	18	27	36	45	54	63	72	81	90	99	Tốt

(KL: Kim lâu)

3. PHƯƠNG PHÁP CHỌN VỊ TRÍ ĐẶT BỒN NƯỚC

Phong thủy nghiên cứu hình thế hướng chảy của khí trên cơ sở "phong" và "thủy", trong đó yếu tố thủy có tính quan trọng hàng đầu. Thủy chính là nghiên cứu "long". Phương pháp nghiên cứu thủy khó hơn và có thể nói là tinh hoa của phong thủy. Các nhà phong thủy hiện đại cho rằng, việc trang trí "thủy" trong môi trương nội thất có ý nghĩa cải tạo môi trường sống, thúc đẩy tài vận. Vì vậy trong nhà cần lắp đặt bồn nước hay vòi nước, điều này có ý nghĩa thực tiễn với các ngôi nhà ở đô thị.

Xin xem bảng dưới đây:

- Hàng thứ hai của bảng chỉ rõ phương vị thích hợp để đặt nước. Chỉ cần đứng ở tâm nhà, nhìn thấy phía trên của vị trí đặt bồn nước là được.

- Hàng thứ ba của bảng chỉ rõ hiệu quả. Ở những cột ghi (không cần) có nghĩa là nhà hướng đó thì phong thủy không có vấn đề gì.

Cách đặt bồn nước như thế nào? Bồn nước ở đây không phải là giếng hay bể nước to. Thông thường bồn nước chỉ là thùng nước bình thường, hay chậu nước, đựng đầy nước sạch. Trong bồn có thể nuôi cá vàng hoặc núi non bộ, hoặc chỉ có nước không. Nếu trồng hoa hay cây trong đó thì hơi nước khó thoát lên nên không tốt. Nếu ngôi nhà lớn thì có thể đặt hai thùng nước (hoặc bể nước) to như nhau.

BẢNG VỊ TRÍ ĐẶT BỒN NƯỚC THEO 24 PHƯƠNG VỊ

Hướng (lưng) nhà	Nhâm	Tý	Quý	Sửu	Cấn	Dần	Giáp	Mão	Ất	Thìn	Tốn
Hướng bồn	Tuất	Mùi	Thân	Tị	Bính	Hợi	Tuất	Càn	Mùi	(Không	Tốn
Hiệu quả	1	2	3	3	2	3	4	1	4	cần)	1
Hướng (lưng) nhà	Bính	Ngọ	Đinh	Mùi	Khôn	Thân	Canh	Dậu	Tân	Tuất	Càn
Hướng bồn	Nhâm	Càn	Càn	Giáp	Cấn	Cấn	Tuất	Sửu	Cấn	(Không	Tuất
Hiệu quả	1	1	2	3	1	1	2	3	2	cần)	4

Trong đó:

1: Hòa hợp, nhu hòa, được giúp đỡ

2: Yên ổn. Ổn hậu, trường thọ

3: Phồn vinh, mạnh khoẻ,, ăn nói lưu loát

4: Phát triển, năng động giúp tăng thêm

4. NGUYÊN LÝ CHỌN NGÀY TỐT KHI LÀM NHÀ

a) Ngày làm nhà:

Hầu hết mọi người chọn ngày có các sao: Thanh Long; Hoàng đạo và hợp với tuổi của mình. Tránh các ngày Hắc đạo; Ly sào; ngày giờ xung với tuổi. Ngoài ra còn tránh các ngày xấu như Sát chủ, Thụ tử, Tam nương, Nguyệt kị, Kim thần thất sát.

b) Ngày động thổ:

Chọn ngày có các sao: Sinh khí, Thiên ân, Thiên đức, Nguyệt đức, Hoàng đạo, Thiên hỷ, Tam hợp, Địa tài

Kị ngày có các sao: Thổ cấm, Thổ kị, Ly sào, Nguyệt kiến, Nguyệt phá, Sát chủ, Hoang ốc. Trực phá, Trực trừ.

c) Ngày cất nóc đổ mái:

Chọn các ngày có các sao tốt giống như ngày động thổ, kị sao Thiên hỏa, Hỏa tai, Nguyệt phá, Trực phá.

d) Ngày nhập trạch:

Chọn ngày có sao: Thiên ân, Thiên hỷ, Thiên giải, Nguyệt tài, Thiên phú cùng các sao tốt như ngày động thổ.

Kị ngày có sao Chu tước, Hắc đạo.

*** Ngày xây cổng, tường rào:**

Chọn ngày Trực Bế.

5. CHỌN GIỜ TỐT TRONG NGÀY

Việc lựa chọn giờ tốt có thể dựa theo bảng giờ Hoàng đạo. Mỗi ngày đều có 6 giờ tốt (Hoàng đạo) và 6 giờ xấu (Hắc đạo). Các ô trống trong bảng chỉ giờ hắc đạo.(*Bảng Hoàng đạo trang bên*)

6. VĂN KHẤN ĐỘNG THỔ, CẤT NÓC

Nam mô a di đà Phật.(ba lần)

Ngày tháng...

Địa chỉ...

Tín chủ... đồng gia quyến đẳng thành tâm dâng lễ kim ngân hương hoa, đăng trà quả thực lễ phẩm chi nghi.

Cám cáo.

Cung thỉnh đương niên thái tuế... Vương hành khiển chi đức tôn thần.

Cung thỉnh đương cảnh thành hoàng đại Vương.

Cung thỉnh bản gia thổ công địa chúa ngũ phúc phu nhân vị tiền.

Bản gia đông trù tư mệnh táo phủ thần quân.

Bản xứ địa chúa phúc đức chính thần.

Cung thỉnh ngũ phương long mạch tiền hậu địa chủ tiếp dẫn tài thần.

Thỉnh trình nội ngoại gia tiên.

Hôm nay ngày lành tháng tốt bản gia tiến hành.

(hoặc ủy thác.... thay mặt chủ nhân tiến hành...)

Cúi xin giáng hạ án tiền, chứng lòng thành kính, thụ hưởng lễ vật, phù hộ gia nội, công việc hanh thông, chủ thọ bình an, vạn sự thông hành, âm phù dương trợ, sở nguyện tòng tâm.

Tín chủ phố cáo chư vị tiền chủ hậu chủ, chư vị hương

BẢNG GIỜ HOÀNG ĐẠO TRONG NGÀY

(Những ô để trống là giờ hắc đạo)

Ngày \ Giờ	Tí	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Tí - Ngọ	23-01	01-03		05-07			11-13		15-17	17-19		
Sửu - Mùi			03-05	05-07		09-11			15-17		19-21	21-23
Dần - Thân	23-01	01-03			07-09	09-11		13-15			19-21	
Mão - Dậu	23-01		03-05	05-07			11-13	13-15		17-19		
Thìn - Tuất			03-05		07-09	09-11			15-17	17-19		21-23
Tỵ - Hợi		01-03			07-09		11-13	13-15			19-21	21-23

bình an, vạn sự thông hành, âm phù dương trợ, sở nguyện tòng tâm.

Tín chủ phổ cáo chư vị tiền chủ hậu chủ, chư vị hương linh, cô hồn y thảo, mời đến thụ hưởng, phù trì gia chủ.

Nhất tâm bái tỉnh.

7. VĂN KHẤN NHẬP TRẠCH

Nam mô a di đà Phật (ba lần)

Ngày....tháng... năm.

Địa chỉ:..

Tín chủ... đồng gia quyến đẳng thành tâm dâng lễ kim ngân hương hoa, đăng trà quả thực lễ phẩm chi nghi.

Cảm cáo!

Cung thỉnh đương niên thái tuế... Vương hành khiển chí đức tôn thần.

Cung thỉnh đương cảnh thành hoàng đại Vương.

Cung thỉnh bản gia thổ công địa chúa ngũ phúc phu nhân vị tiền.

Bản gia đông trù tư mệnh táo phủ thần quân.

Bản xứ địa chúa phúc đức chính thần.

Cung thỉnh ngũ phương long mạch tiền hậu địa chủ tiếp dẫn tài thần.

Thỉnh trình nội ngoại gia tiên, nhờ hồng phúc tiên tổ, gia cư tu tạo hoàn thành, chọn được ngày lành tháng tốt thiết lập án thờ kê giường nhóm lửa, kính lễ nhập trạch.

Cúi xin chư vị tôn thần, nội ngoại gia tiên, cùng chư vị hương linh thương xót cháu con, giáng hạ án tiền, chứng lòng thành kính.

Phù hộ gia nội bình an, tài lộc vượng tiến, gia đạo hưng long, cháu con tiến bộ. Xuất nhập tiến triển vạn sự hanh thông.

Nhất tâm bái thỉnh.

Mục Lục

Chương I
KHÁI QUÁT CHUNG

I. Phong thủy là gì? 7
II. Một số địa thế Cát -Hung điển hình 16
III. Phương vị ngôi nhà 23
IV. Làm nhà theo Mệnh trạch 28
1. Mệnh trạch là gì? 28
2. Tuổi làm nhà 31
3. Bố trí mặt bằng theo Mệnh trạch 33
4. Bố trí nội thất 35
5. Xác định hướng nhà 23
6. Tìm tâm điểm trong nhà 37
7. La bàn và thước địa lý 40
8. Sắp xếp du tinh và huyền không phi tinh.. 41
9. Đông và Tây tứ trạch 43
10. Quan hệ giữa các sao với tài vận 55
11. Quan hệ tài vận của tử Bạch cửu tinh 58
V. Một số điều kiêng kị và chú ý 63
a) Kiêng kỵ khi chọn đất 63
b) Kiêng kỵ hình thái xung quanh nhà 68
c) Những kiêng kỵ về kết cấu ngôi nhà 73
d) Kiêng kỵ đối với các phòng của ngôi nhà 74
e) Vị trí đặt bàn thờ 76
g) Chọn hướng cổng, cửa chính theo phái Tam Nguyên77

Chương II

ẢNH HƯỞNG CỦA NGOẠI CẢNH ĐẾN TÀI VẬN

I. Thủy cục vượng tài và đảo thủy cục 85
1. Nghịch thủy vượng tài cục 85
2. Ứng dụng nghịch thủy vượng tài cục 88
3. Xác định dòng chảy 92
4. Hóa giải tài vượng khó tích tụ. 95
5. Hình núi hung cát 96
II. Sát khí và cách hóa giải 100
1. Thiên trảm sát 100
2. Tiễn sát 102

Chương III

BỐ TRÍ NỘI THẤT ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÀI VẬN

I. Những vị trí tài vượng trong nhà 104
1. Vị trí tài vận theo quẻ Huyền không đại nguyên . 104
2. Vị trí tài vận của Bát trạch du tinh 105
3. Vị trí tài vận của huyền không phi tinh 106
II. Nguyên lý bố cục trong nhà để có tài vận 108
III. Một số thiết bị thúc đẩy tài vượng 110

Chương IV

MÔ HÌNH ỨNG DỤNG BÁT TRẠCH VÀ 24 SƠN HƯỚNG

I. Bố cục nhà hướng Dọc - hướng Ngang 117
II. 32 Sơn hướng 122
* Khảm trạch - Tọa Bắc hướng Nam 122
* Cấn trạch - Tọa Đông Bắc hướng Tây Nam 134
* Chấn trạch - Tọa Đông hướng Tây 146
* Tốn trạch - Tọa Đông Nam hướng Tây Bắc 158
* Ly trạch - Tọa Nam hướng Bắc 170
* Khôn trạch - Tọa Tây Nam hướng Đông Bắc 182

* Đoài trạch - Tọa Tây hướng Đông 194
* Càn trạch - Tọa Tây Bắc hướng Đông Nam 206

PHỤ LỤC: BẢNG TRA CỨU

1. Bảng mệnh trạch (nam và nữ) 220
2. Bảng xem tuổi làm nhà 232
3. Phương pháp lắp đặt bồn nước 224
4. Nguyên lý chọn ngày giờ tốt làm nhà 226
5. Chọn giờ tốt trong ngày và bảng giờ Hoàng đạo.. 227
6. Văn khấn động thổ, cất nóc 227
7. Văn khấn nhập trạch 229



Phong thủy - Tài vượng

Làm nhà, mua nhà cần biết

Nhà xuất bản Thanh Hóa

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Bùi Cao Tiêu
Biên tập:
Thu Thủy
Trình bày:
Cty VH Đông Sơn
Sửa in:
Trần Sinh

Anh chị có thể xem thêm nhiều tài liệu phong thủy hay về nhà ở tại Blog On Home Asia: https://blog.onhome.asia/phong-thuy-nha-o

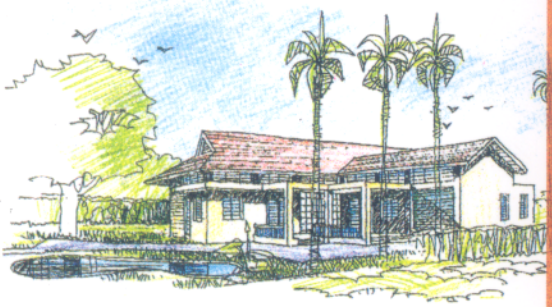
"Mắt toét là tại
hương đình
Cả làng mắt toét
chữ mình em đâu"
Ca dao Việt Nam



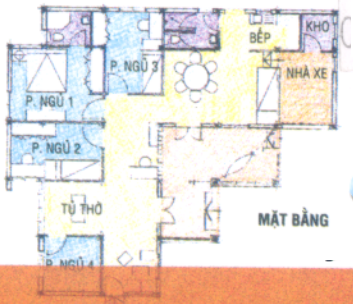




- **PHONG THỦY LÀ GÌ?**
- **LÀM NHÀ THEO MỆNH TRẠCH**
- **MỘT SỐ ĐIỀU KIÊNG KỊ DÂN GIAN**
- **ẢNH HƯỞNG CỦA NGOẠI CẢNH ĐẾN TÀI VẬN**
- **BỐ TRÍ NỘI THẤT TÁC ĐỘNG ĐẾN TÀI VẬN**
- **MÔ HÌNH ỨNG DỤNG BÁT TRẠCH VÀ 24 SƠN HƯỚNG CHO NHÀ HƯỚNG DỌC VÀ NGANG**



PHỐI CẢNH



MẶT BẰNG